

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC**

**LÊ THỊ TRƯỜNG**

**TÍNH TỰ SỰ**  
**TRONG THƠ NGUYỄN BÌNH**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA VIỆT NAM**

**Thái Nguyên - 2016**

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC**

**LÊ THỊ TRƯỜNG**

**TÍNH TỰ SỰ**  
**TRONG THƠ NGUYỄN BÌNH**

**Chuyên ngành: Văn học Việt Nam**

**Mã số: 60.22. 01. 21**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA VIỆT NAM**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:**

**TS. LÊ THỊ NGÂN**

**Thái Nguyên – 2016**

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận văn là trung thực và chưa từng được công bố trong bất cứ công trình nào khác.

*Thái Nguyên, ngày 20 tháng 5 năm 2016*

Tác giả

**Lê Thị Trường**

## LỜI CẢM ƠN

Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành, sâu sắc tới TS Lê Thị Ngân, người thầy khoa học đã nhiệt tình, tận tâm hướng dẫn, giúp đỡ tôi trong quá trình thực hiện và hoàn thành luận văn này !

Tôi xin chân thành cảm ơn các thầy giáo, cô giáo trong Khoa Ngữ văn, Phòng đào tạo, Phòng Quản lý khoa học, Thư viện Trường Đại học khoa học-Đại học Thái Nguyên đã luôn tạo điều kiện, giúp đỡ, động viên tôi trong quá trình học tập, nghiên cứu.

Nhân dịp này, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất tới Ban Giám đốc Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Yên Bái, các thầy cô giáo trong phòng Bồi dưỡng và Giảng dạy văn hóa, cùng gia đình, bạn bè, đồng nghiệp đã động viên, giúp đỡ, tạo điều kiện cho tôi trong suốt thời gian qua!

*Thái Nguyên, ngày 20 tháng 05 năm 2016*

Tác giả

**Lê Thị Trường**

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Lời cam đoan.....	i
LỜI cảm ơn .....	ii
<b>PHẦN MỞ ĐẦU</b> .....	1
1. Lý do chọn đề tài .....	1
2. Lịch sử vấn đề .....	2
3. Đối tượng và mục tiêu nghiên cứu.....	8
4. Nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu .....	8
5. Phạm vi nghiên cứu .....	9
6. Cấu trúc của luận văn .....	9
7. Đóng góp của luận văn .....	9
<b>NỘI DUNG</b> .....	10
<b>Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG</b> .....	10
<b>1.1. Khái niệm tự sự và trữ tình</b> .....	10
<i>1.1.1. Khái niệm tự sự</i> .....	10
<i>1.1.2. Khái niệm trữ tình</i> .....	10
<i>1.1.3. Hiện tượng giao thoa giữa thể loại trữ tình và tự sự</i> .....	17
<b>1.2. Tự sự trong thơ</b> .....	21
<i>1.2.1. Khái niệm về tự sự trong thơ</i> .....	21
<i>1.2.2. Những chủ thể trữ tình kể chuyện</i> .....	22
<b>1.3. Hành trình thơ Nguyễn Bính</b> .....	26
<i>1.3.1. Vài nét về cuộc đời và con người Nguyễn Bính</i> .....	26
<i>1.3.2. Con đường thơ Nguyễn Bính</i> .....	32
<b>Tiểu kết chương 1</b> .....	34
<b>Chương 2. TÍNH TỰ SỰ TRONG THƠ NGUYỄN BÌNH</b> .....	35
<b>2.1. Mỗi bài thơ là một câu chuyện kể</b> .....	35
<i>2.1.1. Hình thức cốt truyện</i> .....	35

2.1.2. Dòng chảy thời gian.....	46
<b>2.2. Lỗi tự sự trong mỗi hình ảnh thơ.....</b>	<b>52</b>
2.2.1. Hình ảnh của hồn quê da diết.....	52
2.2.2. Hình ảnh của tình người đắm say.....	59
<b>2.3. Giá trị của tính tự sự trong thơ Nguyễn Bính.....</b>	<b>67</b>
2.3.1. Tạo nên giá trị thẩm mỹ và nhân văn sâu sắc. ....	67
2.3.2. Mang đậm sắc thái văn hoá dân gian.....	77
<b>Tiểu kết chương 2 .....</b>	<b>86</b>
<b>Chương 3: MỘT VÀI MÔ TÍP ĐIỂN HÌNH MANG TÍNH TỰ SỰ</b>	
<b>TRONG THƠ NGUYỄN BÌNH .....</b>	<b>87</b>
<b>3.1. Mô típ tha hương .....</b>	<b>87</b>
<b>3.2. Mô típ tan vỡ .....</b>	<b>92</b>
<b>3.3. Mô típ tàn phai .....</b>	<b>102</b>
<b>Tiểu kết chương 3 .....</b>	<b>107</b>
<b>KẾT LUẬN.....</b>	<b>108</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	

## PHẦN MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Vào những năm 30 của thế kỉ trước, cùng với những biến động lớn về kinh tế, chính trị, xã hội... trên thi đàn văn học Việt Nam đã diễn ra một cuộc “cách mạng”, đánh dấu những bước cách tân vượt bậc của cả một nền thơ. Đó là cuộc “cách mạng thi ca” của phong trào Thơ mới. Kể từ khi ra đời cho đến nay, trải qua bao cuộc thăng trầm trong sự nhìn nhận, đánh giá, Thơ mới đã tự khẳng định vị thế của mình trên tiến trình lịch sử văn học dân tộc. Với sức hút kì diệu, Thơ mới đã và đang trở thành mối quan tâm của nhiều thế hệ người đọc và thế hệ các nhà nghiên cứu – phê bình.

Giữa bầu trời thi ca Việt Nam những năm 1932 - 1945, người ta không chỉ thấy vằng vặc những ngôi sao sáng chói như Thế Lữ, Lưu Trọng Lư, Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên, Hàn Mặc Tử... mà còn xuất hiện tên tuổi một thi nhân mang hồn thơ của “huong đồng gió nội”, thi sỹ Nguyễn Bính. Nếu nói thơ mới là bản hoà tấu với nhiều thanh sắc, thì thơ Nguyễn Bính được coi như tiếng đàn bầu da diết hồn quê. Thơ Nguyễn Bính quen thuộc mà không nhàm chán, ngọt ngào, ấm áp yêu thương mà bí ẩn không cùng. Ta bắt gặp đâu đó những khát khao cháy bỏng, những rung động tinh tế, cứ như là tự trong lòng mình mà thi nhân nói hộ. Trong Thơ mới, một trong những nét riêng của thơ Nguyễn Bính, góp phần tạo nên phong cách thơ ông là yếu tố tự sự trong thơ trữ tình.

Yếu tố tự sự trong thơ trữ tình không phải là sáng tạo riêng của phong trào thơ mới hay của Nguyễn Bính. Truyền Nôm xưa nói chung thường mang yếu tố chuyện “có tích rồi mới có thơ”. *Tống Trân Cúc Hoa, Phạm Tải Ngọc Hoa, Nhị Độ Mai...* đều là như thế. Đến đầu thế kỉ XX, luồng gió mới thổi vào đời sống thơ ca Việt Nam. Các nhà thơ đã tìm cách làm mới mình và cảm xúc. Thơ không chỉ gắn với tích, với chuyện nữa. Mặc dù bài thơ **Tình già** của Phan Khôi - tác phẩm minh họa cho bài viết “**Một lối thơ mới trình chánh giữa làng thơ**” in ngày 10/3/1932, trên Tạp chí Phụ nữ Tân văn, cốt lõi vẫn là một câu chuyện kể. Nhưng các nhà thơ mới quan tâm nhiều hơn đến những cảm xúc thăng hoa bất chợt đến,

bất chợt đi của lòng mình nhiều hơn. Buồn vu vơ, vui vu vơ. Ngày càng xuất hiện những bài thơ không thể tóm tắt trong một hai câu kể. Và những khoảng khắc ấy của cảm xúc thi nhân đã nhận được rất nhiều sự đồng điệu của tâm hồn bạn đọc. Bản chất chung của thơ, “theo phương thức trữ tình, thường biểu đạt những khoảng khắc của nội tâm, những lát cắt của tư tưởng”, thơ Mới lại càng thế. Nhưng “người nhà quê Nguyễn Bính” vẫn thủ thi kể chuyện qua những trang thơ của mình như thể ngày xưa chưa bao giờ qua. Những sự kiện, nhân vật, tình tiết, không gian, thời gian, xung đột... Những điều mà những nhà soạn kịch, viết phim, có thể xây dựng thành kịch bản, những nhà tiểu thuyết có thể mượn cốt truyện mà làm thành tác phẩm dài kỳ của mình.

Nghiên cứu tính tự sự trong thơ Nguyễn Bính là việc làm thiết thực, có ý nghĩa đối với sự tìm hiểu và đánh giá giá trị thơ Nguyễn Bính trong dòng chảy của thơ ca dân tộc và cũng là để khẳng định thêm một lần nữa phong cách nghệ thuật Nguyễn Bính, vị trí không thể nào thay thế của Nguyễn Bính trên văn đàn.

## **2. Lịch sử vấn đề**

### ***2.1. Khái quát lịch sử nghiên cứu về thơ của Nguyễn Bính***

Nguyễn Bính là một trong những nhà thơ xuất sắc của phong trào Thơ mới. Sự xuất hiện của ông trên thi đàn không ồn ã như nhiều hiện tượng cùng thời. Tuy nhiên, thơ ông, cho đến ngày hôm nay, và chắc chắn không chỉ hôm nay, vẫn đang chảy trong dòng thơ dân tộc. Một đất nước mà ai cũng có một vùng quê để thương nhớ, thì thơ Nguyễn Bính có sức lay động đến tận cùng trái tim mỗi người cũng là điều dễ hiểu.

Nhìn một cách khái quát, quá trình nghiên cứu về thơ Nguyễn Bính có thể chia làm ba giai đoạn: trước Cách mạng tháng 8/1945; sau Cách mạng tháng 8/1945 đến 1975; và từ sau 1975.

#### *Trước Cách mạng 8/1945*

Ngay từ những bài đầu tiên xuất hiện trên thi đàn, thơ Nguyễn Bính đã chiếm được lòng yêu mến của đông đảo bạn đọc và sự chú ý của giới phê bình nghiên cứu. Phần lớn những sáng tác thơ có giá trị của Nguyễn Bính được ra đời trong giai đoạn



này, và đương thời ông đã nhận được sự mến mộ của đông đảo người đọc. Tuy nhiên, sự quan tâm của giới nghiên cứu đến với thơ ông chưa nhiều. Điều này đã được Hoài Thanh lý giải trong “*Thi nhân Việt Nam*” như sau: “...Cái đẹp kín đáo của những vần thơ Nguyễn Bính, tuy cảm được một số đông công chúng mộc mạc, khó lọt vào con mắt các nhà thông thái thời nay. Tình cờ có đọc thơ Nguyễn Bính họ sẽ bảo: “Thơ như thế này thì có gì?”. Họ có ngờ đâu họ đã bỏ rơi một điều mà người ta không thể hiểu được bằng lý trí, một điều quý vô ngần “hồn xưa của đất nước” [14, 344].

Với “con mắt xanh” của một nhà nghiên cứu tài hoa, Hoài Thanh đã phát hiện ra nét đẹp đậm đà, kín đáo, trong hồn thơ Nguyễn Bính. Cũng viết về làng quê, nhưng người ta thấy nét riêng của Nguyễn Bính so với Bằng Bá Lân, Anh Thơ, Đoàn Văn Cừ...Cùng thời với Hoài Thanh, Vũ Ngọc Phan – tác giả của cuốn sách “*Nhà văn hiện đại*” – một trong hai công trình phê bình văn học lớn nhất thời ấy, cũng phát hiện ra “thứ tình quê phác thực” được toát lên từ những câu thơ mang dáng vẻ “thực thà”, “hai lần hai là bốn” của Nguyễn Bính [34, 701].

Giai đoạn này, việc nghiên cứu về tác giả Nguyễn Bính chỉ mới dừng lại ở những nhận định mở đầu mang tính khái quát. Giữa thời đại Thơ mới đang trỗi hoa đua sắc, phải là những người có con mắt cảm thụ nghệ thuật tinh đời như các tác giả “*Thi nhân Việt Nam*” mới có thể nhận diện được một hồn thơ độc đáo, đặc sắc như hồn thơ Nguyễn Bính.

#### *Sau Cách mạng 8/1945 đến 1975*

Sau cách mạng tháng 8/1945, đất nước bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Do yêu cầu và hoàn cảnh của cuộc kháng chiến, của tình hình chính trị đất nước mà suốt trong những năm từ 1945 – 1954, thơ Nguyễn Bính ít được quan tâm. Đó cũng là tình trạng chung đối với các tác giả trong phong trào Thơ mới. Từ sau 1954, thơ Nguyễn Bính có được nhắc tới nhưng không nhiều, tập trung chủ yếu vào mảng thơ sáng tác thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp. Sau biến động của vụ báo *Trăm Hoa*, Nguyễn Bính dường như càng im hơi bật tiếng trên văn đàn.

Ở miền Bắc, trong một số công trình viết về Thơ mới vào những năm 60 của thế kỷ trước, thơ Nguyễn Bính chỉ được điếm qua và sự khẳng định của người viết

còn hết sức dè dặt. Giới nghiên cứu tuy vẫn nhớ tới ông, nhưng vì nhiều lý do “nhạy cảm” người ta đành bỏ quên ông trên trang viết.

Ở miền Nam, Nguyễn Bính được nhắc tới nhiều hơn trên các báo, tạp chí. Trong tập san Văn, Sài Gòn số 60 – số đặc biệt kỷ niệm về Nguyễn Bính đã đăng hàng loạt bài viết về ông của các tác giả Vũ Bằng, Nguyễn Phan, Sơn Nam, Thái Bạch... Nguyễn Bính còn xuất hiện trong một số cuốn sách như: “*Việt Nam thi nhân tiền chiến*” của Nguyễn Tấn Long, Nguyễn Hữu Trọng (Quyển thượng, 1968); “*Việt Nam văn học sử giản ước tân biên*” của Phạm Thế Ngũ (1965), “*Lược sử văn nghệ Việt Nam*” của Thế Phong (1974). Tuy nhiên, để nói tới một công trình nghiên cứu xứng tầm với Nguyễn Bính thì chưa có.

Viết về Nguyễn Bính, tác giả Nguyễn Tấn Long nhận xét: “Khác với Xuân Diệu, Huy Cận hay Hồ Dzếnh bộc lộ tâm tình quá tự nhiên như người Tây Phương, ca tụng, mời mọc yêu đương, cô vũ sự khao khát ái tình, đề cao yêu thương thèm muốn, lãng mạn đến cao độ. Nguyễn Bính cũng không giống một Lưu Trọng Lư mơ tình trong cõi mộng, huy hoàng, diễm ảo thì có, nhưng nó trống vắng, mông lung, tình yêu chập chờn hư hư thực thực. Ngược lại, Nguyễn Bính đã dành hết tâm tình mình cho những cõi lòng của những cô gái mộc mạc trong nếp sống cổ xưa, bối rối, băng khuâng trước tình yêu tha thiết mà không dám cưỡng mệnh mẹ cha, hoặc phá vỡ nề nếp cũ, rết dè, e ngại trước bức tường đạo lý nghìn đời để rồi tình duyên lỡ làng, chỉ còn biết khóc than, rên rỉ”[15, 279].

#### *Từ 1975 đến nay*

Kể từ khi Nguyễn Bính qua đời năm 1966 tại Thành Nam và trong vòng 20 năm sau đó, những sáng tác của ông dường như bị giới nghiên cứu, phê bình văn học buông lơi. Cho đến tận sau đổi mới 1986, chính sách mở của văn nghệ đã tạo điều kiện cho giới nghiên cứu được tung cây bút trong bầu khí quyền tự do thực sự. Lúc này, người ta tìm đến Nguyễn Bính, háo hức như đi đào xới một kho tàng chưa phát lộ. Thơ Nguyễn Bính được nghiên cứu rất rầm rộ và đạt được nhiều thành tựu đáng kể. Những sáng tác thơ của ông dần được hồi sinh và chứng tỏ sức sống mạnh

mẽ của nó. Đã hơn 25 năm nữa trôi qua, kể từ sau đổi mới, người ta vẫn viết về ông, nhắc đến ông như một tài năng thi ca đích thực.

Đầu tiên là sự xuất hiện liên tục của những sưu tập, tuyển tập thơ Nguyễn Bính. Ngoài những công trình in chung thì hàng chục tập thơ riêng của ông được lần lượt xuất bản, tái bản nhiều lần. Điều đó cho thấy cái nhìn của giới nghiên cứu đối với Nguyễn Bính và thơ ông đã “thông thoáng” hơn! Tiếp đó, khi giới nghiên cứu vào cuộc đông đảo, những cuốn sách viết về cuộc đời, con người và phong cách thơ Nguyễn Bính cũng tiếp tục ra đời. Khá nhiều đoạn đời Nguyễn Bính được dựng lại, dù có khi chỉ thông qua những giai thoại. Ngoài một số công trình sưu tầm, tuyển chọn những bài viết đặc sắc của nhiều tác giả như:

*Nguyễn Bính - thi sĩ của thương yêu* : Chuyên đề / Sưu tầm và biên soạn: Hoài Việt. Nxb. Hội nhà văn, 1990.

*Nguyễn Bính thơ và đời* / Hoàng Xuân tuyển chọn. Nxb Văn học, 1998.

*Nguyễn Bính – Nhà thơ chân quê*/ Thảo Linh tuyển chọn và biên soạn Nxb Văn hoá Thông tin, 2000.

*Nguyễn Bính - về tác gia và tác phẩm* / Hà Minh Đức, Đoàn Đức Phương tuyển chọn và giới thiệu. Nxb Giáo dục, 2001.

*Nét độc đáo trong thơ Nguyễn Bính* / Hoàng Xuân tuyển chọn. Nxb Văn hoá Thông tin, 2008.

Còn có những công trình nghiên cứu rất công phu, khai thác được nhiều vấn đề trong sáng tác của Nguyễn Bính. Có thể kể đến như:

*Nguyễn Bính - thi sĩ của đồng quê* / Hà Minh Đức. Nxb Giáo dục, 1995.

*Ba đỉnh cao thơ mới Xuân Diệu - Nguyễn Bính - Hàn Mặc Tử* / Chu Văn Sơn. Nxb Giáo dục, 2000.

*Nguyễn Bính - hành trình sáng tạo thi ca* / Đoàn Đức Phương. Nxb Giáo dục, 2005.

Theo thống kê số liệu tại thư viện Quốc gia Việt Nam, những công trình viết riêng về Nguyễn Bính đến nay phải lên tới con số trên dưới 40 đầu sách. Đó là chưa

kể những cuốn được tái bản lại nhiều lần. Hiếm có nhà thơ nào lại dành được những tình cảm ưu ái lớn như vậy từ người đọc trong suốt một thời gian dài như Nguyễn Bính. Trong các bài giới thiệu, nghiên cứu, các chuyên luận về văn chương, đặc biệt là các công trình viết về Thơ mới, sự góp mặt của Nguyễn Bính là không thể thiếu, như một khẳng định ông là thành viên quan trọng và chủ yếu của giai đoạn thơ này. Rất nhiều nhà nghiên cứu phê bình văn học như Tô Hoài, Hà Minh Đức, Chu Văn Sơn, Lại Nguyên Ân, Đỗ Lai Thúy, Tôn Phương Lan, Nguyễn Đăng Điệp, Lê Quang Hưng... đã viết về Nguyễn Bính với tình cảm yêu mến, trân trọng và cảm phục. Trên báo chí, các trang mạng điện tử, những bài viết về Nguyễn Bính liên tục được đăng tải, không chỉ có độc giả cả nước mà còn thu hút sự quan tâm của bạn đọc nước ngoài. Ông vinh dự giữ một vị trí xứng đáng trong “*Từ điển văn học*”. Tác phẩm của Nguyễn Bính được đưa vào giảng dạy ở chương trình phổ thông, Đại học, trở thành đề tài nghiên cứu của nhiều sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh.

Có thể thấy cho đến nay tổng số các công trình nghiên cứu về Nguyễn Bính không phải là ít. Nhìn một cách tổng quát, qua các thời kì lịch sử khác nhau, cuộc đời và sự nghiệp nhà thơ Nguyễn Bính cũng có những thăng trầm nhưng việc cảm thụ, đánh giá thơ và đời Nguyễn Bính ít có những khác biệt, những mâu thuẫn gay gắt, không tạo ra những cuộc bút chiến, tranh luận căng thẳng. Về căn bản, những nhận xét đánh giá của giới nghiên cứu phê bình về Nguyễn Bính khá thống nhất. Dù ở thời nào, Nguyễn Bính vẫn được coi là “thi sĩ của đồng quê”, nhà thơ của “chân quê”, “hồn quê”, “tình quê”, “thi sĩ của thương yêu” và các nhà nghiên cứu đều khẳng định đó chính là cái hay, cái đậm đà bản sắc dân tộc, cái hơn người của Nguyễn Bính. Với một bề dày lịch sử, sự nghiệp thơ Nguyễn Bính đã được các nhà nghiên cứu xem xét ở rất nhiều góc độ, từ nội dung đến hình thức, từ tư tưởng phong cách đến thể giới nghệ thuật...

## **2.2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề “*Tính tự sự trong thơ Nguyễn Bính*”**

Trong các sách nghiên cứu về những nhà Thơ mới tiêu biểu, một số người cũng đã chỉ ra được một vài biểu hiện của yếu tố tự sự trong từng tác phẩm thơ trữ tình cụ thể. Chẳng hạn như ở tác phẩm: *Tinh hoa Thơ mới thẩm bình và suy ngẫm* Lê Quang Hưng. Khi bàn về tập *Mấy vần thơ* Thế Lữ đã viết: “ không ít bài ở tập

*Mấy vần thơ* được viết theo thể tự do, không cách khổ, đoạn đều đặn, “chạy dài” theo dòng kể ( tỉ lệ 18/47 bài) không ít đoạn trong tập thơ này bị văn xuôi hoá với dòng thơ có lúc trên mười âm tiết”. Cũng trong tác phẩm này, Lê Quang Hưng còn nhận xét về thơ Nguyễn Nhược Pháp như sau: “với tâm hồn đôn hậu, trong sáng và ngòi bút hóm hỉnh, Nguyễn Nhược Pháp đã đem về cho những câu chuyện ngày xưa của tổ tiên, của ông bà vẻ sắc linh hoạt tươi vui, lẫm lức thật ngộ nghĩnh. Ngay cả khi miêu tả cuộc chiến ác liệt để giành giật công chúa Mị Nương giữa Sơn Tinh và Thủy Tinh”. Những tìm tòi của Lê Quang Hưng về yếu tố tự sự trong thơ trữ tình của Thế Lữ, Nguyễn Nhược Pháp là một trong những sự khai phá, mở lối cho những người đi sau khám phá các biểu hiện của yếu tố tự sự trong thơ trữ tình thuộc phong trào Thơ mới.

Nhà nghiên cứu phê bình văn học Chu Văn Sơn trong *Ba đỉnh cao Thơ mới Xuân Diệu - Nguyễn Bính –Hàn Mặc Tử* đã nhận thấy: “hạt nhân của mỗi bài thơ Nguyễn Bính bao giờ cũng là một cái sự nào đó, được diễn ra thành một cái cốt truyện ở một mức độ nào đó”. Những phát hiện tinh tế của Chu Văn Sơn cho thấy tính tự sự đã trở thành phong cách của một nhà thơ nổi tiếng trong phong trào thơ mới đó là nhà thơ Nguyễn Bính.

Như vậy tính tự sự trong phong trào Thơ mới không phải là vấn đề nghiên cứu mới. Tuy không gọi đích danh thuật ngữ nhưng các khía cạnh tự sự đã được các nhà phê bình và nghiên cứu văn học quan tâm từ rất lâu qua việc dẫn chứng và miêu tả, biểu dương và phê phán khi viết điểm sách, giới thiệu thơ, qua các công trình nghiên cứu về tác giả thơ, về lịch sử văn học. Nhưng do tính chất của từng phạm vi đối tượng nghiên cứu, các khía cạnh tự sự chỉ được quan tâm từ phía nội dung khách thể phản ánh trong tác phẩm.

Kế thừa những ý kiến gợi ý của một số người đi trước, trong luận văn này chúng tôi sẽ tiếp tục nghiên cứu “*Tính tự sự trong thơ Nguyễn Bính*”. Thực chất đây là tìm hiểu về một đặc trưng thi pháp của thơ mới, là nghiên cứu sự mở rộng chức năng xã hội, thẩm mỹ của tính tự sự trong thơ Nguyễn Bính.

### **3. Đối tượng và mục tiêu nghiên cứu**

#### **3.1. Đối tượng nghiên cứu**

Tính tự sự trong thơ trữ tình Nguyễn Bính

#### **3.2. Mục tiêu nghiên cứu**

Khẳng định những đóng góp nghệ thuật của Nguyễn Bính khi sử dụng tính tự sự trong thơ. Qua đó, góp phần làm rõ hơn nét riêng độc đáo trong phong cách thơ Nguyễn Bính.

### **4. Nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu**

#### **4.1. Nhiệm vụ nghiên cứu**

Luận văn tập trung vào những nhiệm vụ cơ bản sau:

- Tìm hiểu tính tự sự trong thơ Nguyễn Bính và giá trị của chúng trong việc thể hiện hồn thơ Nguyễn Bính.
- Nghiên cứu những mô típ điển hình mang tính tự sự trong thơ Nguyễn Bính.

#### **4.2. Phương pháp nghiên cứu**

##### **4.2.1. Phương pháp thống kê, phân loại**

Bước đầu tiên của quá trình nghiên cứu chúng tôi tiến hành khảo sát các tác phẩm của Nguyễn Bính, phân loại theo nhóm, tần số xuất hiện của các mô típ mang màu sắc riêng trong thơ Nguyễn Bính.

##### **4.2.2. Phương pháp so sánh – đối chiếu**

Trên cơ sở dữ liệu thu được, chúng tôi tiến hành so sánh, đối chiếu tính tự sự trong thơ Nguyễn Bính với các nhà thơ khác.

##### **4.2.3. Phương pháp phân tích, tổng hợp**

Chúng tôi ý thức được rằng việc vận dụng phương pháp phân tích tổng hợp sẽ đưa lại những kết luận có căn cứ, có sức khái quát lớn.

##### **4.2.4. Phương pháp hệ thống**

Khi nghiên cứu tính tự sự trong thơ Nguyễn Bính chúng tôi luôn đặt chúng trong hệ thống ngôn ngữ của từng tác phẩm và xuyên chuỗi trong các lần xuất hiện

khác nhau. Phương pháp hệ thống sẽ giúp chúng tôi có cái nhìn khách quan, lô gic hơn về thơ và tính tự sự trong thơ Nguyễn Bính.

## **5. Phạm vi nghiên cứu**

Luận văn tập trung nghiên cứu biểu hiện, vai trò và giá trị của tính tự sự trong thơ Nguyễn Bính.

## **6. Cấu trúc của luận văn**

Luận văn được cấu trúc làm 3 phần chính: phần mở đầu, phần nội dung, phần kết luận.

Phần nội dung gồm 3 chương:

Chương 1. Những vấn đề chung.

Chương 2. Tính tự sự trong thơ Nguyễn Bính

Chương 3. Một vài mô típ điển hình mang tính tự sự trong thơ Nguyễn Bính

## **7. Đóng góp của luận văn**

### ***7.1. Về mặt lý thuyết***

- Giới thuyết được những nét cơ bản về tính tự sự trong thơ Nguyễn Bính.
- Cách thức tư duy chủ yếu để khai thác tính tự sự trong thơ Nguyễn Bính một cách có hệ thống.
- Những bình diện sáng tạo cơ bản trong thế giới nghệ thuật của Nguyễn Bính được soi chiếu từ một góc độ mới.

### ***7.2. Về mặt thực tiễn***

Thơ Nguyễn Bính được đưa vào chương trình Ngữ văn phổ thông và chương trình ở bậc Đại học. Vì vậy, đề tài sẽ đóng góp thêm một nẻo tìm về hồn thơ Nguyễn Bính để người dạy, người học sẽ có cái nhìn sâu sắc hơn về một nhà thơ đã vốn rất sâu sắc và đậm thắm này.

## NỘI DUNG

### Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

#### 1.1. Khái niệm tự sự và trữ tình

##### 1.1.1. Khái niệm tự sự

Theo **Từ điển thuật ngữ văn học**: Tự sự là phương thức tái hiện đời sống trong toàn bộ tính khách quan của nó. Tác phẩm tự sự bao giờ cũng có cốt truyện. Gắn với cốt truyện là hệ thống nhân vật được khắc họa đầy đủ nhiều mặt hơn hẳn so với nhân vật trong thơ trữ tình và nhân vật kịch.

Theo G. Genette: “Tự sự là trình bày một sự kiện hay một chuỗi sự kiện có thực hay hư cấu, bằng phương tiện ngôn ngữ, đặc biệt là ngôn ngữ tự sự.”[33, 41].

Tự sự là một khái niệm rộng và có thể xét ở hai bình diện. Bình diện thứ nhất, tự sự như đồng nghĩa với “câu chuyện kể”, đối lập với miêu tả. Bình diện thứ hai, tự sự được xem xét theo hành động kể chuyện, như vậy ít nhất đã bao hàm vấn đề người kể chuyện (điểm nhìn, giọng điệu), người tiếp nhận được khám trong văn bản, do sự lựa chọn để đối thoại của người kể chuyện (mà không phải là người đọc cụ thể, mở rộng tới bất kì ai).

Như thế, văn bản tự sự có ba đặc điểm. Một là có người kể, hai là có hành động tự sự và ba là có sự kiện được kể ra. Sự kiện là một nền tảng của tự sự, nó tạo nên chuyện, câu chuyện, cốt chuyện (truyện); không có sự kiện thì không có tự sự. Đó là một nhận thức đã thành định lệ.

##### 1.1.2. Khái niệm trữ tình

Khái niệm trữ tình được hiểu theo hai nghĩa: thứ nhất, trữ tình là một trong ba phương thức miêu tả trong văn học; thứ hai, trữ tình là một loại văn học bên cạnh các loại tự sự, kịch.

Ở nghĩa thứ nhất, khái niệm trữ tình để chỉ phương thức miêu tả của văn học, đó là phương thức thiên về diễn tả, bộc lộ cảm xúc. Theo nguyên nghĩa từ Hán Việt, “trữ” là thổ lộ, “tình” là tình cảm, cảm xúc.



Ở nghĩa thứ hai, khái niệm trữ tình để chỉ một loại tác phẩm văn học mà ở những tác phẩm này chủ yếu dùng phương thức trữ tình để miêu tả, các tác phẩm loại này được gọi là tác phẩm trữ tình.

Ta có thể chia tác phẩm trữ tình thành ba nhóm chính, gồm: thơ trữ tình, kí trữ tình và các thể văn chính luận nghệ thuật.

Nếu như tác phẩm tự sự phản ánh đời sống thông qua các chi tiết, sự kiện, câu chuyện thì tác phẩm trữ tình tái hiện hiện thực thông qua cảm xúc, tâm trạng, ý nghĩ của con người. Tác phẩm trữ tình bao gồm nhiều thể loại như: thơ trữ tình, từ khúc, ca trù, tùy bút, thơ văn xuôi.. Trong đó thơ trữ tình là thể loại tiêu biểu nhất, thường được người ta viện dẫn khi nói tới tác phẩm trữ tình.

Tái hiện các hiện tượng đời sống không phải độc quyền của phương thức tự sự, mà “phương thức trữ tình cũng tái hiện các hiện tượng của đời sống, như trực tiếp miêu tả phong cảnh thiên nhiên hoặc thuật lại ít nhiều sự kiện tương đối liên tục, như **Mưa xuân** của Nguyễn Bính, **Quê hương** của Giang Nam, **Núi đôi** của Vũ Cao. Bài thơ **Núi đôi** của Vũ Cao- một bài thơ sẽ mãi đi cùng năm tháng sẽ mãi tồn tại như tình yêu lứa đôi và tình yêu đất nước của dân tộc Việt. Chuyện kể về một câu chuyện có thật ở vùng Xuân Dục trong kháng chiến chống Pháp. Câu chuyện tình của một cô gái du kích trong làng yêu một anh trai làng, rồi anh đi bộ đội. Khi anh trở về thì cô gái đã hy sinh. Giọng thơ tự sự đậm đà phong vị dân gian làm đẹp thêm mối tình kháng chiến, đồng thời tạo xúc động trước sự hy sinh của người con gái anh dũng. Lời dẫn chuyện của Vũ Cao tái hiện nguyên vẹn không khí những ngày kháng chiến, đánh thức bao cảm xúc của một thời bi hùng mà cũng ắp tràn thương nhớ của bao người. Sự hiện diện thường trực của hình tượng núi Đôi xuyên suốt những ngày chiến đấu là cách cắt nghĩa trọn vẹn ân tình với quê hương và thổi bùng ngọn lửa tình yêu mãnh liệt với cô gái Xuân Dục. Bao tâm trạng được diễn tả: khắc khoải ngóng đợi, “trăm nghìn căm uất”, náo nức ngày trở lại. Tự thân những lời thơ đã làm đẹp thêm bao nhiêu bóng hình người yêu trong tâm tưởng người chiến sĩ. Hình ảnh kỷ niệm yêu thương, nỗi đau rất thật ấy không của riêng ai bởi không chỉ là sự mất mát của anh mà là của cả quê hương, bởi “em sống trung thành,

chết thủy chung”. Đó không hề là cảm giác bi lụy mà mang tính chất bi kịch, giúp người đọc ý thức được giá trị của chiến thắng.

Nhưng sự tái hiện này không mang mục đích tự thân, mà tạo điều kiện để chủ thể bộc lộ những cảm xúc, chiêm nghiệm, suy tưởng của mình. Trong Núi đôi mỗi lời kể như dao cứa vào tim, nhưng lạ thay lại làm ta thêm yêu mến, trân trọng người con gái sắt son anh dũng. Con người có thể không còn, nhưng tình yêu là bất tử, nó đã hoà chung với tình yêu lớn lao với quê hương, xóm làng, cha mẹ... Quê hương hồi sinh, đau xót nguôi ngoai nhưng không đem đến với con người sự quên lãng mà đã nhân lên thành tình cảm cách mạng, thành lời thề thiêng liêng.

Ở đây nguyên tắc chủ quan là nguyên tắc cơ bản trong việc chiếm lĩnh hiện thực, là nhân tố cơ bản quy định những đặc điểm cốt yếu của tác phẩm trữ tình.

*Tác phẩm trữ tình biểu hiện trực tiếp thế giới chủ quan của con người:*

Hoài Thanh - Hoài Chân trong cuốn "Thi nhân Việt Nam" (1942) có viết: "Phong trào Thơ mới lúc bột phát có thể xem là một cuộc xâm lăng của văn xuôi. Văn xuôi tràn vào đĩa hạt thơ, phá phách tan tành. Một đặc tính của văn xuôi là nói nhiều. Cho nên, trong thời bấy giờ thi tứ hình như giã ra" [45, 36]. Nói như vậy để thấy rằng, nghệ thuật nói chung, văn học nói riêng là sự biểu hiện thế giới chủ quan của con người trước cuộc đời. Tuy nhiên, do phương thức tổ chức, do kiểu tái hiện đời sống và do sự giao tiếp nghệ thuật khác nhau nên sự biểu hiện đó ở những loại tác phẩm văn học cũng khác nhau. Trong tác phẩm trữ tình; tình cảm, cảm xúc, tâm trạng, suy nghĩ ... được trình bày trực tiếp và làm thành nội dung chủ yếu của tác phẩm. Ở đây, nhà thơ có thể biểu hiện cảm xúc cá nhân mình mà không cần kèm theo bất cứ một sự miêu tả biến cố, sự kiện nào.

Trong bài ca dao:

*Anh đi anh nhớ quê nhà*

*Nhớ canh rau muống nhớ cà dầm tương*

*Nhớ ai dãi nắng dầm sương*

*Nhớ ai tát nước bên đường hôm nao.*

Bài ca trên thể hiện tình cảm của người ra đi đối với quê hương, đối với người thương..., là nỗi buồn, là sự nhớ nhung lúc xa xôi cách trở. Ngoài những tình cảm, nỗi niềm đó, người đọc không biết gì cụ thể hơn về chàng trai và cô gái, về mối quan hệ cụ thể của hai người với nhau.

Bài **Nguyên đán** của Xuân Diệu cũng thể hiện rõ đặc điểm này:

*Xuân của đất trời nay mới đến*

*Trong tôi xuân đến đã lâu rồi*

*Từ độ yêu nhau hoa nở mãi*

*Trong vườn thơm ngát của hồn tôi.*

Trong bốn câu thơ trên, không hề có mâu thuẫn, xung đột như trong kịch, cũng không có những biến cố, sự kiện, hệ thống sự kiện nào. Điều mà người đọc cảm nhận chủ yếu là niềm vui, hạnh phúc, là tâm trạng, cảm xúc của nhân vật trữ tình. Đối với Xuân Diệu, khi tâm hồn ngập tràn tình yêu thì đó cũng là lúc hoa nở và đó chính là mùa Xuân. Chúng ta đang sống trong mùa Xuân nhưng bên ngoài vẫn còn mưa lạnh và tâm hồn chúng ta có lẽ cũng đang giá lạnh cho nên có ai nói đây là Xuân chúng ta cũng chẳng thấy Xuân đâu cả. Nếu có Xuân thì đó chính là những rung động trong tâm hồn, những giạt giào trong tư tưởng, tin yêu trong linh hồn. Mùa Xuân vì vậy là ở trong tâm hồn hơn là ngoại cảnh.

Như vậy, từ ca dao đến những tác phẩm thơ ca hiện đại, người đọc cảm nhận trước hết là thế giới nội tâm, là thái độ xúc cảm và tâm trạng của nhân vật trữ tình đối với con người, cuộc đời và thiên nhiên. Nhà thơ có thể không cần phải miêu tả kỹ về con người và những nguyên nhân cụ thể dẫn tới những tình cảm đó. Điều này chứng tỏ sự biểu hiện trực tiếp thế giới chủ quan của tác giả là đặc điểm tiêu biểu, đầu tiên của tác phẩm trữ tình.

*Tác phẩm trữ tình phản ánh thế giới khách quan nhằm biểu hiện thế giới chủ quan*

Tác phẩm trữ tình biểu hiện cảm xúc chủ quan của nhà thơ nhưng điều đó cũng được xác lập trong mối quan hệ giữa con người và thực tại khách quan. Bởi vì mọi cảm xúc, tâm trạng, suy nghĩ của con người bao giờ cũng đều là cảm xúc về cái

gì, tâm trạng trước vấn đề gì... Do đó, hiện tượng cuộc sống vẫn được thể hiện trong tác phẩm trữ tình. Người ta có thể bắt gặp một bài thơ miêu tả một bức tranh phong cảnh thiên nhiên. Trong bài **Đây thôn Vĩ Dạ** của Hàn Mặc Tử, ngoài những nét chấm phá về một bức tranh thiên nhiên với những vẻ đẹp nhẹ nhàng, tinh tế... là tâm trạng và cảm xúc của nhà thơ.

*Mơ khách đường xa, khách đường xa*

*Áo em trắng quá nhìn không ra*

*Ở đây sương khói mờ nhân ảnh*

*Ai biết tình ai có đậm đà.*

(Hàn Mặc Tử - Đây thôn Vĩ Dạ)

Có những bài thơ có ít nhiều sự kiện khá liên tục - đó là những câu chuyện được kể lại một cách ngắn gọn. Những sự kiện, biến cố ở đây không được miêu tả chi tiết, tỉ mỉ... mà được thể hiện hết sức cô đọng. Các bài thơ **Mưa xuân** của Nguyễn Bính, **Bà má Hậu Giang** của Tố Hữu, **Lá diêu bông** của Hoàng Cầm ... nằm trong trường hợp này. Qua bài **Quê hương** của Giang Nam, người đọc có thể kể một số nét chính về mối quan hệ giữa chàng trai và cô gái một cách khá liên tục nhưng chức năng chủ yếu của hệ thống sự kiện đó là để nhân vật trữ tình bộc lộ cảm xúc, suy tưởng. Chúng làm cho tình cảm được bộc lộ dễ dàng, gợi cảm.

*Xưa yêu quê hương vì có chim có bướm*

*Có những lần trốn học bị đòn roi*

*Nay yêu quê hương vì trong từng nắm đất*

*Có một phần xương thịt của em tôi.*

(Giang Nam - Quê hương)

Mặc dù thể hiện thế giới chủ quan của con người, tác phẩm trữ tình vẫn coi trọng việc miêu tả các sự vật, hiện tượng trong đời sống khách quan bằng các chi tiết chân thật, sinh động. Những chi tiết chân thật, sinh động trong đời sống dễ kêu gọi những tình cảm sâu sắc, mới mẻ. Có điều những chi tiết trong tác phẩm trữ tình bao giờ cũng hết sức cô đọng, súc tích.

Như vậy, tác phẩm trữ tình cũng phản ánh thế giới khách quan nhưng chức năng chủ yếu của nó là nhằm biểu hiện những cảm xúc, tâm trạng, suy nghĩ... của con người.

*Tình cảm điển hình trong tác phẩm trữ tình.*

Khi cảm nhận một tác phẩm trữ tình, cái đọng lại nhiều nhất trong lòng độc giả là cảm xúc, tâm trạng, suy nghĩ của nhà thơ. Nhưng những cảm xúc, tâm trạng, suy nghĩ ấy không phải là những yếu tố đơn độc, tự nảy sinh và phát triển mà nó đều bắt nguồn từ một hiện thực, một vấn đề nào đó. Có người đã từng nói: "Thơ chỉ tràn ra khi trong tim ta cuộc sống đã thật ứ đầy". Tình cảm của nhà thơ chính là kết quả của quá trình tích tụ những tác động của cuộc sống vào tâm hồn.

Nói như vậy để ta có thể nhận thấy rằng: tác phẩm trữ tình bao giờ cũng mang đậm dấu ấn riêng của nhà thơ. Đó là những nỗi niềm chủ quan thâm kín nhưng khi sáng tác nhà thơ luôn luôn nâng mình lên thành người mang tâm trạng, cảm xúc, suy nghĩ cho một loại người, một thế hệ và cả những chân lí phổ biến... Người ta thường nói đến từ chân trời của cái "tôi" đến chân trời của cái "ta", "từ chân trời của một người đến chân trời của tất cả" cũng trên ý nghĩa này. Biêlincki đã diễn đạt điều đó bằng một câu nói hàm súc: "Bất cứ thi sĩ nào cũng không thể trở thành vĩ đại nếu chỉ do ở mình và miêu tả mình - dù là miêu tả những nỗi đau của mình hay những hạnh phúc của mình. Bất cứ thi sĩ vĩ đại nào, sở dĩ họ vĩ đại là vì những đau khổ và hạnh phúc của họ bắt nguồn từ hoãng sâu thẳm của lịch sử xã hội, bởi vì họ là khí quan và đại biểu của xã hội, của thời đại và của nhân loại".

Tóm lại, trong tác phẩm trữ tình, nhà thơ trực tiếp bộc lộ những tình cảm yêu thương, căm giận của mình trước hiện thực cuộc đời. Ở đây, tình cảm riêng tư của nhà thơ bao giờ cũng giữ vai trò quan trọng tạo nên giá trị của tác phẩm. Những tác phẩm trữ tình có giá trị được người đọc yêu mến xưa nay bao giờ cũng thấm đẫm suy tư và dẫn vật của cá nhân nhưng đồng thời cũng đánh động tình cảm, tâm trạng... của cả một lớp người, một thời đại nhất định.

*Nhân vật trữ tình trong tác phẩm trữ tình:*

Nhân vật trong tác phẩm trữ tình là đối tượng để nhà thơ gửi gắm tâm sự, cảm xúc, suy nghĩ của mình, là nguyên nhân trực tiếp khêu gợi nguồn cảm hứng

cho tác giả. Nhân vật trữ tình không phải là đối tượng để nhà thơ miêu tả mà chính là những cảm xúc, ý nghĩ, tình cảm, tâm trạng, suy tư... về lẽ sống và con người được thể hiện trong tác phẩm. Khi đọc một bài thơ, trước mắt chúng ta không chỉ xuất hiện những cảnh thiên nhiên, sinh hoạt, những con người mà còn một hình tượng của một ai đó đang ngắm nhìn, rung động, suy tư về chúng, về cuộc sống nói chung. Hình tượng ấy chính là nhân vật trữ tình. Đó là tâm hồn, nỗi niềm, tấm lòng... mà người đọc cảm nhận được qua tác phẩm thơ ca.

Phần lớn nhân vật trữ tình xuất hiện với tư cách là những tình cảm, tâm trạng, suy tư của chính bản thân nhà thơ. Tuy nhiên, có nhiều trường hợp nhân vật trữ tình không phải là hiện thân của tác giả. Do tính chất tiêu biểu, khái quát của nhân vật trữ tình nên nhà thơ có thể tưởng tượng, hóa thân vào đối tượng để xây dựng nhân vật trữ tình theo qui luật điển hình hóa trong sáng tạo nghệ thuật. Có thể coi đây là những nhân vật trữ tình nhập vai.

*Lời văn trong tác phẩm trữ tình:*

Lời văn là một trong những yếu tố chính về hình thức đối với một tác phẩm văn học, trong đó bao gồm tác phẩm trữ tình.

Trước hết, đó là lời của chủ thể, thường bộc lộ trực tiếp sự đánh giá, nhận xét về đối tượng, trực tiếp thể hiện cảm xúc ca ngợi, khẳng định hoặc phê phán, phủ định. Chính vì vậy, sự lựa chọn từ ngữ, phương thức tu từ trong tác phẩm trữ tình chủ yếu là trong thơ- luôn luôn nhằm làm cho nội dung cảm xúc, thái độ đánh giá, sự đồng cảm hoặc phê phán của chủ thể trở nên nổi bật.

Lời văn trong tác phẩm trữ tình đòi hỏi bộc lộ những tình cảm mạnh mẽ, những ý tập trung, hàm súc do đó nó phải tìm cho mình những lời văn phù hợp với yêu cầu gây ấn tượng mạnh, không phải chỉ bằng ý nghĩa của từ mà còn bằng cả âm thanh, nhịp điệu của từ ngữ nữa. Không phải ngẫu nhiên mà nhiều người khẳng định đặc điểm quan trọng nhất của lời văn trong tác phẩm trữ tình là giàu nhạc tính. Nhạc tính này, do đặc điểm ngôn ngữ của từng dân tộc, được biểu hiện khác nhau. Trong thơ Việt Nam, tính nhạc thường được biểu hiện ở các mặt: sự cân đối, trầm bổng, nhịp nhàng và sự trùng điệp.

### **1.1.3. Hiện tượng giao thoa giữa thể loại trữ tình và tự sự**

#### *Hiện tượng giao thoa thể loại trong sáng tác*

Yếu tố tự sự xâm nhập vào thơ trữ tình. Ngược lại, yếu tố trữ tình cũng có thể đi vào trong tác phẩm tự sự. Các tác phẩm văn học đều biểu hiện tư tưởng, tình cảm, thái độ của nhà văn trước thế giới khách quan. Nếu như tác phẩm trữ tình thể hiện điều ấy trực tiếp thì tác phẩm tự sự lại diễn tả gián tiếp qua việc miêu tả các sự kiện đời sống. Ở một số tác phẩm tự sự do tình cảm của nhà văn quá dạt dào nên dường như nó phô diễn trên từng trang sách, thấm đượm trong từng câu chữ. Tiêu biểu cho những tác phẩm ấy là các truyện ngắn mang đậm chất thơ của Thạch Lam như: *Gió đầu mùa*, *Nắng trong vườn* ... Mỗi truyện của Thạch Lam là một bài thơ trữ tình đượm buồn. Nhà văn đi sâu vào khai thác thế giới nội tâm nhân vật với những cảm xúc, cảm giác mơ hồ, mong manh, tinh tế. Hai yếu tố "hiện thực" và "thi vị, trữ tình" luôn đan cài, xen kẽ vào nhau, tạo nên nét đặc thù, đặc sắc khó lẫn trong phong cách nghệ thuật của ông. Ngoài truyện ngắn của Thạch Lam, chúng ta còn có thể liệt kê nhiều tác phẩm rất "trữ tình", "lãng mạn" như: *Mảnh trăng cuối rừng* của Nguyễn Minh Châu, *Đất nước đứng lên* của Nguyên Ngọc ... Những yếu tố trữ tình ở các truyện ngắn trên chỉ như "chất xúc tác" làm cho tác phẩm thi vị hơn, lãng mạn hơn, chứ nó không phải là yếu tố quan trọng nhất. Mà yếu tố quan trọng hơn cả trong tác phẩm tự sự là hệ thống các sự kiện, nhân vật, cốt truyện.

Trong tác phẩm trữ tình có thể có một câu chuyện tình, một lần gặp gỡ, một buổi chia li, hay một sự kiện vui buồn nào đó, nhưng người đọc cảm nhận được cảm xúc từ câu chuyện, sự kiện đó nhiều hơn là bản thân câu chuyện đó đã diễn ra như thế nào? Câu thơ của Nguyễn Bính trong bài ***Chân quê***:

*Hôm qua em đi tỉnh về*

*Hương đồng gió nội bay đi ít nhiều*

Câu thơ gợi cho người đọc nỗi lo âu phấp phồng của chàng trai đang yêu là chính. Còn cái sự kiện "đi tỉnh" chỉ là duyên cớ của nỗi lo ấy mà thôi. Bài thơ ***Sông lấp*** của Tú Xương nói đến dòng sông Vị Hoàng bị lấp để trồng ngô, khoai nhưng nội dung chủ yếu vẫn là nỗi niềm của tác giả về non sông đất nước. Có nhiều bài

thơ, tác giả không chỉ dừng lại ở việc liệt kê các sự kiện mà còn tổ chức chúng theo yêu cầu tư tưởng và nghệ thuật nhất định tạo thành một cốt truyện hoàn chỉnh. Bao trùm lên toàn bộ các câu chuyện, sự kiện được kể đến trong các bài thơ đó là thái độ, tình cảm, suy nghĩ của tác giả.

Rõ ràng đi sâu vào thực tế sáng tác, chúng ta nhận thấy càng ngày các thể loại càng vượt ra ngoài phạm vi của thể loại và tràn sang cả "lãnh thổ" của các thể loại khác. Đó là nhờ sự phát triển tư duy nghệ thuật, nhờ sự nỗ lực của mỗi nhà văn. Họ đã tiếp thu những thể loại khác nhau để tạo ra các hình thức thể loại mới mang tính chất lai ghép. Sự pha trộn giữa các thể loại đã làm phong phú, giàu có cho mỗi bên. Ngoài những nét ưu việt vốn có của mình, thể loại đó còn có thêm những nét nổi trội của thể loại khác tạo điều kiện thuận lợi cho việc chuyển tải ý đồ của nhà văn hoàn hảo hơn. Sự giao thoa thể loại còn đập vỡ đường biên cứng nhắc giữa các thể loại và xích chúng lại gần với nhau. Đi vào tìm hiểu vai trò của yếu tố tự sự trong thơ trữ tình, chúng ta sẽ thấy rõ hơn ý nghĩa của sự giao thoa này.

#### *Khi yếu tố tự sự xâm nhập vào các sáng tác thuộc loại trữ tình*

Khi khảo sát hiện tượng giao thoa thể loại, chúng ta đã tìm hiểu về yếu tố tự sự. Yếu tố tự sự khác với khái niệm tác phẩm tự sự. Tác phẩm tự sự là một loại hình văn học riêng biệt, không nằm trong các loại khác. Còn yếu tố tự sự không chỉ có trong tác phẩm tự sự mà còn có thể có ở các tác phẩm trữ tình, tác phẩm kịch. "Kịch được xem là một loại tự sự được sân khấu hoá" [3,152]. Những yếu tố làm nên tính tự sự: chi tiết miêu tả, sự kiện, nhân vật, cốt truyện ... Khi những yếu tố này xâm nhập vào các sáng tác thuộc loại trữ tình thì điều gì sẽ xảy ra? Ngoài ý nghĩa phá vỡ ranh giới thể loại giữa tự sự và trữ tình, nó còn có nhiều ý nghĩa khác đối với các sáng tác thuộc loại trữ tình.

Tác phẩm trữ tình là tiếng nói của tình cảm, là nhu cầu tự biểu hiện của các thi nhân- nhu cầu bộc lộ cảm xúc một cách mãnh liệt và trực tiếp. Có nhiều bài thơ ra đời do sự tuôn trào của cảm xúc khiến cho chữ gọi chữ, câu gọi câu cứ hiện dần ra trên trang giấy. Có những nhà thơ hầu như chỉ việc ghi lại nguồn cảm xúc dạt dào đó chứ không cần phải gọt giũa nhiều cho câu chữ hay thêm bớt điều gì. Ở những



bài thơ này, tác giả dường như chìm đắm trong tình cảm của mình, vui thì vui đến bất tận còn buồn thì buồn đến da diết. Nhưng ở một số bài thơ có các chi tiết miêu tả, sự kiện đời sống, yếu tố kể chuyện hoặc nhân vật thì chất trữ tình bớt thống thiết hơn. Mọi tình cảm, cảm xúc của nhà thơ đều được tiết chế và dừng lại trước cái "ngưỡng" của nó.

Bằng việc thêm vào những chi tiết rất đời thường, những sự kiện cụ thể, tác phẩm trữ tình được rút ra khỏi tháp ngà của chủ nghĩa tình cảm và kéo thơ gần với cuộc sống hơn. Nếu như trước đây văn học cổ điển tẩy sạch dấu vết của văn xuôi, đời sống trần tục thì văn học hiện đại có xu hướng gia tăng yếu tố tự sự. Do đó, tác phẩm trữ tình càng ngày càng giàu chất hiện thực hơn.

Với việc ghi lại các sự kiện cụ thể, người đọc còn được tiếp nhận ở những tác phẩm trữ tình lượng thông tin sự việc (lượng thông tin khách thể). Chính các tác giả của nó cũng đặt ra mục đích đó khi sáng tác. Về thực chất, lượng thông tin sự việc đã được nhận thức thẩm mỹ điều chỉnh lại theo quy luật riêng của thơ trữ tình. Các yếu tố tự sự như trần thuật, sự kiện, nhân vật ở đây, một mặt tác động và ở chừng mực nào đó đã làm thay đổi kết cấu trữ tình, nhưng mặt khác lại chịu sự quy định của kết cấu và mang bản chất của chỉnh thể trữ tình.

Yếu tố tự sự len vào trong tác phẩm trữ tình còn làm cho đề tài phong phú hơn. Trong các tác phẩm trữ tình thuần túy đề tài chỉ bó hẹp ở thế giới nội tâm của nhà thơ với những cung bậc tình cảm khác nhau. Mà tình cảm thì dù ở thời đại nào, quốc gia nào cũng đều là những niềm vui, nỗi buồn, thương yêu, căm thù, hờn giận, ... như nhau và nó mới chỉ là một phương diện năng động, hấp dẫn của cuộc sống. Trong khi đó, cuộc sống đang còn có rất nhiều phương diện khác nữa. Đối với các tác phẩm trữ tình có sự xâm nhập của yếu tố tự sự thì đề tài có thể là một sự kiện, một câu chuyện nào đó có tác động mạnh đến tâm hồn của nhà thơ. Sự kiện, câu chuyện lại có rất nhiều trong cuộc sống. Vì vậy, đề tài trong các tác phẩm trữ tình có sự xâm lấn của yếu tố tự sự không gò bó như trong những tác phẩm trữ tình thuần túy.

“Chinh phụ ngâm” của hai tác giả Đặng Trần Côn và Đoàn Thị Điểm là một tác phẩm tiêu biểu cho sự xuất hiện của yếu tố tự sự trong tác phẩm trữ tình. Toàn bộ khúc ngâm là sự giải bày cảm xúc của người vợ có chồng đi lính xa nhà. Đọc “Chinh phụ ngâm” không quá khó để tìm ra yếu tố tự sự trong tác phẩm. “Chinh phụ ngâm” giống như một câu chuyện kể về số phận bi thương của người chinh phụ. Tác phẩm được viết theo theo kết cấu: mở đầu là việc người chồng ra trận, tiếp đến là cảnh chờ đợi của người vợ trẻ và kết lại khúc ngâm là ngày người chồng trở về trong ngày vui chiến thắng. Sự kiện chính được xem như biến cố của cuộc đời người chinh phụ là việc chồng ra chiến trận trong lúc cả hai người “tuổi đương chùng niên thiếu”. Người chinh phụ bắt đầu bước vào một quãng đường dài của sự chờ đợi mỏi mòn vô vọng và bất lực. Hàng loạt những sự việc được nói đến: nàng gieo quẻ bói, đề chữ trên gấm, gượng đốt hương, gượng soi gương, tìm đến chồng qua những giấc mộng,... nhưng tất cả chỉ là sự trống không, vô vọng “Tình trong giấc mộng muôn vàn cũng không”.

Nhân vật trữ tình trong khúc ngâm cũng được miêu tả cụ thể qua rất nhiều những chi tiết bên ngoài và bên trong. Chi tiết bên ngoài biểu hiện qua ngoại hình, dáng vẻ, hành động, cử chỉ,... Chi tiết bên trong là những lời nói thầm kín của nhân vật vẫn thường gọi là những lời độc thoại nội tâm. Phần lớn yếu tố tự sự đều bàng bạc khắp tác phẩm. Có thể thấy rõ nhất qua hai đoạn mở đầu và kết thúc khúc ngâm, kể về buổi tiễn đưa và ngày chồng trở về trong chiến thắng.

Từ đó có thể thấy ranh giới giữa tự sự và trữ tình không phải là một bức tường kiên cố không thể vượt qua. Tự sự có thể đi vào khúc ngâm, hòa phối và xóa đi khoảng ngăn cách tường chùng không thể tiệp cận giữa hai thể loại.

Cùng với sự kéo dài của câu là sự mở rộng dung lượng của bài bởi tác phẩm trữ tình có chuyện, có việc để kể thường bao giờ cũng dài hơn tác phẩm trữ tình chỉ đơn thuần thể hiện tình cảm.

Sự gia tăng yếu tố tự sự trong các thể loại trữ tình đã mở rộng khả năng và phạm vi chiếm lĩnh đời sống con người, cải tạo lại hệ thống nhân vật trong thế giới trữ tình.

Tuy nhiên, sự vận dụng quá liều lượng tự sự và luận lý chủ quan về sự kiện, sự việc ... sẽ làm hạn chế sức thuyết phục của hình tượng thơ, bó hẹp cảm giác thẩm mỹ thơ và trong chừng mực ảnh hưởng đến thị hiếu thưởng thức của độc giả.

Tóm lại, trong thơ trữ tình, yếu tố tự sự có vai trò khá đặc biệt. Nó làm cho thơ trữ tình bớt thống thiết, giàu chất hiện thực, đề tài phong phú hơn và câu thơ dài hơn, mang tính chất điệu nói.

## 1.2. Tự sự trong thơ

### 1.2.1. Khái niệm về tự sự trong thơ

Hà Minh Đức trong cuốn *Thơ và mấy vấn đề trong thơ Việt Nam hiện đại*(1974), khi bàn về vấn đề phản ánh hiện thực trong thơ, giới thuyết về đặc trưng cơ bản của thơ trữ tình là biểu hiện, là hình tượng cảm nghĩ, là chất liệu tâm hồn, ông viết: "Những hình ảnh và chi tiết sống trực tiếp giữ một vị trí quan trọng trong thành phần miêu tả của câu thơ trữ tình. Cũng ở thành phần miêu tả này, sự kiện, sự việc là những nhân tố dễ tạo cho thơ nội dung hiện thực "... khi thơ ca ngày càng đi sâu vào đời sống hiện thực phản ánh sinh hoạt tâm tình, cũng như lao động cụ thể của một con người, một ngành nghề, một phong trào thì thành phần tự sự càng chiếm một phần lượng đáng kể" [14, 56]. Tác giả cũng đề cập đến "cái phần lượng tự sự đáng kể" ấy là có giới hạn. Nghĩa là thơ trữ tình chấp nhận mở rộng các yếu tố tự sự trong phạm vi kết cấu cho phép.

Vì vậy, nói thơ là thể loại trữ tình, nhưng trong thơ vẫn có yếu tố tự sự. Tự sự trong thơ có nghĩa là trong thơ có yếu tố tự sự. Tức là thơ có nhân vật kể chuyện, thơ có cốt truyện, có đối thoại, có sự kiện. Điều này có thể thấy như sau:

Có thể là bắt đầu từ một câu chuyện nào đó mà nhân vật trữ tình bộc lộ cảm xúc, tình cảm nào đó:

*Anh đến tìm hoa thì hoa đã nở  
Anh đến bến đò thì đò đã sang sông  
Anh đến tìm em thì em đã lấy chồng  
Em yêu nhau như rúa, hỏi có mặn nồng lắm không?*

(Ca dao)

Có thể đó là sự phân thân đối đáp để tạo có bộc lộ cảm xúc của nhân vật:

*“Em ơi buồn làm chi*

*Anh đưa em về bên kia sông Đuống”*

(Hoàng Cầm - Bên kia sông Đuống)

Hay:

*Sao anh không về chơi thôn Vĩ*

*Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên*

*Vườn ai mướt quá xanh như ngọc*

*Lá trúc che ngang mặt chữ điền*

(Hàn Mặc Tử - Đây thôn Vĩ Dạ)

Thơ có khi có sự đối thoại giữa các nhân vật như trong truyện. Ví dụ như trong bài “Việt Bắc” có cả lời của người ở và người đi đối đáp với nhau:

*- Mình về mình có nhớ ta*

*Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng*

*Mình về mình có nhớ không*

*Nhìn cây nhớ núi, nhìn sông nhớ nguồn?*

*- Tiếng ai tha thiết bên cồn*

*Bâng khuâng trong dạ, bồn chồn bước đi*

*Áo chàm đưa buổi phân li*

*Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay...*

(Tố Hữu - Việt Bắc)

### **1.2.2. Những chủ thể trữ tình kể chuyện**

Thơ trữ tình là thể loại mà thể giới chủ quan của người viết thể hiện qua những cảm xúc mãnh liệt. Những cảm xúc ấy lại được dồn nén trong một khối lượng ngôn từ xác định, hữu hạn. Bởi vậy ngôn ngữ của thơ trữ tình hàm súc, đa nghĩa, sức gợi không giới hạn. Những ám ảnh, sự lan tỏa của các tầng ý nghĩa trong

thơ trữ tình lớn hơn các thể loại khác rất nhiều lần. Chủ thể trữ tình kể chuyện trong thơ có khi tồn tại ở ngôi thứ nhất. Trong bài thơ **Vội vàng** của nhà thơ Xuân Diệu ta thấy rõ điều đó.

*“Tôi không chờ nắng hạ mới hoài xuân*

...

*Lòng tôi rộng nhưng lượng trời cứ chật”*

(Xuân Diệu -Vội vàng)

Hay như trong bài thơ Đò Lèn, Nguyễn Duy đã kể về câu chuyện cuộc đời mình với hồi ức buồn vui thời thơ ấu. Mẹ mất sớm, Nguyễn Duy ở với bà ngoại từ bé. Trong tâm hồn nhà thơ, đó là tuổi thơ của đứa cháu mồ côi nghịch ngợm, vừa sòng đôi, vừa có gì tương phản với hình ảnh người bà âm thầm chịu đựng, vất vả để nuôi dạy đứa cháu mồ côi.

*Thuở nhỏ tôi ra cống Na câu cá*

*Nú váy bà đi chợ Bình Lâm*

*Bắt chim sẻ ở vành tai tượng Phật*

*Và đôi khi ăn trộm nhãn chùa Trần*

*Thuở nhỏ tôi lên chơi đèn cây Thị*

*Chân đất đi đêm xem lễ Đền Sòng.*

*Mùi huệ trắng quyện khói trầm thơm lắm*

*Điệu hát văn lảo đảo bóng cô đồng.*

*Tôi đâu biết bà tôi cơ cực thế*

*Bà mò cua, xúc tép ở đồng Quan*

*Bà đi gánh chè xanh Ba Trại*

*Quán cháo, Đòng Giao thập thững những đêm hàn.....*

(Nguyễn Duy - Đò Lèn)

Có khi chủ thể trữ tình phân thân để kể chuyện như trong bài thơ **Việt Bắc** của Tố Hữu cách xưng hô “mình – ta” mang dáng dấp của lời đối đáp của ca dao. Tuy nhiên, việc sử dụng hai đại từ này trong bài thơ khá linh hoạt. “Mình” có khi chỉ người cán bộ miền xuôi, “ta” chỉ nhân dân Việt Bắc. Hai từ này có khi tạo thành một cuộc đối đáp thực sự giữa “người đi” và “kẻ ở”, có khi chỉ là sự phân thân tự vấn của “người đi” để đáp lại nghĩa tình sâu nặng của “kẻ ở”. Sự giao thoa đó vốn dĩ đã tạo nên một cảnh tiền biệt dùng dằng thương nhớ.

- *Mình về mình có nhớ ta*  
*Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng.*  
*Mình về mình có nhớ không*  
*Nhìn cây nhớ núi, nhìn sông nhớ nguồn?*  
 - *Tiếng ai tha thiết bên cồn*  
*Bâng khuâng trong dạ, bồn chồn bước đi*  
*Áo chàm đưa buổi phân li*  
*Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay...*  
 - *Mình đi, có nhớ những ngày*  
*Mưa nguồn suối lũ, những mây cùng mù*  
*Mình về, có nhớ chiến khu*  
*Miếng cơm chấm muối, mối thù nặng vai?*

(Tố Hữu - Việt Bắc)

Chủ thể trữ tình là người kể chuyện ở ngôi thứ hai như **Bài thơ về tiểu đội xe không kính- (Phạm Tiến Duật )** là một trong những bài thơ như thế. Câu chuyện về những chiếc xe không kính với những khó khăn vất vả của người lính. Mặc dù xe không kính như thế nhưng người lính vẫn bình tĩnh, tự tin để ra tiền tuyến, vẫn có cái nhìn ngạo ngễ trước hiểm nguy. Tình yêu Tổ quốc đã làm người chiến sĩ bất chấp mọi khó khăn, gian khổ của cuộc chiến tranh. Thậm chí, với tinh thần lạc quan, người chiến sĩ còn thấy, xe không kính còn giúp cho mình hòa nhập với thiên nhiên hơn trên đường ra trận:

*Không có kính không phải vì xe không có kính*

*Bom giạt, bom rung kính vỡ đi rồi*

*Ung dung buồng lái ta ngồi,*

*Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng*

*Nhìn thấy gió vào xoa mắt đắng*

*Nhìn thấy con đường chạy thẳng vào tim*

*Thấy sao trời và đột ngột cánh chim*

*Như sa, như ùa vào buồng lái*

*Không có kính, ù thì có bụi,*

*Bụi phun tóc trắng như người già*

*Chưa cần rửa, phì phèo châm điếu thuốc*

*Nhìn nhau mặt lấm cười ha ha.*

(Bài thơ về tiểu đội xe không kính - Phạm Tiến Duật)

Khi nhìn nhận về người kể chuyện, ngôi kể là vấn đề được xét đến đầu tiên. Thực chất, không thể tồn tại một cốt truyện mà thiếu đi ngôi kể. Ngôi kể cho chúng ta biết ai là người kể lại câu chuyện trong truyện. Trong tác phẩm tự sự tồn tại ba loại ngôi kể tương ứng với các ngôi nói chuyện trong ngữ pháp học đó là ngôi thứ nhất, ngôi thứ hai và ngôi thứ ba. Trong số đó, người kể chuyện ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba xuất hiện nhiều hơn cả. Còn người kể chuyện ngôi thứ hai rất ít xuất hiện bởi đây là một ngôi kể rất khó để thể hiện bởi trong ngữ pháp học thì đây là ngôi thể hiện vai người nhận thông tin, vai người nghe. Xét trong thơ trữ tình, ta có thể thấy chủ thể trữ tình kể chuyện trong thơ tồn tại ở cả ba ngôi.

### 1.3. Hành trình thơ Nguyễn Bính

#### 1.3.1. Vài nét về cuộc đời và con người Nguyễn Bính

##### \* Cuộc đời Nguyễn Bính

Nguyễn Bính tên đầy đủ là Nguyễn Trọng Bính (1918 – 1966), sinh ra trong một gia đình nhà nho “*tiếng cả nhà thanh*”, vào loại “*com ăn đủ bữa, áo lành đủ thay*”. Thân phụ là ông đồ Nguyễn Đạo Bình, một nhà nho hiền lành, đức độ, thường dạy các con:

*“Nhà ta coi chữ hơn vàng*

*Coi tài hơn cả giàu sang ở đời”*

Bất hạnh ngay từ thừa ấu thơ, Nguyễn Bính mồ côi mẹ từ lúc mới ba tháng tuổi. Thân mẫu của Nguyễn Bính là bà Bùi Thị Miện, mất năm 24 tuổi vì bị rắn cắn, để lại ba con thơ dại. Thiếu tình mẹ ấp ủ, gia cảnh ngày càng khó khăn, cha đi bước nữa, nhưng Nguyễn Bính may mắn được cậu ruột là ông Bùi Trình Khiêm đưa về quê ngoại nuôi dạy chu đáo. Ông Bùi Trình Khiêm (1880-1951) nổi tiếng khắp vùng về tài văn thơ và tài ứng đối, bởi vậy dân gian có câu “*Vụ Bản Trình Khiêm, Hà Nam Sứ Chi*”. Đã từng lều chõng đi thi, đã từng tham gia Đông Kinh nghĩa thực, bị mật thám bắt về quê quản thúc, sau ông mở lớp dạy chữ Nho, chữ quốc ngữ, cổ súy cho phong trào yêu nước. Học trò của ông sau này có những chiến sĩ Cách mạng nổi tiếng như Trần Huy Liệu, Nguyễn Thượng Cát... Không chỉ được học văn chương chữ nghĩa, Nguyễn Bính còn được cậu kể cho nghe về thế sự, tình đời. Như vậy, từ thuở ấu thơ, Nguyễn Bính đã được tiếp nhận một nền tảng tinh thần tốt đẹp và tiến bộ.

Học chữ Hán với cậu, sau này (khoảng năm 1932) Nguyễn Bính theo anh cả Trúc Đường rời quê kiếm sống. Nguyễn Bính được anh truyền cho một chút tiếng Pháp và văn học Pháp. Chính Hoài Thanh trong “*Thi nhân Việt Nam*” cũng khẳng định Nguyễn Bính chưa hề đi học ở trường nào. Nền văn hoá của nhà thơ này chủ yếu được hình thành một cách truyền thống từ lớp học thầy đồ như các nho sinh thời trước. Và tất nhiên, lưng vốn Nho học cũng đã để lại nhiều dấu tích trong trường liên tưởng của thi sĩ.



Quê hương là một cái nôi ấp ủ, nuôi dưỡng hồn thơ Nguyễn Bính. Nhà thơ sinh ra ở xóm Trạm, thôn Thiện Vịnh, xã Đồng Đội (nay là xã Cộng hoà) huyện Vụ Bản tỉnh Nam Định. Vụ Bản xưa là Thiên Bản, một vùng đất văn hiến, được coi là nơi hội tụ khí thiêng của trời đất. Đây là nơi có non Côi, sông Vị, quê hương trượng nguyên Lương Thế Vinh, của nhạc sĩ Văn Cao, nhà sử học Trần Huy Liệu. Làng Thiện Vịnh trong thực tế là một vùng đồng chiêm trũng, quanh năm suốt tháng lam lũ, xác xơ. Đây cũng là làng canh cửi, cảnh trồng dâu nuôi tằm, ươm tơ, dệt lụa đã ăn sâu vào kí ức của Nguyễn Bính. Nhưng mười năm đầu đời Nguyễn Bính còn gắn bó với thôn Vân quê mẹ - đẹp như một giấc mơ. Theo lời kể của ông Bùi Hạnh Cẩn( anh em con cô con cậu với nhà thơ) thì gia đình ngoại ở trên một mảnh vườn ao rộng hơn một mẫu Bắc bộ, nhìn ra phía đông nam là ngọn núi Ngắm sừng sững, phía tây nam là dãy núi Suối mơ màng. Mảnh vườn nhà đủ các loại cây. Mùa xuân hoa nhiều vô kể: hoa bưởi, hoa cam, hoa chanh, hoa mận, hoa chè. Trên mặt ao luôn có hoa sen, hoa súng, hoa ấu, hoa trang. Thế rồi những cây những hoa ấy về sau đã góp phần làm nên một miền hương sắc cho vườn thơ Nguyễn Bính. Thuở nhỏ, Nguyễn Bính ngày thì theo đòi bút nghiên, tối đến lại say sưa với tiếng trống chèo, với những đêm hội làng: “ *Trong bụng mẹ đã từng mê tiếng hát/Nên quê tôi ai cũng biết làm thơ*”. Bao lo toan vất vả tạm nguôi quên, con người lam lũ nơi đây đắm chìm vào những giấc mơ của các tích chèo, của tình yêu đôi lứa, của thiên nhiên trong lành. Như vậy, dù mất mẹ từ rất sớm nhưng tình quê hương mộc mạc mà đầm ấm đã xoa dịu nỗi đau và nâng giấc cho tâm hồn thơ đại của Nguyễn Bính. Sau này những hồi ức trong trẻo, thần tiên nhất đều gắn với thôn Vân. Tô Hoài đã thật sâu sắc khi khẳng định: “*Khi nào anh cũng là người của các xứ đồng, của cái điều bay, của dây hoa lí, của mưa thưa, mưa bụi giữa mọi công ăn việc làm vất vả sương nắng*”[1,20]. Chính quê hương đã góp phần làm nên tâm vóc Nguyễn Bính. Môi trường thôn dã trở thành nơi phát tích ngọn nguồn thi ca, thành cái phong văn hoá của nhà thơ.

Nguyễn Bính bước vào đời từ những năm 1930. Cuộc sống của một thi sĩ giang hồ đã mang lại nhiều cay đắng nhưng cũng đồng thời mở rộng tầm nhìn cho

Nguyễn Bính. Đó là thời đại mà nền văn minh thành thị không còn giao tranh nữa mà nó đã đang thôn tính nền văn minh thôn dã. Đó là lúc:

*" Sinh ta cha vút bút rồi*

*Rừng Nho tàn lụi cho đời sang xuân "*

(Thâm Tâm)

Nho học lỡ thời, ngậm ngùi nhường chỗ cho Tây học

*"Lỡ duyên búi tóc củ hành*

*Trường thi Nam Định biến thành trường bay"*

(Nguyễn Bính)

Cả một lớp nho sĩ cuối mùa đành lỡ một chuyến đò bởi thời thế biến thiên, trong đó có cha, có cậu và có cả chính Nguyễn Bính. Nhưng điều đáng nói hơn cả là nguy cơ lung lay rạn vỡ của cả một nếp sống tương đã muôn đời bất di bất dịch. Chính cuộc xâm lăng của đô thị với làng quê đã gieo vào hồn thơ Nguyễn Bính những lo âu, thảng thốt. Trong thực tế, nhà thơ không quá nhà quê như chúng ta tưởng. Nguyễn Bính từng *"đi tỉnh"* nhiều lần: hơn mười tuổi đã nhảy tàu hỏa đi *"dan díu với kinh thành"*, rồi sau đó nhiều lần nhảy tàu điện Hà Nội - Hà Đông, thậm chí đã *"lăn lóc có dư mười mấy tỉnh"*. Nhưng điều đáng nói hơn là càng đi xa, Nguyễn Bính càng cảm nhận rõ hơn tiếng gọi tha thiết của tình quê hương.

Khi Nguyễn Bính có thơ đăng trên báo, có nghĩa là chính thức bước vào nghề viết (1936) thì cũng là lúc cuộc giao tranh giữa Thơ mới và Thơ cũ đã hạ hồi phân giải. Bằng tên tuổi của những Thế Lữ, Lưu Trọng Lư, Xuân Diệu... Thơ mới đã lên tới đỉnh cao rực rỡ của nó. Một trong những tác nhân thúc đẩy sự ra đời nhanh chóng của Thơ mới là luồng gió văn hóa phương Tây. Mỗi nhà thơ hồi ấy đều *"như mang nặng trên đầu năm bảy nhà thơ Pháp"*. Những Bôđơle, Lamăctin, Ranhbô, Veclen, Etga Pô... đã ngấm sâu vào hồn thơ của một lớp trí thức Tây học. Giữa trào lưu Âu hoá rầm rộ ấy, Nguyễn Bính lặng lẽ chọn cho mình một lối đi riêng. Khiêm nhường như một loài hoa thôn dã, một cành hoa chanh giữa một khu vườn trăm hồng nghìn tía đua hương, vậy mà thơ Nguyễn Bính vẫn được đông đảo công

chúng ưa chuộng. Có lẽ con người càng đi xa thì càng khôn nguôi thương nhớ phần gốc gác, nguồn cội của mình. Thơ Nguyễn Bính chính là một cuộc hồi hương như thế. Nhưng trước sau, đây vẫn là một nhà thơ mới. Trong hình thức dân gian, Nguyễn Bính đã mang một hồn thơ lãng mạn. Có thể nói cả ba yếu tố Gia đình - Quê hương - Thời đại đều đã ảnh hưởng rất sâu đến con người Nguyễn Bính.

*\* Con người Nguyễn Bính*

Mồ côi mẹ từ lúc còn quá nhỏ, mặc dù được những người thân thương yêu bù đắp rất nhiều, trong Nguyễn Bính luôn tồn tại một mặc cảm cô đơn: *“Còn tôi sống sót là may/ Mẹ hiền mất sớm giờ đây làm thơ”*. Cảm xúc cô cút tủi sầu này rất sâu sắc, trở thành một áp lực thúc đẩy sự hoạt động của các liên tưởng trong thơ Nguyễn Bính.

Từ nhỏ, Nguyễn Bính đã may mắn được tiếp thu nền học vấn phong phú và cả một nền đạo đức rất tốt đẹp từ người cậu ruột Bùi Trình Khiêm. Sau này cuộc sống (và cũng là cái nghiệp thi ca) đã đưa Nguyễn Bính đi giang hồ rất nhiều nơi, tiếp xúc với ánh sáng của nền văn minh đô thị. Nhưng cơ bản, Nguyễn Bính vẫn là một *“người nhà quê”* với bản tính *“thực thà, đôn hậu”*, một thôn dân luôn tha thiết với nơi chôn rau cắt rốn. Điều này cũng lí giải vì sao sau này Nguyễn Bính sớm đến với Cách mạng, rồi tham gia kháng chiến rất nhiệt tình.

Khi còn niên thiếu, vào những dịp nông nhàn, Nguyễn Bính thường theo em gái ra ruộng dâu, vào ruộng tằm, rải lá dâu cho tằm ăn, tỉ mẩn ngồi xem tằm dệt kén, rồi cùng em gái ngồi gỡ những tổ kén vàng óng. Và rồi những chuyện tằm tang, những vườn dâu, khung cửi, những cô gái nuôi tằm dệt lụa sẽ vương vấn suốt đời thơ Nguyễn Bính.

Trong hồi ức của bạn bè thân thiết, con người Nguyễn Bính trông *“lôm lam lấm”*. Không có vẻ gì là một thi sĩ lãng mạn khi Nguyễn Bính *“mặc một bộ quần áo tây trắng đã tã, gấu quần và ống tay áo cũng lờm xờm như tóc tai”*. Ngay cả khi đã mũ áo chững chạc, thì trông Nguyễn Bính vẫn cứ lam lũ *“như vừa lướt mướt từ đồng sâu mò lên”*. Cuộc đời chủ yếu là lăn lộn trong nghèo túng, khổ sở nhưng Nguyễn Bính không phàn nàn mà coi đó là nghiệp dĩ của thi nhân. Cũng có lẽ vì

những tiếng thở than thi sĩ đã gửi vào thơ cả rồi. Và cũng chính vì cuộc đời nhiều cơ cực, khổ sở, người nghệ sĩ càng hay sống trong mộng mị. Thơ Nguyễn Bính tràn ngập những giấc mơ chính là một cách thi sĩ thoát khỏi gánh nặng phũ phàng của thực tế. Trong một bài trả lời phỏng vấn gần đây, nói về văn học đương đại, đặc biệt là các cây bút trẻ, Nguyễn Huy Thiệp thẳng thắn bày tỏ: *“Tôi đọc một vài cây bút trẻ 8x, hay đọc” Vũ điệu thân gầy” tôi không thích vì các nhà văn đã phản ánh một cuộc sống nghèo trí tưởng tượng ...Cuộc sống càng khắc nghiệt, hiện thực càng ghê gớm, miếng ăn manh áo trở thành vấn đề riết róng thì văn học càng phải nâng đỡ con người ta, nó đòi hỏi trí tưởng tượng, đòi hỏi con người phải bút phá”*

[47]. Đó thực sự là một quy luật của sáng tạo nghệ thuật mà trường hợp Nguyễn Bính là một dẫn chứng cụ thể.

Các nhà tâm lí học cho rằng cá tính và nhân cách con người cơ bản được hình thành từ thuở nhỏ. Nguyễn Bính lúc còn đi học trường huyện ở phố Dền đã rất thích chơi với bạn bè, gom góp tiền rủ bạn ngồi ở các quán sau giờ tan học. Sau này trong trí nhớ của bạn bè, thi sĩ là người : *“Tính thích khôi hài, giàu óc tưởng tượng, đối đáp thông minh, nhanh nhẹn như án Anh, thích giao du rộng”*[15, 91]. Những tri kỉ của Nguyễn Bính sau này và cũng ít nhiều ảnh hưởng đến nhà thơ là Thâm Tâm, Trần Huyền Trân, Tô Hoài, Vũ Hoàng Chương... Với Thâm Tâm và Trần Huyền Trân, Nguyễn Bính đã lập ra nhóm *“áo bào gốc liễu”*. Còn Tô Hoài và Vũ Hoàng Chương thì đã chia cay sẻ đắng cùng Nguyễn Bính trong bao chuyến giang hồ.

Nguyễn Bính tự nhận *“Tôi là thi sĩ của thương yêu”* và quả thật Nguyễn Bính mang trong hình hài thôn dân thô tháp một tâm hồn lãng mạn, đa tình. Từ nhỏ Nguyễn Bính đã mê hội Phủ Giày, mê những sắc màu xanh đỏ tím vàng của lễ hội tung bừng này. Thuộc nội tình, thi sĩ của chúng ta biết tương tư từ lúc mới 14 tuổi, trước một cô thiếu nữ tình cờ gặp ở hội Phủ Giày năm ấy: *“Sóng gió cuộc đời xô dạt, rung cảm của con tim thuở 14, 15 tưởng như gió thoảng hương bay. Nào ngờ cái màu áo cánh sen, thắt lưng hoa lí cứ đeo đẳng bên lòng, đến nỗi từ ấy đến giờ cứ thoảng thoảng mùi hương khói trong tâm thức lại hiện lên cô thiếu nữ yêu kiều ở Phủ Giày, lòng không khỏi băng khuâng tiếc những ngày tươi đẹp”*. Yêu rất nhiều và cũng tưởng tượng rất nhiều, đời Nguyễn Bính gắn với bao mối tình tan hợp.

Trong hồi ức của Tô Hoài về lần đầu gặp gỡ, nhà thơ của chúng ta không cấp mấy quyển sách theo một của những văn nhân đương thời mà cầm một hộp sắt tây màu đỏ lựu, đựng đầy những bức thư tình với những lời thề non hẹn biển. Những cô Nhi, cô Oanh, cô Hương, cô Dung, cô Cúc, cô Ngọc ngoài đời... đã trở thành Nàng thơ của thi sĩ đa tình này. Trong cái nhìn của nhà văn Vũ Bằng, Nguyễn Bính yêu nhiều, thậm chí yêu một cách vô lí, kì cục tất cả những người nào để ý đến mình một chút. Cũng chỉ cần một chút tư vương ấy thôi cũng đủ để thi sĩ dệt nên bao giấc mơ tình ái. Theo cách nói của Paul Velery : "*Nghề cầm bút là nghề theo đuổi những ảo ảnh*" thì Nguyễn Bính quả là một nhà thơ từ bản năng.

Trong số các nhà thơ trước cách mạng, có lẽ chỉ duy nhất Nguyễn Bính sống được bằng nghề viết. Đã từng có những mệnh thường quân như bác sĩ Dương Tấn Tươi vì trọng tài mà đã biếu nhà thơ số tiền có thể sống thoải mái trong hai năm. Bạn văn đương thời khâm phục vì Nguyễn Bính không bao giờ phải vò đầu bứt tai mà làm thơ lục bát dễ như tợp một hớp rượu. Biết làm thơ từ thuở bé, dường như vừa thuộc mặt chữ Nguyễn Bính đã đọc ra thơ. Những người già ở làng Thiện Vịnh vẫn còn tự hào kể lại câu chuyện Nguyễn Bính "*gà thơ*". Dịp Tết năm Tân Mùi (1931), làng mở hội thi hát. Hai bên nam nữ đối đáp với nhau thâu đêm suốt sáng. Một bà cụ 70 tuổi "*gà*" cho bên nữ, cậu Bính lúc này mới 13 tuổi "*gà*" cho bên nam. Cuộc hát đến tận canh năm vẫn chưa phân thắng bại. Cuối cùng bên nam ra một câu đố thật đơn giản mà hiểm hóc:

*“Anh đố em này*

*Làng ta chưa vợ mấy người*

*Chưa chồng mấy á, em thời biết không?*

*Đố ai lòng khắp tây đông*

*Kiểm nổi một đực ông chồng như chúng anh đây*

*Làm sao như rượu mới say*

*Như giăng mới mọc như cây mới trồng ?”*

Cả đám hội dậy tiếng hò reo tán phục và cậu bé 13 tuổi được kiệu đi khắp sân đình. Có thể nói, thơ lục bát chính là một tài năng thiên phú ở Nguyễn Bính.

Nổi tiếng thần đồng từ năm 13 tuổi, tới năm 22 tuổi, Nguyễn Bính đã làm được gần 1000 bài thơ. Tôn Nguyễn Du làm thầy, Nguyễn Bính coi Truyện Kiều là cuốn sách gối đầu giường. Cá tính sáng tạo của Nguyễn Bính được bồi đắp bởi lung vốn Nho học, nhưng cơ bản là nảy nở trên cái nền văn hoá làng quê. Thiên nhiên làng cảnh, những sinh hoạt của người nhà quê, lễ hội đền chùa, những đêm chèo hát, những câu hát đồng quê .... đã góp phần làm nên một hồn thơ dân dã. Nguyễn Bính có tài kể chuyện “ *cứ nhân nha nói về mọi thứ quen thuộc quanh mình mà khiến người ta phải chú ý. ở mỗi xóm mỗi làng, thường thấy những bác thợ cày, thợ cối, thợ rèn thợ ngõ, bà hàng nước với, hầu như vùng nào cũng có những người giỏi đặt vè, nói tiểu lâm, pha trò, kể chuyện khéo đến nỗi “con kiến trong lỗ phải bò ra”, ai cũng thích nghe, ví như cuốn chuyện hay đọc chẳng bao giờ muốn thấy trang cuối. Nguyễn Bính là một người tương tự*”[1,20]. Như vậy Nguyễn Bính đã trở thành nghệ sĩ dân gian, có sẵn trong mình cái tâm hồn mộc mạc mà khoẻ khoắn của những con người quen với cuộc đời một nắng hai sương.

Sinh năm Mậu Ngọ và dường như kiếp rong ruổi, giang hồ đã trở thành số phận Nguyễn Bính. Những năm tháng trước Cách mạng, bầu không khí ngột ngạt của xã hội cộng với sự bế tắc trên con đường đi tìm lí tưởng sống, đã cho ra đời một thế hệ nhà văn “ *thèm đi*”. Thậm chí xê dịch đã trở thành một tôn giáo với các tín đồ nổi tiếng như Nguyễn Tuân, Vũ Hoàng Chương... Khi căn bệnh thời đại đã gập gờ cá tính, Nguyễn Bính luôn mắc nợ những chuyến đi, gửi mình vào thân phận kẻ tha hương . Chỉ nương theo thơ cũng có thể thấy thi sĩ đã dần bước giang hồ trên khắp mọi miền đất nước: Hà Nội, Hà Đông, Thái Nguyên, Bắc Giang, Phú Thọ, Huế, Sài Gòn, Hà Tiên... Không chỉ trong thơ mà ngay cả cái chết của thi sĩ cũng đượm vẻ giang hồ. Chính vì triền miên thân lữ thứ mà nỗi thương nhớ quê hương càng trở nên da diết và trở thành nguồn cảm hứng chính trong thơ Nguyễn Bính.

### **1.3.2. Con đường thơ Nguyễn Bính**

Trong hơn 30 năm sáng tác với nhiều thể loại khác nhau (Thơ, truyện thơ, kịch thơ, kịch bản chèo, lý luận sáng tác), hoạt động văn nghệ của ông phong phú đa dạng song thành tựu xuất sắc nhất được độc giả ưa chuộng là thơ. Bởi lẽ, thơ là

mảng sáng tác kết tụ tài năng và tâm huyết của cuộc đời ông. Riêng về thơ có thể nói rằng ông là cây bút sung sức nhất của phong trào Thơ mới.

**\* Những sáng tác trước năm 1945**

Chỉ trong một thời gian ngắn (1940-1945) Nguyễn Bính đã cho ra đời những tập thơ có giá trị:

Năm 1940: *Tâm hồn tôi; Lỡ bước sang ngang.*

Năm 1941: *Hương cố nhân; Một nghìn cửa sổ.*

Năm 1942: *Người con gái ở lầu hoa; Mười hai bến nước; Mây tản; Bóng giai nhân* (Kịch thơ).

Năm 1944: *Truyện tỳ bà* (truyện thơ).

**\* Những sáng tác sau năm 1945**

Sau cách mạng Nguyễn Bính lại cho ra mắt các tập thơ: *Ông lão mài gươm* (1947); *Đông tháp mười* (1955); *Trả ta về* (1955); *Gửi người vợ miền Nam* (1955); *Trông bóng cờ bay* (1957); *Tiếng trống đêm xuân* (1958); *Tình nghĩa đôi ta* (1960); *Đêm sao sáng* (1962).

Nhìn chung, cuộc đời Nguyễn Bính tuy ngắn ngủi nhưng sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Bính rất phong phú và đa dạng. Mỗi chặng đường sáng tác của ông đều có vẻ riêng song sức mạnh và tâm huyết sáng tác của nhà thơ có lẽ dồn vào giai đoạn trước Cách mạng. Với lối viết giàu chất trữ tình dân gian Nguyễn Bính đã tạo được một gương mặt riêng trong nền văn học hiện đại Việt Nam. Năm 2000, Nguyễn Bính đã được truy tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật.

## Tiểu kết chương 1

Tự sự là phương thức tái hiện đời sống trong toàn bộ tính khách quan của nó. Tác phẩm tự sự bao giờ cũng có cốt truyện. Gắn với cốt truyện là hệ thống nhân vật được khắc họa đầy đủ nhiều mặt hơn hẳn so với nhân vật trong thơ trữ tình và nhân vật kịch.

Nếu như tác phẩm tự sự phản ánh đời sống thông qua các chi tiết, sự kiện, câu chuyện thì tác phẩm trữ tình tái hiện hiện thực thông qua cảm xúc, tâm trạng, ý nghĩ của con người. Tác phẩm trữ tình bao gồm nhiều thể loại như: thơ trữ tình, từ khúc, ca trù, tuý bút, thơ văn xuôi.. Trong đó thơ trữ tình là thể loại tiêu biểu nhất, thường được người ta viện dẫn khi nói tới tác phẩm trữ tình.

Trong tác phẩm trữ tình, nhà thơ trực tiếp bộc lộ những tình cảm yêu thương, căm giận của mình trước hiện thực cuộc đời. Ở đây, tình cảm riêng tư của nhà thơ bao giờ cũng giữ vai trò quan trọng tạo nên giá trị của tác phẩm. Những tác phẩm trữ tình có giá trị được người đọc yêu mến xưa nay bao giờ cũng thấm đẫm suy tư và dằn vặt của cá nhân nhưng đồng thời cũng đánh động tình cảm, tâm trạng... của cả một lớp người, một thời đại nhất định.

Trong tác phẩm có hiện tượng giao thoa thể loại trong sáng tác. Yếu tố tự sự xâm nhập vào thơ trữ tình và ngược lại, yếu tố trữ tình cũng có thể đi vào trong tác phẩm tự sự. Các tác phẩm văn học đều biểu hiện tư tưởng, tình cảm, thái độ của nhà văn trước thế giới khách quan. Nếu như tác phẩm trữ tình thể hiện điều ấy trực tiếp thì tác phẩm tự sự lại diễn tả gián tiếp qua việc miêu tả các sự kiện đời sống

Thơ là thể loại trữ tình, nhưng trong thơ vẫn có yếu tố tự sự. Tự sự trong thơ có nghĩa là trong thơ có yếu tố tự sự. Tức là thơ có nhân vật kể chuyện, thơ có cốt truyện, có đối thoại, có sự kiện. Yếu tố gia đình, quê hương cũng ảnh hưởng rất lớn đến con đường thơ Nguyễn Bính. Những hồi ức tuổi thơ trở thành ngọn nguồn vô tận và vô giá với cảm hứng sáng tác của Nguyễn Bính. Bởi vậy, trong thơ Nguyễn Bính mỗi bài thơ là một câu chuyện kể về cuộc đời, về con người mà ông gắn bó yêu thương. Và chắc Nguyễn Bính cũng không ngờ rằng đã có nhiều người muốn vịn vào thơ ông như một điểm tựa tinh thần trong hành trình về với cố hương, với nguồn cội của mình: "*Mười một năm trời đi biệt xứ/ Em còn nhớ tiếng Việt Nam không?/ Lòng có xôn xao thơ Nguyễn Bính/ Chuyện*" *Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông*" (Hoàng Chính).



## **Chương 2. TÍNH TỰ SỰ TRONG THƠ NGUYỄN BÌNH**

### **2.1. Mỗi bài thơ là một câu chuyện kể**

#### **2.1.1. Hình thức cốt truyện**

Cốt truyện là một chuỗi các sự kiện được tạo dựng trong tác phẩm tự sự và kịch, nằm dưới lớp lời trần thuật, làm nên cái sườn của tác phẩm. Một số văn bản trữ tình cũng có cốt truyện. Khái niệm cốt truyện nhằm tách truyện ra làm hai phần: Một phần là chuỗi sự kiện rất đặc trưng cho thể loại tự sự và kịch, và một phần khác quan trọng không kém là các yếu tố miêu tả, lời kể, lời bình. Thiếu các yếu tố này thì cốt truyện không thể thành truyện.

Cốt truyện có hai tính chất cơ bản. Một là, các sự kiện trong chuỗi có mối quan hệ nhân quả hoặc quan hệ bậc lộ ý nghĩa, có sự mở đầu và kết thúc. Các sự kiện trong đời sống có vô vàn mối quan hệ và không biết đâu là mở đầu, đâu là kết thúc. Tính chất nêu trên là thuộc tính nghệ thuật làm cho cốt truyện văn học tách ra khỏi mối quan hệ nhân quả chằng chịt trong cuộc đời để tập trung thể hiện ý nghĩa nào đó mà nhà văn muốn thể hiện. Hai là, cốt truyện có tính liên tục về thời gian. Giữa các sự kiện nhân quả nói trên có những khoảng cách thời gian. Các khoảng cách thời gian ấy tạo thành không gian quan trọng của truyện để nhà văn miêu tả, phân tích bình luận....

Cần phân biệt 2 khái niệm: cốt truyện và sườn truyện.

Thuật ngữ sườn truyện dùng để chỉ những nét bao quát nhất của một câu chuyện, bao gồm những sự kiện chính, những biến cố chủ yếu cắm mốc cho sự phát triển của cốt truyện. Nó có thể được vay mượn từ nước này sang nước khác, từ nhà văn này sang nhà văn khác trong quá trình giao lưu văn hóa. Dĩ nhiên sự mô phỏng sườn truyện không có nghĩa là sao chép của người khác mà vẫn có một khoảng rộng rãi cho sáng tạo của người nghệ sĩ. Việc Nguyễn Du vay mượn sườn truyện "Kim Vân Kiều truyện" của Thanh Tâm Tài Nhân là một ví dụ cụ thể. Sự sáng tạo của Nguyễn Du được thể hiện trên nhiều phương diện, từ thể loại, kết cấu, ngôn ngữ, đến việc xây dựng nhân vật và chủ đề tư tưởng của tác phẩm.

Nếu sườn truyện chỉ là cái khung thì cốt truyện đã là một hệ thống biến cố, sự kiện cụ thể để diễn đạt cái khung ấy. Cốt truyện là sườn truyện đã được chi tiết hóa, hình tượng hóa một cách cụ thể, sinh động qua một chủ thể sáng tạo. Có thể nói cốt truyện là một cái gì độc đáo, không lặp lại, gắn bó trực tiếp với những yếu tố khác làm cho tác phẩm văn học trở thành một chỉnh thể nghệ thuật.

Có thể kể lại sườn truyện một cách dễ dàng nhưng khó có thể kể lại đầy đủ cốt truyện của một tác phẩm, nhất là một tác phẩm lớn. Khi có người đề nghị kể lại cốt truyện của một tác phẩm, L Tônxtôi cho rằng cứ đọc toàn bộ tác phẩm sẽ khác biết cốt truyện là gì.

*Cốt truyện trong tác phẩm tự sự từ dân gian đến hiện đại*

Nói đến trữ tình không thể không nhắc đến tâm trạng, ý nghĩ, cảm xúc chủ quan của con người đối với thế giới và nhân sinh. Tuy nhiên, trên thực tế, ngoài nội dung chủ yếu đó, loại hình trữ tình dân gian còn cho chúng ta biết thêm nhiều thông tin về sự việc nhờ có sự tham gia của yếu tố tự sự. Trong kho tàng dân ca, ca dao có nhiều câu bắt đầu cái "cảm" từ một "duyên cớ", một "chuyện" nào đó. Chẳng hạn:

*Đêm qua mới gọi là đêm*

*Ruột xót như muối dạ mềm như dưa*

*Gọi chàng chẳng thấy chàng thưa*

*Lần tay bẻ khoá thời vừa rạn đông*

*Trách trời sao chóng rạn đông*

*Chẳng khuya chút nữa cho lòng thờ than*

( Ca dao)

Bài ca dao chỉ vền vẹn sáu câu nhưng có tới năm câu kể lại cho người đọc rõ chuyện đã xảy ra đêm qua, câu cuối cùng mới bộc lộ tâm trạng. Như vậy, bên cạnh tâm trạng, bài ca dao còn có yếu tố kể, tả. Nhưng những yếu tố tự sự đó không có ý nghĩa xác định sự vật khách thể mà chỉ để cái chủ thể được biểu hiện rõ hơn, sinh động và gây ấn tượng hơn. Có thể thấy trong ca dao thể hiện nhiều góc độ khác

nhau của yếu tố tự sự. Có khi là một câu chuyện có cả cốt truyện, nhân vật và đối thoại giữa các nhân vật nữa. Chẳng hạn bài *Sáng ngày em đi hái dâu*. Bài ca là một câu chuyện hoàn chỉnh có ba nhân vật (một người con gái, hai người con trai) có hành động, có đối thoại. Chỉ đến câu cuối bài mới thấy thái độ, tình cảm và phẩm chất của nhân vật trữ tình khi cô vừa như trả lời chàng trai như vừa nói với chính mình về phẩm hạnh của người con gái. Đó là cái duyên riêng của bài ca biểu hiện qua lời kể và đối thoại trực tiếp.

Cũng trong loại bài ca có tính chất tự sự trữ tình, ca dao còn có những bài có cốt truyện khá rõ, nhân vật người kể chuyện đồng thời là nhân vật trữ tình. Bài ca không theo lối đối đáp nên không có đối thoại trực tiếp, vì vậy nó nặng tính chất kể và tả.

Cấp độ thứ hai gồm những bài ca có tính chất kể chuyện, nhưng cốt truyện và nhân vật có thể không rõ, bởi kể thường ngắn và ngay sau đó là lời tâm tình, cảm thán, yếu tố trữ tình đậm hơn cấp độ trên. Đa số ca dao có hình thức tự sự này.

*Đêm qua tát nước đầu đình*

*Bỏ quên chiếc áo trên cành hoa sen*

*Em được thì cho anh xin*

*Hay là em để làm tin trong nhà*

Như vậy, yếu tố tự sự trong ca dao có những cung bậc khác nhau và được thể hiện khá phong phú. Nếu đó là cuộc trò chuyện giữa các nhân vật thì cốt truyện do chính các nhân vật đó đối đáp mà thành. Còn nếu là lời kể chuyện thì người kể chuyện luôn luôn kể chuyện của chính mình, lời kể chính là lời bộc bạch tâm tình về cảnh ngộ hay quan hệ nào đó của chính nhân vật, nhưng cuối cùng cũng là để biểu hiện "cảm hứng trữ tình" của họ về những cảnh ngộ đó. Lối tự sự này không những không làm mờ yếu tố trữ tình trong đó mà ngược lại, còn làm cho yếu tố trữ tình đặc sắc và đậm đà hơn.

Học tập văn học dân gian, các nhà thơ cổ điển cũng đã đưa chuyện vào trong thơ. Các nhà thơ cổ điển đã rất nhiều lần sử dụng hình thức trữ tình thông qua một

câu chuyện kể, đặc biệt trong những bài bộc lộ cảm quan hiện thực sâu sắc nhằm vạch trần bản chất xã hội hay chỉ ra những bi kịch lớn của một dân tộc. Trong trường hợp này, "con người xã hội" đã thế chân cho "con người vũ trụ" và có nhu cầu kể lại cụ thể những điều xảy ra trong cuộc sống. Điều dễ nhận thấy là các thi nhân xưa đều lấy một câu chuyện, một tình huống *có thật* trong cuộc sống làm cốt lõi cho bài thơ của mình. Tính chất ký sự do vậy nổi lên rất đậm (dĩ nhiên cũng không thoát ra ngoài sự chi phối của tính trữ tình). Các tình tiết, các sự kiện làm nên câu chuyện, tình huống đó được kể một cách tuần tự.

Trong khoảng thời gian 1932 - 1945, Thơ mới chịu ảnh hưởng của gần 100 năm thơ Pháp, ảnh hưởng từ trường phái lãng mạn đầu thế kỉ XIX. Người đầu tiên chịu ảnh hưởng của thơ Pháp là Thế Lữ. Trong thơ Thế Lữ có ảnh hưởng trường phái lãng mạn Pháp, nhất là ảnh hưởng của tản văn Pháp. Trong thơ Huy Thông có hơi thở của Hugo, một ít màu sắc của Leconte de Lisle. Các nhà Thơ mới học tập được ở Baudelaire, Verlaine một cách diễn tả tinh vi, đi sâu vào nội tâm, câu thơ giàu nhạc điệu, bài thơ giàu biểu tượng.

Do ảnh hưởng của văn học lãng mạn Pháp, Thơ mới đã khẳng định cái tôi cá nhân như một bản lĩnh tích cực trong sáng tác, như một chủ thể sáng tạo độc đáo trong nghệ thuật. Lần đầu tiên có một cái tôi cá thể hoá trong cách cảm thụ thế giới và thiên nhiên. Sự thức tỉnh của cái tôi cá nhân đem đến cho các nhà Thơ mới cách nhìn mới về thế giới. Và bằng cặp mắt xanh non, biếc rờn của mình, họ đã phát hiện ra nhiều vẻ đẹp của cuộc sống.

Đầu thế kỉ XX, thể loại tiểu thuyết phát triển mạnh ở trên thế giới, đặc biệt là ở Pháp. Chúng ta đã từng biết đến các tiểu thuyết nổi tiếng của Xtăngđan, Banzac, Dicken, ... Tiểu thuyết là tác phẩm tự sự cỡ lớn có khả năng phản ánh hiện thực đời sống ở mọi giới hạn không gian và thời gian. Tiểu thuyết có thể phản ánh số phận của nhiều cuộc đời, nhiều bức tranh phong tục, đạo đức, xã hội, miêu tả các điều kiện sinh hoạt giai cấp, tái hiện nhiều tính cách đa dạng. Là những trí thức Tây học, các nhà Thơ mới hẳn có chịu ảnh hưởng cách nhìn, cách mô tả thế giới của tiểu thuyết. Trong thơ trữ tình của hầu hết các nhà Thơ mới đều có "chuyện". Từ những tác giả có nhiều bài đến những tác giả có ít bài được tuyển chọn đều gồm ít nhất

một bài thơ kể lại một câu chuyện hoàn chỉnh. Trong đó thơ của những tác giả có chuyện nhiều nhất là: thơ của Nguyễn Nhược Pháp chiếm 100%, thơ của Nguyễn Bính chiếm 70%, thơ của Thế Lữ có gần 40%, thơ của Hàn Mặc Tử gần 30%, thơ của Trần Huyền Trân gần 40%, thơ của Lưu Trọng Lư và Tế Hanh có khoảng 30% thơ kể chuyện. Khảo sát cuốn *Thi nhân Việt Nam* của Hoài Thanh-Hoài Chân, chúng tôi thấy có 40% bài thơ trữ tình có chứa yếu tố "chuyện". Qua một vài số liệu ở trên, chúng tôi có thể kết luận rằng khi trữ tình các nhà Thơ mới đã đưa rất nhiều "chuyện" vào thơ. Đó là chuyện một con hổ bị giam cầm ở trong vườn bách thú, chuyện cuộc đời của một khách chinh phu, chuyện một con người vẫn vợ, chuyện tự trào về bản thân mình, ...trong thơ Thế Lữ. Thơ Nguyễn Nhược Pháp cũng đầy chuyện. Toàn bộ tập *Ngày xưa* là những câu chuyện ngộ ngộ, vui vui hoặc tình tứ của quá vãng được kể bằng thơ. Bên cạnh hai tác giả trên, còn cần phải kể tới Nguyễn Bính, Phạm Huy Thông, J.Leiba, Vũ Hoàng Chương, Thâm Tâm, Trần Huyền Trân, T.T.K.H, Nguyễn Xuân Huy... là những tác giả đã viết nhiều bài thơ có chuyện.

Cách đưa "chuyện" của các nhà thơ hiện đại rất độc đáo, khác hẳn với các nhà thơ cổ điển. Các thi nhân xưa thường kể chuyện tuần tự theo sự quan sát của mình và thuật kể rất súc tích. Còn các nhà Thơ mới ít học cách kể đó (ngoại trừ một ít bài như: *Bi xuân nương* của Phan Văn Dật). Chuyện trong Thơ mới thường được kể nhón nhơ, với ngôn ngữ rất đời thường, mang tính chất văn xuôi. Mặt khác nội dung các câu chuyện thường cũng ít tính hiện thực (những bài như *Bi xuân nương* vừa nhắc và *Cảnh đoạn trường* của Thái Can là rất hiếm). Các câu chuyện trong thơ trữ tình được kể lại không nhằm mục đích tự thân. Khi kể chuyện tác giả không chỉ đưa đến cho người đọc những thông tin cụ thể, chi tiết về một con người hay một sự việc nào đó mà quan trọng hơn qua những câu chuyện đó còn cho người đọc thấy được tình cảm, thái độ của nhà thơ đối với câu chuyện được kể. Đây mới chính là nội dung chủ yếu của một bài thơ trữ tình. Hình thức trữ tình thông qua kể chuyện còn giúp cho việc ghi nhận và thấu tóm vào trong các bài thơ "chân dung" của con người thời đại mới với bao điều cụ thể trong hành xử, nói năng, xúc cảm... Nói mấy chữ "con người thời đại mới" để khiến người ta nghĩ tới một đối tượng khách quan

nào. Kì thực nó cũng chính là các thi nhân lãng mạn với cái tôi cảm xúc định mệnh của họ đẩy thôi. Vì lẽ này, trong các bài thơ kể chuyện, các nhà thơ rất cố gắng đi sâu vào tâm trạng các nhân vật, không phải để cá tính hoá nó theo kiểu của tiểu thuyết hiện thực mà chỉ để tự khai thác nội tâm nhân vật. Các nhân vật Vân Sinh hay Văn Sinh trong hai bài thơ *Hoa thủy tiên* và *Bóng mây chiều* thực chất chỉ là một dạng hoá thân của cái tôi Thế Lữ. Cái cõi lòng đắm trong niềm mơ mộng nuôi tiếc của Vân Sinh (*Hoa thủy tiên*) hoàn toàn đồng nhất với tâm trạng hướng về Bồng Lai thanh sạch của nhà thơ được thể hiện trong nhiều bài thơ khác không có hình thức kể chuyện. Từ những sáng tác cụ thể trên, chúng ta có thể khẳng định nhờ hình thức kể chuyện các nhà thơ đã không làm người đọc cảm thấy chán khi họ nuôi ý định làm một "liên khúc trữ tình" của nhiều tâm trạng thống nhất nhưng không đồng nhất trong một đơn vị bài thơ. Nương theo một "cốt truyện" giản dị cái tôi thi sĩ, cái tôi cảm xúc của nhà thơ dần lộ ra dưới hình thức gián tiếp, khó gây "dị ứng" cho độc giả. Những bài thơ thể hiện trữ tình thông qua một câu chuyện thường dễ tạo ra một không khí thoải mái, dân chủ trong tiếp nhận nghệ thuật.

*Cốt truyện trong các tác phẩm truyện thơ.*

Truyện thơ từ lâu đã được sử dụng gắn với văn tự ghi chép nó, gắn với thể thơ nó được sáng tác, với hình thức diễn xướng trong dân gian, với nội dung thể hiện. Như vậy được ghi bằng chữ Nôm ta có truyện Nôm hay truyện thơ Nôm, ghi bằng chữ Hán. Truyện Nôm là một bộ phận văn học khá độc đáo và có giá trị của nền văn học phong kiến Việt Nam. Đây là một loại hình tự sự có khả năng phản ánh hiện thực với một phạm vi tương đối rộng, vì vậy có người gọi truyện thơ Nôm là trung thiên tiểu thuyết (tiểu thuyết vừa). Bộ phận văn học này được sáng tác bằng chữ Nôm và phần lớn được viết theo thể lục bát- thể thơ quen thuộc nhất với quần chúng. Một số ít khác viết theo thể thất ngôn bát cú (thơ Đường luật)

Hình thức đầu tiên của các truyện Nôm là những bài hát tự sự của các nghệ nhân hát rong. Những bài hát tự sự này phần lớn được các nghệ nhân sáng tác hoặc dựa trên cơ sở của truyện cổ dân gian, hoặc rút ra từ một truyện Nôm đã có trước. Càng về sau, những bài hát này càng được bồi bổ thêm về mặt nội dung cũng như nghệ thuật và đến một lúc nào đó bài hát đã được ghi vào trong sách,

từ đó chính thức trở thành một truyện Nôm (loại này có thể kể đến truyện: Trương Chi, Tấm Cám).

Truyện Nôm bình dân có một phong cách gần giống với truyện cổ dân gian, có thể coi nó là gạch nối giữa văn học dân gian và văn học bác học. Phần lớn các truyện bình dân này đều mượn kết cấu, cốt truyện của truyện cổ dân gian và bảo lưu khuôn dạng của truyện cổ. Cơ sở cốt truyện là xung đột xã hội, xung đột giữa thiện, ác nhưng các truyện Nôm bình dân chỉ biểu hiện ở góc độ bảo vệ tình yêu, hạnh phúc; chống lại sự thống trị của giai cấp phong kiến; kết cấu theo đường thẳng; kết thúc có hậu; tình tiết phát triển theo sự phát triển của nhân vật chính. Tuy nhiên so với văn học dân gian, truyện Nôm bình dân cũng có một số nét khác biệt thể hiện của một thể loại có khả năng phản ánh hơn truyện cổ như tác giả đã chú ý mô tả một số cảnh sinh hoạt xã hội và con người, yếu tố trữ tình ít nhiều đã có vị trí đáng kể, thỉnh thoảng có tác giả đã chú ý miêu tả tâm trạng của nhân vật. Ngoài ra truyện Nôm bình dân cũng không còn những lời bình luận, triết lý về cuộc đời của tác giả ở đầu hay cuối truyện như ở truyện cổ.

Như trong Quan Âm Thị Kính, nhân vật Thị Kính từ lâu đã trở thành một điển hình cho số phận của người phụ nữ trong xã hội cũ, nơi tập trung chồng chất mọi nỗi bất công, oan nghiệt. Và thông qua cuộc đời Thị Kính, bức tranh ngang trái đầy mâu thuẫn của xã hội phong kiến thời tác giả sống, hiện lên thật rõ nét... Thêm vào đó, bút pháp viết truyện của tác giả thật già dặn, lời thơ nhiều chỗ điêu luyện, chải chuốt (châm biếm hóm hỉnh, như khi nói về Thị Mầu; dồi dào cảm xúc như khi nói về cái chết của Thị Kính) nên càng tăng sức phổ biến của tác phẩm (câu thành ngữ "Oan như Thị Kính" quen thuộc của người Việt đã chứng tỏ sức sống của câu chuyện)...Tuy nhiên, triết lý "nhẫn nhục" cũng đã làm cho truyện thiếu đi một sức phản kháng cần thiết [6,1473].

*Những câu chuyện trong thơ Nguyễn Bính, sự kế thừa và sáng tạo*

Chu Văn Sơn trong *Ba đỉnh cao Thơ mới Xuân Diệu-Nguyễn Bính-Hàn Mặc Tử* đã nhận thấy "hạt nhân của mỗi bài thơ Nguyễn Bính bao giờ cũng là một cái sự nào đó, được diễn ra thành một cái cốt truyện ở một mức nào đó"[39]. Những phát

hiện tinh tế của Chu Văn Sơn cho thấy yếu tố tự sự đã trở thành phong cách thơ Nguyễn Bính. Trong thơ Nguyễn Bính, những bài thơ có "chuyện" chiếm một tỷ lệ lớn. Thơ Nguyễn Bính là một thứ thơ đầy chuyện. Người đọc có thể kể lại rất nhiều chuyện sau khi đọc thơ của ông. Đó là chuyện một cô em để phai nhạt màu quê khi đi tỉnh về, chuyện một anh lái đò thất tình đem bán chiếc thuyền đã được buộc vào số phận, chuyện một người chị "lỡ bước sang ngang" trong nước mắt, chuyện một người con gái ngây thơ từ chỗ nao nức tới nơi hò hẹn đến chỗ "lầm lụi trên đường về" cùng bao thất vọng, chuyện về các cuộc chia ly trên sân ga, chuyện một người sắp chết "giới giăng" lại với một người vợ trẻ, chuyện một người chết để lại sự thương tiếc cho nhiều người, chuyện một anh lái đò mơ thành quan trạng, chuyện một chàng trai hàng xóm mơ được yêu và đã yêu nhưng tình yêu đó nhanh chóng tan vỡ vì nàng chết, chuyện một cô gái lái đò chờ người tình không được đã đi lấy chồng... Nói chung, những bài thơ có chuyện trong thơ Nguyễn Bính chiếm một vị trí nổi bật. Người đọc có thể kể lại rất nhiều chuyện sau khi đọc thơ của ông.

Tuy chuyện trong thơ của Nguyễn Bính rất phong phú nhưng chúng ta vẫn có thể chia những bài thơ mượn hình thức kể chuyện để phát trữ tình cảm của ông thành ba nhóm chính: 1. Thác lời, làm lời người khác để kể chuyện của chính họ ; 2. Kể chuyện mình (đôi khi với ít nhiều tô vẽ); 3. Kể một câu chuyện của đời từ góc nhìn "khách quan". Ngoài ra ta cũng nhận thấy có bài thơ nằm trung gian giữa nhóm 1 và nhóm 3. Tương ứng với những nhóm này (theo tiêu chí nội dung) là những dạng kết cấu khác nhau có tính ổn định cao.

Nhóm thứ nhất có những bài tiêu biểu như: *Chân quê*, *Đêm cuối cùng*, *Qua nhà*, *Chờ nhau*, *Tương tư*, *Thời trước*... phải nói rằng trong thơ Nguyễn Bính giọng *quê* ở những bài này thuần nhất hơn cả. Tác giả đã nhập vai người khác một cách hoàn hảo và nói giọng của họ rất chuẩn. Họ là những chàng trai, những cô gái thôn quê chất phác, là những bà mẹ chịu thương, chịu khó và yêu con vô hạn. Họ kể lại chuyện mình bằng một giọng "quê đặc", nghĩa là bằng những lời giản dị, trong suốt, bằng những ví von ý nhị. Câu chuyện được kể tới không có gì gay cấn và bao giờ cũng diễn ra trong một bối cảnh hiền hoà, thuần túy của nông thôn với những "thôn Đoài", "thôn Đông", "giàn trâu", "hàng cau", "vườn chè", "ao bèo", "giếng khơi"...



Những lời tự xưng ở đây mang sắc thái khiêm nhường rõ nét: “anh”, “em”, “chúng mình”... Ngay khi nhân vật trữ tình có xưng “tôi” thì lời tự xưng ấy cũng mang vẻ hiền lành, tự nhiên không giống gì với các kiểu xưng tôi tự tin, và tự thị khác. Logic của các câu chuyện thường cũng là một logic đơn giản, kiểu: *Hoa chanh nở giữa vườn chanh; Đôi ta cùng ở một làng,/ cùng đi một ngõ vội vàng chi anh; Lối này lắm bụi nhiều hoa / (Đi vòng để được qua nhà đầy thoi); Vì tầm tôi phải chạy dâu/ Vì chồng tôi phải qua cầu đấng cay*. Nếu trong các bài thơ có xuất hiện những lời phản vấn nhằm tạo nên chút kịch cho các câu chuyện thì những lời ấy thường được cất lên trên cái nền suy luận theo triết lý tự nhiên của dân gian: *Bảo rằng cách trở dò giang,/Không sang là chẳng đường sang đã đành./ Nhưng đây cách một đầu đình, / Có xa xôi mấy là tình xa xôi (Trương tư)*. Nhìn chung, những bài thơ thuộc nhóm này trong sáng tác của Nguyễn Bính rất gần với những bài thơ trữ tình dân gian có hình thức kể chuyện như *Tát nước đầu đình, Sáng ngày em đi hái dâu*. Có điều sự chuyển cảnh ở thơ Nguyễn Bính linh hoạt hơn, sự hô ứng buông bắt giữa các phần, các đoạn phóng túng hơn, và do vậy mà mang tính hiện đại rõ nét, dù tác giả đã hoá thân một cách khá triệt để vào người khác để chỉ nói ra bằng giọng của họ. Nguyên nhân của sự khác biệt này nằm ở chỗ: các tác giả dân gian nghiêng về trần thuật trình tự sự thật của câu chuyện, còn Nguyễn Bính thì kể chuyện theo sự chi phối của một cái tứ in đậm bản sắc sáng tạo của cá nhân, và do vậy, dù muốn hay không về quê mùa của giọng kể ở đây cũng chỉ mang tính chất tương đối.

Bộ phận thứ hai trong mảng thơ “trữ tình thông qua một câu chuyện kể” ở sáng tác của Nguyễn Bính cũng có những bài hết sức đặc sắc: *Người hàng xóm, Dòng lệ dư, Một con sông lạnh, Hoa với rượu, Chuyện cổ tích, Nhà tôi, Tết của mẹ tôi...* ở những bài này, nhân vật trữ tình thường chính là nhà thơ hay là một kẻ nào đó gần như đồng nhất với ông. Chất *tự truyện* nổi lên khá đậm, được thể hiện qua nhiều chi tiết xác thực giàu tính tạo hình khách quan hoặc với những tình tiết éo le. Những đối lập giữa quá khứ với thực tại, hạnh phúc với đắng cay, mơ mộng và sự thực luôn luôn được nhấn mạnh, khiến cho các câu chuyện được kể tới có hai mảng sáng tối rõ ràng, khi tách bạch, khi xâm nhập vào nhau. Nhà thơ có thể bắt đầu bài thơ bằng những kỷ niệm êm đềm, tươi sáng, ngọt ngào rồi sau mới kể tới những gió

sương phủ phàng của cuộc đời (*Người hàng xóm, Hoa với rượu ...*). Cũng có khi ông vào bài với những dòng kể tâm sự u uất sau đó mới nói tới việc lần giờ từng trang đời hạnh phúc (*Dòng lệ dư...*). Tuy nhiên, bao giờ tác giả cũng kết thúc bài bằng những chi tiết nói về mất mát, thất vọng, cay đắng, về tình trạng đau khổ vô phương cứu chữa. Khi kể chuyện, tác giả vẫn có ý thức tìm lời giải thích cho những đổ vỡ của cuộc đời, nhưng những giải thích đó chịu sự chi phối sâu sắc của chủ nghĩa định mệnh:

*Bởi sinh làm kiếp giang hồ,*

*Giám đâu toan tính se tơ giữa đàng*

(Dòng lệ dư)

*Ấy thế mà rời cách biệt nhau,*

*Nhà Nhi không biết dọn đi đâu.*

*Mình tôi giờ bắt làm thi sĩ,*

*Mẹ mất khi chưa kịp bạc đầu*

(Hoa với rượu).

Vô hình trung, theo Nguyễn Bính, đổ vỡ là một lôgic phát triển tất yếu của cuộc đời này. Bởi vậy nổi lên trong các bài thơ là một giọng thở than não ruột và thái độ “đành lòng vậy, cảm lòng vậy”. *Quan trạng, Giấc mơ anh lái đò, Lỡ bước sang ngang, Viếng hồn trinh nữ, Cô lái đò, Mưa xuân, Mười hai bến nước...* là những bài thơ kể một câu chuyện khách quan ngoài đời. Kết cấu của chúng gần giống với kết cấu của những bài thuộc nhóm vừa phân tích. Ở đây cũng có sự đối lập giữa ước mơ và thực tế, giữa cái *đáng lẽ* và cái *xảy ra*. Nhân vật trữ tình thường khi vẫn nhập thân vào nhân vật được anh kể tới để đọc thấy tâm trạng của mình trong tâm trạng của họ, để được sống lại nỗi khắc khoải giữa hai bờ thực - ảo, nhưng do vị thế của một kẻ trần thuật khách quan, anh đã có dịp lùi ra để suy nghĩ sâu sắc hơn về những nghịch lý của cuộc đời.

Như vậy, không phải cứ đi sâu vào tâm trạng của nhân vật trong câu chuyện là nhà thơ bỏ quên cái tôi của mình. Ngược lại, cái tôi của ông bộc lộ rõ hơn ở khả

năng quan sát chung quanh và đồng cảm với người khác, đặc biệt với những người cùng chung cảnh ngộ. Chung quy thì kể chuyện là một cách nhà thơ phóng chiếu cái tôi của mình ra thế giới để trên cơ sở đó mà chiêm nghiệm về nó. Khẳng định bản ngã của mình có nhiều cách và đây là cách dễ được công chúng rộng rãi tiếp nhận. Chính thái độ của độc giả đối với thơ Nguyễn Bính đã chứng thực điều này.

Nguyễn Bính thường vẫn giành những trường đoạn mô tả lời của nhân vật, hay nói cách khác là dành một không gian rộng rãi cho những lời tự bộc lộ của họ. Bài thơ *Lỡ bước sang ngang* là một ví dụ tiêu biểu:

*Em ơi, em ở lại nhà,  
Vườn dâu em đón, mẹ già em thương.  
Mẹ già một nắng hai sương.  
Chị đi một bước trăm đường xót xa.*

...

*Dâu em thương chị mười phần,  
Cũng không ngăn nói một lần chị đi.*

(Lỡ bước sang ngang)

Đây là một đoạn thơ dài được đặt trong dấu ngoặc kép, chứa đầy tâm sự của nhân vật do tự họ nói ra. Những đoạn thơ như thế ở bài này không phải là hiếm. Chúng được đặt xen kẽ với những đoạn miêu tả của một kẻ đứng nhìn khách quan. Toàn bộ câu chuyện vì thế trở nên thật lâm ly, não nùng hơn. Và xét riêng ở khía cạnh tài nghệ của người làm thơ ta thấy Nguyễn Bính đã vào ra tâm trạng của người khác một cách dễ dàng, thoải mái.

Trong khi khảo sát những câu chuyện ở thơ Nguyễn Bính, chúng ta đã phần nào thấy được thế giới nghệ thuật nhân vật trong thơ ông. Đó là một thế giới nhân vật phong phú, đa dạng. Ngoài hình tượng cái tôi, nhân vật của Nguyễn Bính có thể chia làm hai loại: Tình nhân lỡ dở và những thân phận lỡ dở. Tình nhân lỡ dở có hai dạng: thứ nhất, do lỡ dở mà giai nhân chẳng thành tình nhân – không có được; thứ

hai, do một lỗi dở nào đó mà tình nhân đã trở thành cố nhân - không giữ được. Tất cả khiến cho mọi cuộc tình của cái tôi ấy đều giang dở, lỡ làng. Đó là nàng Oanh (*Oanh, Nhớ Oanh*), nàng Dung (*Oan nghiệt*), Nhi (*Hoa và rượu*)... là những giai nhân không tên: cô hái mơ già, người hàng xóm, người con gái vườn Thanh... Thế giới nhân vật của Nguyễn Bính toàn là những mảnh đời lỡ dở: ông chồng chết non trắng trời với người vợ trẻ những lời đắng chát (*Giới giãng*), cô lái đò, anh lái đò dang dở mộng tình duyên, dở dang giấc mơ quan trạng... trong đó nổi bật là hình ảnh người chị (chị Trúc) với cuộc đời có nhiều bất hạnh.

Những bài thơ có chuyện trong thơ Nguyễn Bính có xu hướng chuyển từ những bài thơ trữ tình thành truyện thơ theo kiểu kéo giãn dung lượng phản ánh, mở rộng số lượng câu (dòng) thơ, đưa vào nhiều chi tiết đời sống. Đó là các bài: *Hoa với rượu, Mưa xuân, Lỡ bước sang ngang*. Xu hướng ấy càng khẳng định sự tồn tại của những câu chuyện trong thơ Nguyễn Bính. Nguyễn Bính như người nghệ sĩ kể chuyện dân gian bằng thơ, hoá thân tài tình vào các nhân vật trữ tình mà giàu chất tự sự. Nguyễn Bính đã đi vào vườn văn hoá dân gian để hút nhụy mật ngọt dâng cho đời.

### **2.1.2. Dòng chảy thời gian**

Văn bản tự sự thường được tổ chức theo nguyên tắc kế cận, tức là theo trình tự thời gian trước sau, tiếp nối: câu nọ nối tiếp câu kia, chương nọ nối tiếp chương kia, sự kiện nọ nối tiếp sự kiện kia. Nói đến văn bản là nói đến *cái biểu hiện* chứ không phải *cái được biểu hiện*, nó khác với các tiểu thuyết hiện đại sử dụng biện pháp đồng hiện, bởi đó là *cái được biểu hiện*, những biến cố xảy ra sau có thể được nói đến trước và ngược lại.

Trái với văn bản tự sự, văn bản thơ được tổ chức theo nguyên tắc tương đương. Thơ - đó là nghệ thuật của sự lặp lại (vần, nhịp, và nhiều yếu tố thuộc nhiều cấp độ khác nữa như sự lặp lại về từ vựng, ngữ pháp...). Không chỉ thế, thơ còn là việc “chiếu nguyên lí tương đương của trực lựa chọn lên trực kết hợp” (R. Jakobson) nghĩa là bản thân nó đã là một sự khác biệt rất lớn so với các thể loại khác. Văn bản

thơ, vì thế, là sự phối hợp giữa các yếu tố tương đương; còn văn bản tự sự là sự phối hợp theo trình tự thời gian xâu chuỗi các yếu tố khác biệt

Thơ trữ tình là thể loại mà thế giới chủ quan của người viết thể hiện qua những cảm xúc mãnh liệt. Những cảm xúc ấy lại được dồn nén trong một khối lượng ngôn từ xác định, hữu hạn. Bởi vậy ngôn ngữ của thơ trữ tình hàm súc, đa nghĩa, sức gợi không giới hạn. Những ám ảnh, sự lan toả của các tầng ý nghĩa trong thơ trữ tình lớn hơn các thể loại khác rất nhiều lần. Nhiều tác phẩm có những diễn biến câu chuyện hết sức linh hoạt: không phụ thuộc vào trật tự của thời gian tự nhiên, mà đi theo quy luật phát triển của tâm lý. Quan tâm tới các trạng thái tâm lý của các nhân vật.

Trong thơ cổ, với ưu thế của thời gian vũ trụ tuần hoàn, một thời gian vĩnh viễn được tính bằng vạn năm, vạn đời, nghìn thu thiên cổ. Họ quan niệm chết chưa phải là chấm hết, chẳng hạn khi đọc bài thơ:

*“Đừng tưởng xuân tàn, hoa rụng hết*

*Đêm qua xuân trước một nhành mai”*

(Mãn giác thiền sư)

Về mặt chủ quan, nhà thơ Mãn Giác Thiền Sư nói lên một quan niệm triết lý của đạo phật: sự vật sinh ra mất đi, có sinh có tử, người tu hành đắc đạo có thể vượt ra khỏi vòng sinh tử, sống mãi như nhành mai vẫn nở trong lúc muôn hoa đều tàn. Có lẽ quan niệm đó đã làm cho người xưa thanh thản hơn.

Dòng chảy thời gian trong các nhà thơ mới đã có sự thay đổi rõ rệt. Nhà thơ Xuân Diệu đã nói lên cái hữu hạn của thời gian đời người

*“... Lòng tôi rộng, nhưng lượng đời cứ chật*

*Không cho dài thời trẻ của nhân gian*

*Nói làm chi rằng xuân vẫn tuần hoàn*

*Nếu tuổi trẻ chẳng hai lần thắm lại.”...*

(Vội Vàng- Xuân Diệu)

Vũ trụ vĩnh viễn, mùa xuân đất trời có thể tuần hoàn nhưng thời gian tuổi trẻ của một đời người thì chẳng hai lần lặp lại. Nguyễn Bính cũng có cùng quan điểm đó, chỉ có điều, ông thể hiện cảm nhận của mình qua số phận các nhân vật trong thơ. Trong bài thơ “Cô lái đò”

*“...Chẳng lẽ ôm lòng chờ đợi mãi*

*Cô đành lỗi ước với tình quân”*

( Cô lái đò)

Trong bài thơ là câu chuyện của một người con gái- một cô lái đò đã lỗi hẹn với người yêu để cất bước theo chồng. “Cô lái đò” đã nhận thức được thời gian có hạn của một đời người. Cô hiểu rằng, tuổi xuân của mình chẳng thể nào lặp lại, nên đành lỗi hẹn với tình xưa mà đi lấy chồng, vì cô không thể chờ đợi mãi. Trong thơ Nguyễn Bính có rất nhiều câu chuyện như thế: cô gái làm nghề trồng dâu, dệt cửu...cũng đã phải lỗi hẹn để cất bước theo chồng. Cũng chỉ vì các cô cảm nhận được thời gian trôi, con gái có thì... mặc dù vẫn biết rằng yêu nhau mà không lấy được nhau cuộc sống sẽ đầy đau khổ, bất hạnh. Thời gian trong thơ Nguyễn Bính trôi trong cảm xúc cá nhân cho nên thời gian nhanh hay chậm đều do cá nhân con người cảm thấy.

Ở bài thơ “Mưa xuân”, người đọc hình dung ra câu chuyện của người con gái khi nghe mẹ nhắc thôn Đoài có hát, cô gái bỗng sao nhãng công việc dệt vải, hai má bén lửa vì chợt nhớ đến cuộc hẹn với người yêu vào tối nay. Khi bốn bên hàng xóm đã lên đèn, trong cô có sự nôn nóng, cô đã gác cả công việc lại chỉ mong sao thật nhanh đến nơi hò hẹn để được gặp người yêu vậy mà:

*“...Chờ mãi anh sang anh chẳng sang*

*Thế mà hôm nọ hát bên làng*

*Năm tao bầy tuyết anh hò hẹn*

*Để cả mùa xuân cũng nhờ nhàng...”*

(Mưa xuân)

Trong ý thơ có lời trách cứ, giận hờn. Chàng trai đã lỗi hẹn, cô gái đã đau khổ, cô đã trách móc thời gian, thời gian trong quá khứ của người tình : tại sao?

“năm tao bầy tuyết anh hò hẹn” để rồi anh không đến? Cô cũng đã nhận ra những lần hò hẹn giả dối trong quá khứ của người con trai mà hiện tại cô đang chờ đang đợi. Con đường về nhà trở nên xa “*có ngấn gì đâu một dải đê*”. “*Một dải đê*” là cả một quãng đường dài. Nếu ở trên chỉ “*một thoi đê*” diễn tả cái ít, cái ngắn thì bây giờ *một dải đê* là diễn tả cho cái vô cùng, vô tận, xa tít tắp. Vẫn là cái dải đê ấy, khi hứa hẹn và tình còn nồng thắm thì cô đi với thời gian gấp gấp vội vàng, nhưng khi bị lỗi hẹn cô trở về với gian trôi thật dài, thật nặng nề, của một tâm trạng cô đơn trống vắng trong tâm hồn.

Dòng chảy thời gian trong thơ Nguyễn Bính có sự đan xen giữa quá khứ với hiện tại. Thời gian trong quá khứ được nói đến trong thơ ông chưa chắc đã phải là một quá khứ thực mà nó có thể chỉ là thời gian trong tưởng tượng và mơ ước của nhà thơ. Đọc nhiều bài thơ của Nguyễn Bính, ta có cảm giác quá khứ không phải chỉ như cái đã qua, mà khi nó trôi dậy trong tâm tưởng và nó được sống với những hình ảnh thật trong trẻo đẹp đẽ khiến ta cũng nhớ về tuổi thơ của mình..

*“Học trò trường huyện ngày năm ấy*

*Anh tuổi bằng em lớp tuổi thơ*

*Những buổi học về không có nón*

*Đội đầu chung một lá sen tơ”*

( Trường huyện)

Câu chuyện của tuổi thơ với những kỉ niệm thật đẹp. Ngày ấy anh và em học chung một lớp, cùng lớn lên bên nhau. Một lá sen tơ thay cho chiếc nón lá chúng ta đội chung đi học. Thật đẹp và thú vị biết bao. Khi sống cùng quá khứ, nhà thơ đã tưởng tượng ra rất nhiều chuyện, phần nhiều là những câu chuyện đẹp. Những câu chuyện của “năm xưa” “năm ấy”...những câu chuyện đẹp như “truyện cổ tích”

*“ Em ạ ngày xưa vua nước Bướm*

*Kén nhân tài mở điệp lang khoa*

*Vua không lấy trạng, vua thê thê*

*Con bướm vàng tuyền đậu thắm hoa...”*

(Truyện cổ tích)

Là câu chuyện của hai vợ chồng phò mã- con vua nước Bướm mãi mê xem hoa nên lạc lối về, rồi có bà tiên hiện ra cứu mang họ trong chần thêu gối ầm, được ăn bánh của bà tiên, hai vợ chồng Bướm: “Chồng hóa làm anh, vợ hóa em”. Phải chăng “Truyện cổ tích” là ước mơ của con người hiện đại, con người đang sống trong xã hội thực dân phong kiến, đang mơ về một thế giới tốt đẹp. Đó là những chuyện của tưởng tượng, của quá khứ và cái quá khứ ấy được Nguyễn Bính thể hiện như là cái đang diễn ra. Quá khứ là quá khứ động, tác giả miêu tả như là cái đang diễn ra trong hiện tại.

Tâm trạng hoài niệm, ám ảnh quá khứ là tâm trạng chung của rất nhiều nhà thơ trong phong trào thơ mới. Chế Lan Viên nghĩ về một nước Chăm đã qua đi, Thế Lữ nhớ về thời gian quá khứ qua câu chuyện của một con hổ bị nhốt trong vườn bách thú...Nguyễn Bính cũng bám níu quá khứ hơn hiện tại. Nhiều lúc ta tưởng như Nguyễn Bính đã hoàn toàn sống với quá khứ, nhưng không phải vậy ông đã sự tỉnh để tạo ra sự đột ngột của thời gian. Anh lái đò có lúc đã tưởng tượng lại giấc mơ năm xưa đẹp đẽ của mình. Anh mơ đồ quan trạng, rồi anh rước cô gái trước đây đã từng thề nguyện trong cảnh “Võng anh đi trước, võng nàng theo sau”....Để rồi bỗng nhiên, đám cưới linh đình của cô gái đó với người con trai khác đồn đến tai anh. Anh rơi vào buồn chán, cô đơn, thất vọng. Anh đã định bán con thuyền- kế sinh nhai của mình để lấy chín quan tiền nhưng rồi lại thôi....

*“... Lang thang anh dạm bến thuyền*

*Có người giả chín quan tiền lại thôi.”*

(Giấc mơ anh lái đò)

Một con người đã “Bỏ lại vườn cam, bỏ mái gianh.” Để đi tìm xê dịch trong không gian bằng những chuyến giang hồ vật nghĩ về quá khứ một thời mà ao ước. Đọc bài thơ “Hoa với rượu” nhà thơ đã kể về câu chuyện thừa nhờ của mình với cô bạn gái tên Nhi. Hai đứa đã có những kỉ niệm đẹp “Ra vườn nhặt những hoa cam rụng / Về bỏ đầy nồi cất nước hoa” rồi “hai đứa nhìn nhau cười khúc khích”. Nhưng giấc mơ đắm thắm và say sưa ấy không thể nào xua tan mối sầu tương tư vợ vẫn của hiện tại. Cái quá khứ đẹp đẽ ấy càng chỉ làm thắm thía hơn tình cảnh một mối tình của nhà thơ đang dang dở để khóc



“khóc vụng mỗi lần tôi nhớ lại”. Sự giằng co giữa quá khứ và hiện tại trong thơ Nguyễn Bính đã thể hiện rõ bi kịch trong tâm trạng nhà thơ. Thi sĩ đã tìm về một thời gian quá khứ hài hòa yên tĩnh để làm nơi trú ngụ. Nhưng ngay cả khi mơ ước, khi tìm nơi trú ngụ bằng quá khứ thì nhà thơ cũng cảm nhận được cái êm đẹp, hài hòa, thơ mộng của quá khứ cũng rất mong manh.

*“...Lá sen vương vấn hương sen ngát*

*Áp ủ đôi ta chút nhụy hờ*

*Lũ bướm tưởng hoa cài mái tóc*

*Theo về tận cửa mới tan mơ...”*

(Trường huyện)

Thời gian trong thơ Nguyễn Bính luôn có sự vận động rõ rệt. Một loạt các bài thơ như: “*Qua nhà*”, “*Giấc mơ anh lái đò*” “*Trường huyện*” “*Khăn hồng*” ...cho ta thấy sự vận động của thời gian, từ quá khứ đến hiện tại hoặc từ hiện tại trở về quá khứ. Sự vận động theo dòng chảy thời gian trong thơ Nguyễn Bính không tuân theo một vòng khép kín. Mà có lúc ta bắt gặp sự đứt gãy, sự biến suy đột ngột của thời gian, đó cũng là sự đứt gãy, sự gấp khúc, tan vỡ của một tiếng lòng nhiều mộng tưởng. Chẳng hạn trong bài “*Người hàng xóm*” câu chuyện về một người con trai đang có giấc mộng đẹp trước cô hàng xóm thường hong tơ ra ngoài hiên. Rồi bỗng có sự thay đổi “*mấy hôm chả thấy nàng*”. Vắng bóng người con gái, anh chờ đợi, trời mưa rồi lại tạnh mà vẫn chẳng thấy nàng đâu. Để rồi nhận được tin sét đánh ngang tai “*Đêm qua nàng chết thật rồi*”. Bất ngờ và đau đớn đã làm tan biến giấc mộng của chàng trai. Thời gian trôi đi, sự vật và con người cũng có sự thay đổi.

Trong thơ Nguyễn Bính ta còn bắt gặp dòng chảy thời gian qua thời tiết của các mùa, qua cảnh sắc nông thôn.

*“Đã thấy xuân về với gió đông*

*Với trên màu má gái chưa chồng*

*Bên hiên hàng xóm cô hàng xóm*

*Ngước mắt nhìn giời đôi mắt trong.”*

(Xuân về)

Từ một câu chuyện cô hàng xóm chưa chồng đang đứng bên hiên nhà ngắm nhìn trời đất lúc sang xuân ta cũng đã cảm nhận được sự chuyển động của thời gian rất rõ. Xuân đã về cùng gió đông, chỉ một chút hơi xuân đã làm thay đổi màu má cô gái. Cô hàng xóm đứng bên hiên nhà nhìn giời bằng đôi mắt của tuổi dậy thì đầy trong trắng. Tiếp theo là một chuỗi các sự tiến triển của thời gian như: mưa tạnh trời quang, con trẻ chạy nô đùa, hoa cam rụng...Bước đi của thời gian hiện lên rất rõ, cùng với bước đi của thời gian ta còn cảm nhận được bước đi của không gian: mùa xuân từ ở “giời” trong đôi mắt của cô gái đã phong tỏa, dần ngập tràn trên cành cây, trên cánh đồng, con đường và trên mặt đất.

Bước đi của thời gian trong không gian còn hiện lên rất rõ qua tiếng tu hú vừa kêu, qua màu vàng mới chín của trái vải, qua sắc tàn của hoa gạo

*“ Chưa hè đã nắng chang chang*

*Tu hú vừa kêu, vải mới vàng*

*Hoa gạo tàn đi cho sắc đỏ*

*Nhập vào sắc đỏ của hoa xoan..”*

(Cuối tháng ba)

Như vậy ta thấy rằng: dòng chảy thời gian trong thơ Nguyễn Bính là thời gian được cảm nhận qua một sinh mệnh cụ thể, một cá nhân, một con người. Cách cảm nhận về thời gian của Nguyễn Bính gắn liền với ý thức cá nhân. Đó cũng là điểm chung trong phong trào thơ mới. Nhưng ở Nguyễn Bính vẫn có những nét riêng. Thời gian quá khứ và hiện tại đan xen qua những bài thơ đậm chất tự sự. Một dòng chảy gấp khúc đậm chất dân gian.

## **2.2. Lối tự sự trong mỗi hình ảnh thơ**

### **2.2.1. Hình ảnh của hồn quê da diết**

Nguyễn Bính sinh ra trong một nhà nho nghèo ở nông thôn, nên ông đã tiếp thu được nền văn minh thôn dã, nền văn hóa xóm làng. Ông yêu tha thiết quê hương nhưng cũng là người tha hương rất nhiều năm trong đời. Nguyễn Bính bước vào đời rất sớm: hơn 10 tuổi đã lên Hà Nội để kiếm sống. Nhưng chính cảnh ngộ tha hương

đã khiến nhà thơ thấm thía nhận ra: quê hương đã trở thành một phần máu thịt trong mình từ bao giờ. Phần lớn thơ viết về quê hương của Nguyễn Bính ra đời khi nhà thơ đã “*đi tỉnh*”. Tình quê hương có lẽ đã bù đắp rất nhiều cho tình mẫu tử mà nhà thơ đã thiếu hụt từ thơ ấu. Làng Thiện Vịnh quê cha và thôn Vân quê mẹ cứ tha thiết đi về suốt một đời thơ Nguyễn Bính. Mỗi bài thơ là một câu chuyện kể về cuộc sống thôn đó. Không gian thôn dã ấy thân thuộc biết bao với các hình ảnh xưa cũ ngàn đời của làng cảnh Việt Nam: mái đình, con đê, dòng sông, bến đò, thôn Đoài, thôn Đông, làng Ngang, xóm Dừa, cánh đồng, lũy tre, giàn giầu, hàng cau, đậu mùng toi, ao rau cần... Hạnh phúc thật đơn sơ là khi con người hoà vào thiên nhiên trong sạch, với một tâm hồn thuần khiết, thủy chung

*“Nhà gianh thì sẵn đấy*

*Vợ xấu có làm sao*

*Cuốc kêu dài bãi sậy*

*Hoa súng nở đầy ao”*

(Thanh đạm)

Sống nơi đất khách kinh thành gió bụi, Nguyễn Bính vẫn giữ cốt cách mộc mạc. Hồn quê, tình quê, cứ đầm đằm, âm âm, day dứt khôn nguôi. Giấc mơ quan trạng của anh lái đò hay máy cô yếm thắm trảy hội chèo, những hẹn hò đôi lứa, những mối tình quê ngọt ngào hay cay đắng cũng rung lên từ đây: “*Oi thôn Vân hỡi thôn Vân / Nơi nao kết dải mây Tần cho ta / ở đây tưởng nhớ quê nhà / Thấy mây Tần đó ngỡ là thôn Vân*”.

Dù đi đâu, “vùng thăm mĩ” của Nguyễn Bính vẫn dành cho những gì quê mùa, mộc mạc. Chỉ với những hoa cau, vườn trầu, bướm lượn say hoa, bến nước con đò, chiếc áo tứ thân dây lưng dải mới làm cho cảm xúc thăng hoa:

*Hoa chanh nở giữa vườn chanh*

*Thầy u mình với chúng mình chân quê*

(Chân quê)

*Hoa chanh* một loại hoa rất đỗi quen thuộc trong khắp các mảnh vườn chốn thôn quê nhưng khi đi vào thơ Nguyễn Bính nó khơi gợi nhiều ý tứ. Trước hết nó là câu chuyện giữa con người với hoàn cảnh. Con người nảy sinh và phát triển trong một hoàn cảnh nhất định và thường mang những đặc điểm quen thuộc của hoàn cảnh. Cũng vì thế mà phải biết sống phù hợp với cảnh ngộ. Một câu chuyện khác mà Nguyễn Bính muốn nhấn mạnh là bảo vệ những gì tốt đẹp nhất của quê hương, cái mà Nguyễn Bính gọi là chân quê. Có thể đó là tuyên ngôn nghệ thuật của Nguyễn Bính. Thi sĩ chủ trương: “Thơ Việt viết cho người Việt, trước hết phải mang sắc thái và phong cách Việt, do đó giản dị là một điều cốt lõi”. Thơ Nguyễn Bính rất chân thật, nghĩ sao viết vậy. Trước căn gác Hoàng Mai, Nguyễn Bính gọi là Mộng Hoa trang có cây bàng trĩu lá, từ cảnh thực đã nên thơ:

*Thu đi trên những cành bàng*

*Chỉ còn hai chiếc lá vàng mà thôi*

(Cây bàng cuối thu)

Có thể thấy, Nguyễn Bính, một chàng trai quê tay chân thô nháp, quềnh quàng, lam lũ như vừa lướt lướt từ đồng sâu mò lên đã tạo nên một hồn thơ thấm đẫm hương quê. Nguyễn Bính dựng cảnh bằng tâm hồn mà hồn ông lại nhập vào dĩ vãng thơ mộng, kì ảo. Nhà thơ có biệt tài, sức sáng tạo thiên bẩm: chỉ vài chi tiết đơn sơ, bình dị đã nắm bắt được hồn cốt của làng quê, lay động vào phần sâu thẳm của lòng người. Vườn tược, bướm hoa, dải đê, bến đò và những mối tình quê e ấp trong trẻo, nguyên sơ đẹp như huyền thoại, cổ tích:

*Nhà tôi ở gốc cây dương*

*Cách động Hương Sơn nửa dặm đường*

*Có suối nước trong tuôn róc rách*

*Có hoa bên suối ngát đóa hương*

(Cô hái mơ)

Nguyễn Bính rất thuộc tâm lý của trai làng, gái xóm, nét đẹp truyền thống xa xưa, cõi hồn của người Việt. Các cô thôn nữ trồng dâu, nuôi tằm, dệt vải trắng trẻo,

ông ả tạo nên chất thi vị, hợp với kiểu lãng mạn vốn có của thi sĩ. Con thoi trên khung cửi và những sợi tơ giăng mắc, những mối tình quê trở thành biểu tượng nhớ thương vẫn vút trong thơ Nguyễn Bính:

*Gieo thoi, gieo thoi, lại gieo thoi*

*Nhớ nhớ, mong mong mãi thế thoi*

*Thoi ạ, làm sao thoi lại cứ*

*Đi về giếng mắc để trêu tôi*

(Nhớ)

Nếu không phải là người đã từng gắn bó máu thịt, sống trong hơi thở, nhịp điệu của quay tơ, dệt lụa làm sao có được nhịp thơ như tiếng thoi đưa, như tiếng lòng thôn thức đến vậy? Đôi khi chỉ mới cất lời lên, hình ảnh, ý nhạc đã gợi bóng dáng hồn quê dân dã và ngôn ngữ bình dị bỗng thành biểu tượng “có ma lực”:

*Hôm nay dưới bến xuôi đò*

*Thương nhau qua cửa tò vò nhìn nhau*

*Anh đi đây, anh về đâu*

*Cánh buồm nâu, cánh buồm nâu, cánh buồm...*

(Không đề)

Khác với các thi sĩ cùng thời đi tìm vẻ đẹp ở cõi tiên, cõi mộng, cõi say, cõi điên, Nguyễn Bính có một quan niệm thẩm mỹ rất chân phương, giản dị

*Hoa có bao nhiêu nở hết rồi*

*Như đoàn cung nữ hé môi tươi*

*Và trên từng cánh, trên từng cánh*

*Những hạt mưa hiền lấm tẩm rơi*

(Vườn xuân)

Nguyễn Bính, Xuân Diệu và các thi sĩ Thơ mới cảm nhận thiên nhiên qua dáng vẻ con người. Hoa hé nụ nhân hoá thành nét cười tươi duyên dáng của “đoàn

cung nữ, hoa, cỏ được làm chuẩn mực thẩm mỹ, bộc lộ tâm trạng, cảm xúc của con người. Đôi khi thiên nhiên với cỏ cây, hoa lá muôn màu muôn vẻ trở thành lăng kính nghệ thuật để cảm nhận về con người:

*Nơi này chán vạn hoa tươi*

*Để yên tôi hái đùng mời tôi lên*

*Một đi làm nở hoa sen*

*Một cười làm rụng hàng nghìn hoa mai*

*Hương thơm như thể hoa nhài*

*Những môi tô đậm làm phai hoa đào*

*Nõn nà như thể hoa cau*

*Thân hình yếu điệu ra màu hoa lan.*

(Lòng yêu đương)

Một vườn hoa tươi rực rỡ, khoe hương sắc cũng là câu chuyện về một cô gái ở độ xuân thì. Cách cảm nhận con người qua cảnh sắc thiên nhiên là sự cảm nhận “gián cách” thường gặp trong ca dao: “*Miệng cười chúm chím hoa ngâu / Chiếc khăn đội đầu như thể hoa sen*”. Nói về các loài nhưng thực chất nhà thơ đang nói về câu chuyện tình yêu và lòng chung thủy: “*Tình tôi là giọt thủy ngân / Dù nghiêng chẳng nát dù lăn vẫn tròn / Tình cô là đoá hoa đơn / Bình minh nở để hoàng hôn mà tàn*”. Có khi “hoa hồng” được phủ lên một nét nghĩa mới của tình oan trái: “*Tình tôi như đoá hoa hồng / ở nương oan trái trong lòng tịch liêu*”. Cỏ cây, hoa lá tạo không gian tình ái và bộc lộ tâm trạng của nhân vật trữ tình.

Mảnh vườn xưa bên mái tranh làng quê, êm đềm, ngọt ngào ẩn chứa bao kỷ niệm ấu thơ. Vườn quê và sắc hương hoa mộc mạc, giản dị, tự nhiên tinh khiết, tình quê dạt dào. Trong đời thực, nhà ngoại của Nguyễn Bính có mấy sào vườn rộng trồng toàn cau, chè, cam, chanh, đào, lê... Mảnh vườn quê là “kho” cất giữ kỷ niệm, tình gia đình, tình đôi lứa xiết bao thân thương, triu mến:

*Sáng giăng chia nửa vườn chè*

*Một gian nhà nhỏ đi về có nhau*

*Đêm nay mới thật là đêm*

*Ai đem giăng sáng dãi lên vườn chè*

(Thời trước)

Hình ảnh “vườn chè” vừa gần gũi quen thuộc vừa gợi bao nghĩa tình đắm thắm thủy chung chia sẻ ngọt bùi của vợ chồng nơi thôn dã. Trăng rải ánh vàng lên vườn chè làm bừng lên một không gian lãng mạn, tình tứ. Bỏ công những ngày chồng dùi mài kinh sử, sớm khuya đèn sách, vợ chắt chiu, tảo tần mưa nắng khát khao đợi ngày chồng “vinh qui bái tổ”. Mảnh vườn gắn với kỷ niệm, với hạnh phúc lứa đôi, cuộc sống vợ chồng keo sơn, chung thủy. Một thôn quê yên tĩnh thơ mộng như thể ai cũng muốn đắm mình trong đó, mơ màng, ngây ngất lắng nghe bao tiếng gọi yêu thương, ấm áp:

*Nhà tôi không bán vườn đâu*

*Tháng hai giàn đỗ bắt đầu ra hoa*

*Năm nay tôi phải về nhà*

*Đợi xem giàn đỗ ra hoa có nhâm*

(Nhâm)

Câu chuyện về mảnh vườn quê thân thuộc: anh đi xa nhà có người đến hỏi mua mảnh vườn, anh không bán vì tháng hai giàn đỗ bắt đầu ra hoa. Dù có đi xa nhưng năm nay nhất định anh cũng sẽ trở về xem có đúng là tháng hai giàn đỗ ra hoa hay không hay anh đã nhâm. Vườn trở thành cội nhớ mệnh mang đậm sâu trong ký ức, xa xứ phiêu bạt giang hồ nhưng cuộc sống yên bình bên mái tranh nghèo, bên vườn cà vườn đỗ đơn sơ luôn giục giã trở về. Cảm hứng chủ đạo xuyên suốt nhiều bài thơ của Nguyễn Bính là hoài niệm, mơ ước về quê hương. Lời thơ như lời tự nhủ thì thầm của chính lòng mình. Vườn xưa nhà mình đầy hoa cải vàng, hoa lê trắng, huyền diệu, lung linh như vườn cổ tích:

*Vườn đầy hoa trắng như em ấy*

*Bỗng một bà tiên hiện ra*

*Sao mà đẹp thế! Tiên mà lại!*

*Nữ chúa vườn lê đi thăm hoa*

(Truyện cổ tích)

Một mảnh vườn đầy hoa trắng, lại có cả một bà tiên đẹp thế. Đúng như nhân vật trữ tình kể chuyện, đó là vườn trong câu chuyện cổ tích, cũng như đối với thi sĩ nó đã có trong tâm tưởng, ước vọng. Trầu cau, bờ giậu, ao bèo là những hình tượng quen thuộc, dân dã tạo không gian đời sống thôn quê, với những câu chuyện về tình yêu, tình làng nghĩa xóm: “*Đâu muốn tìm vàng ở mái gianh*”, “*Bỏ lại vườn cam bỏ mái gianh / Tôi đi đan dúi với kinh thành*”, “*Nhà nàng ở cạnh nhà tôi / Cách nhau có giậu mồng toi xanh rờn*”; “*giậu tầm xuân*”, “*Giậu để dây leo suồng sã quá*”, “*Lợn không nuôi đặc ao bèo / Giậu không dây chẳng buồn leo vào giàn / Giếng thoi mưa ngập nước tràn / Ba gian đầy cả ba gian nắng chiều*”. Từng gốc lúa bờ tre, mái gianh, từng cây cỏ, bông hoa ở vườn quê đều ghi dấu một kỷ niệm, gắn bó với một cảnh huống, một chuyện tình duyên nào đó và thường là lỡ dở: “*Thôn Đoài thì nhớ thôn Đông / Cau thôn Đoài nhớ giậu không thôn nào*”. Có khi giậu - cau được dùng như đơn vị thời gian đo độ dài của sự chờ đợi và điểm hẹn tình yêu bằng nhá giập miếng giậu: “*Láng giếng đã đổ đèn đầu / Chờ em chùng giập miếng giậu em sang*”. Nguyễn Bính đã thấm sâu vào hồn quê, từ cảnh, từ người, từ lời ăn tiếng nói.

Mỗi mảnh vườn trong thơ Nguyễn Bính là một câu chuyện có nhiều ý nghĩa luôn ám ảnh, day dứt và thường trực trong tâm hồn người xa quê. Vườn quê luôn ngào ngạt hương sắc của muôn loài hoa lá, cỏ cây - hoa của hồn quê bình dị, dân dã. Nếu thi vị hóa thì cô gái quê thành nữ chúa vườn hoa hoặc ngược lại, biến loài hoa sang trọng thành biểu tượng làng quê:

*Vườn nhà tét đến hoa còn nở*

*Chị gửi cho em một cánh hồng*

(Xuân tha hương)



Với Nguyễn Bính vườn là gia đình, là quê nhà, là không gian ước vọng chốn yên bình hạnh phúc: “*Anh trồng cả thấy hai vườn cải / Tháng chạp hoa non nở cánh vàng*” (Hết bướm vàng).

Từ sắc màu hoa đỗ ván, hoa mận, hoa mơ, mà thấy mùa xuân đang về, thấy nao nao nhớ, thấy rạo rục trong lòng:

*Sáng mai không có việc gì làm*

*Có việc ra vườn nhặt cánh cam*

*Rồi thấp hương lên làm Nguyệt lão*

*Se mùi thơm lại với mùi thơm*

(Mưa)

Không gian thôn quê hiện lên gần gũi, thân thương với: *vườn chè, cây lê, giậu mồng tơi, giàn trầu, hàng cau* và với những người con gái chân quê chần tằm, quay tơ dệt vải. Trong đời thực, gia đình bên ngoại nơi Nguyễn Bính sống những ngày ấu thơ, cũng có mảnh vườn trồng cau, chè, cam, chanh, đào, lê.... Đó cũng là hình ảnh quen thuộc của làng quê Việt Nam xưa, đã nuôi dưỡng và ám ảnh tâm hồn Nguyễn Bính từ khi còn rất nhỏ cho mãi tận sau này.

Nguyễn Bính là nhà thơ được người đời tôn vinh bằng một biệt danh rất đẹp và rất đáng yêu mà không phải nhà thơ nào cũng có được, đó là: Nguyễn Bính – thi sỹ của đồng quê, thi sỹ của hương đồng gió nội. Theo Hoài Thanh – Hoài Chân, “Nguyễn Bính vẫn còn giữ được bản chất nhà quê nhiều lắm. Và thơ Nguyễn Bính đã đánh thức người nhà quê vẫn ẩn náu trong lòng ta. Ta bỗng thấy vườn cau bụi chuối là hoàn cảnh tự nhiên của ta và những tính tình đơn giản của dân quê là những tính tình căn bản của ta”.

### **2.2.2. Hình ảnh của tình người đắm say**

Trên thi đàn Việt Nam từ 1930 đến 1945, xuất hiện hai nhà thơ tình được đông đảo bạn đọc yêu mến, đó là thi sỹ Xuân Diệu và Nguyễn Bính. Nếu Xuân Diệu là nhà thơ tình luôn làm say đắm lòng người qua những vần thơ vừa nồng nàn, tha thiết vừa cuồng quýt, vội vàng như muốn tận hưởng tất cả những gì tốt đẹp nhất của

cuộc đời, thì thi sĩ Nguyễn Bính đến với bạn đọc như một cô gái quê kín đáo, mặn mà và duyên dáng. Người đọc thấy ở thơ ông những nét dung dị, đằm thắm, thiết tha, đậm sắc hồn dân tộc, gần gũi với ca dao.

Có thể nói Nguyễn Bính là một thi sĩ đa tình. Ông viết nhiều về tình yêu. Dù là tình yêu của những cô gái, chàng trai thành thị hay những người thôn quê cũng đều được Nguyễn Bính viết một cách xúc động. Nơi ấy gắn với bóng hình của những nàng, những em - những người để lại trong nhà thơ một trời thương nhớ. Có thể đó là người con gái ở lầu hoa:

*“Nhà nàng bên gốc cây mai trắng,  
Trên xóm mai vàng dưới đế kinh.  
Có một buổi chiều qua lối ấy,  
Tôi về dệt mãi mộng ba sinh”*

(Người con gái ở lầu hoa)

Thả hồn mình vào thế giới thơ Nguyễn Bính ta sẽ ngỡ ngàng bởi những mối tình mà chỉ một lần gặp gỡ tình cờ cũng đủ làm chàng trai ngẩn ngơ, say đắm. Tuy sét đánh nhưng tình yêu lại không hề chóng vánh. Trạng thái xúc cảm của thi nhân bao giờ cũng say mê, đắm đuối, nhiều khi đến mức sốt mướt. Những bài thơ tình của Nguyễn Bính khiến người ta cảm nhận nếu không có tình yêu, nếu trong lòng không tương tư một ai đó chắc tác giả sẽ không thể sống nổi, không còn là mình nữa.

Bởi sẵn "thói đa tình", chỉ cần vin vào một cái cớ dù là rất vu vơ, Nguyễn Bính cũng vẫn cứ đắm chìm trong những trạng thái của người đang yêu. Dày đặc trong thơ Nguyễn Bính là những nhớ nhung *“Thôn Đoài ngòi nhớ thôn Đông / Một người chín nhớ mười mong một người”*; *“Gặp một lần thôi nhớ chẳng quên / Nghe đâu đường những sáu ngày thuyền”*; *“Biết lối nào lên tới xứ nàng / Để người Hà Nội nhớ mang mang”*; *“Nhớ nhung trắng xóa cả mây trời / Trắng xóa hồn tôi ai nhớ tôi”*. Có lúc thi sĩ tự trách mình: *“Tôi lạnh đầu sông giá ngọn nguồn / Nhớ nhà thì ít nhớ em luôn”*; *“Mẹ cha thì nhớ thương mình / Mình đi thương nhớ người tình xa xôi”*; *“Tôi mong nhớ lắm, tôi mong mới / Một buổi nào đây chẳng hẹn hò / Tôi nhớ đến người - ôi! Diệu vợ / ở lầu hoa ấy trong rừng mai”*

Ta từng biết đến một chàng thi sỹ mang tên Bính với trái tim si tình, một trái tim dễ rung động, dễ yêu thương say đắm. Một người bạn của nhà thơ từng nói: hễ cứ gặp cô gái nào mắt đen, môi hồng là chàng Bính si mê. Chính vậy mà Nguyễn Bính có thể yêu ngay từ những phút giây đầu gặp gỡ:

*Mới gặp cô là tôi yêu ngay  
Để rồi thao thức suốt đêm nay,  
Để mà thao thức qua đêm khác,  
Và để xem chừng để đắm say.*

(Giả cách )

Câu chuyện của một chàng trai vừa gặp một cô gái vậy mà đã yêu và thao thức suốt đêm này qua đêm khác để yêu thương và say đắm. Có thể thấy rằng một khi đã bước vào tình yêu, Nguyễn Bính cũng yêu cuồng nhiệt đến tận thờ. Chàng đã từng thấy người mình yêu đẹp hơn cả Tây Thi, đẹp hơn cả nàng tiên trên trời. Trong lòng chàng, hình ảnh của người yêu ngự trị một cách tuyệt đối:

*Ai yêu tôi như tôi yêu nàng,  
Hợp nhau lại, hợp thành làng cho xinh,  
Chung tay dựng một ngôi đình,  
Thờ riêng một vị thần linh là nàng.*

(Lòng yêu đương)

Thi sỹ tự tin về tình yêu tuyệt đối, tuyệt đỉnh của lòng mình cho người tình nhân. Cũng bởi thế mà sinh lòng ích kỷ, và đôi khi tự cho mình được cái quyền sở hữu tình yêu ấy. Chàng ghen tuông, hờn giận, muốn gìn giữ cho riêng mình cả mắt, môi, hương, sắc, cả giấc mơ trong tâm trí nàng. Con người đó đã yêu cuồng nhiệt bằng cả tấm lòng mình:

*Em, em ! Em bé! Em tôi ạ!  
Yêu lắm ! Yêu nhiều! Yêu đến ghen!*

(Giả cách)

Thậm chí đắm đuối đến mức:

*“Yêu yêu yêu mãi thế này  
Tôi như một kẻ sa lầy trong yêu”*

(Lòng yêu đương)

Mới chỉ gặp gỡ lần đầu mà đã hẹn hò say đắm:

*“Năm tao bảy tuyết anh hò hẹn ”*

(Mưa xuân)

Rồi là chờ đợi thiết tha :

*“Cỏ nằm trên mộ đợi thanh minh  
Tôi đợi người yêu đến tự tình ”*

(Mùa xuân xanh)

Ngoài những giấc mơ gắn liền với đời thực, có lúc trong thơ Nguyễn Bình xuất hiện những giấc mơ mang tính chất huyền mộng. *Cô hái mơ* là một trong số những bài thơ như vậy:

*Thơ thần đường chiều một khách thơ*

*Say nhìn xa rặng núi xanh lơ*

*Khí trời lặng lẽ và trong treo*

*Thấp thoáng rìng mơ cô hái mơ.*

(Cô hái mơ)

Đó là câu chuyện của một chàng trai gặp một cô gái trong rừng mơ để rồi đem lòng yêu tha thiết. Cảnh mộng mà thi sỹ tưởng tượng ra là một rừng mơ, khách thơ là người mơ, cô gái hái mơ là người đi hái mộng. Một sự sáng tạo, mơ tưởng rất độc đáo. Từ khung cảnh cho đến sự xuất hiện của cô gái đều mang vẻ bàng bạc của thế giới phi thực. Trước thiên nhiên lãng mạn và yên tĩnh, hình ảnh cô gái hái mơ chiều xuất hiện rất nhẹ nhàng, lặng lẽ, thấp thoáng, xa xôi. Cả bài thơ người đọc chỉ thấy tiếng chào mời lơ đãng của người khách thơ “Hay cô ở lại về cùng ta?”, rồi tiếng gọi khẩn khoản, thiết tha như níu giữ “Cô gái mơ ơi!”, còn nàng chẳng trả lời “cứ lặng rồi đi, rồi khuất bóng”. Thực

chất sự xuất hiện của hình ảnh cô gái mơ chính là sự phân thân, cuộc độc thoại của nhà thơ với chính mình. Trong rừng mơ kia có ai đâu ngoài kẻ có khả năng chia hồn mình hai nửa để thoát khỏi nỗi cô đơn, trống vắng.

Ta còn gặp trong thơ Nguyễn Bính cuộc sống lứa đôi êm đềm, gắn liền với cảnh sống thanh bình chốn làng quê thôn dã. Ấy là câu chuyện chàng nho sinh đọc sách làm thơ, cô gái quê dệt lụa, may áo. Cuộc sống vợ chồng bình yên, hạnh phúc, ngọt ngào biết mấy:

*Sang năm ra ở riêng rồi,*

*Vợ tôi dệt lụa, tôi ngồi làm thơ.*

*Lụa may áo, bán còn thừa,*

*Tôi đem thay giấy viết thơ chung tình.*

(Nhà cô thôn nữ)

Trong bài thơ *Người hàng xóm* ta thấy Nguyễn Bính đem câu chuyện tình của mình đã yêu một người con gái, nhưng chỉ vì nhút nhát không bao giờ dám ngỏ. Ngày, tháng trôi qua, tình yêu càng nhen nhóm trong lòng. Lần nữa mãi, một ngày nọ, bỗng nhiên nàng chết đi, để lại trong lòng người trai đã thắm thương trộm nhớ nỗi đau buồn dằng dặc. Tác giả *Lỡ bước sang ngang* đã rất thành thật khi kể về những câu chuyện đau thương của mình và cũng đã nói hộ tâm lý chung của những chàng trai đang yêu nhưng không bao giờ đủ can đảm thừa nhận rằng mình đã yêu mà cứ chối quanh chối co mãi. Thật sự thì tình yêu đã chín muồi trong tâm tưởng, hình ảnh người mình yêu cứ chập chờn mãi và không bao giờ quên được. Rồi khi đã yêu, sẽ có sự nhớ nhưng vu vơ, lo sợ mọi điều. Từ những hình ảnh thông thường, đến những hành động dù nhỏ nhất của người yêu đều biến thành quan trọng đối với mình.

*Mắt nàng đăm đăm trông lên*

*Con bướm bướm trắng về bên ấy rồi*

*Bỗng dưng tôi thấy bồi hồi*

*Tôi buồn tự hỏi: hay tôi yêu nàng.*

(Người hàng xóm)

Câu chuyện về người hàng xóm phản ánh những cuộc tình chưa nở đã tàn, yêu mà không dám ngỏ, để cuối cùng lỡ làng, dang dở. Giác mơ ấy xuất phát từ chính nỗi đau buồn trong đời Nguyễn Bính, đã hóa vào thơ một cách vô thức.

Từ giác mơ giàu tính chất đời thường, đến giác mơ huyền mộng là một chặng đường biến đổi trong hồn thơ Nguyễn Bính. Những ước mơ tươi đẹp, nhiều nét chân thực, sinh động khởi phát từ một tâm hồn tuổi trẻ giàu niềm tin và hi vọng vào cuộc sống. Cái mơ ấy có phần tinh táo của lý trí, vừa là ao ước, vừa là dự định trong đời. Nhưng trước những va đập lạnh lùng của đời sống, ước mơ đó trở thành giác mộng xa vời. Trái tim thi sỹ dần nhuốm đầy khổ đau, ngày càng trở nên cô đơn tận cùng, tạo thành một ấn tượng, ám ảnh trong vô thức. Bởi vậy, mà một cách tự phát, giác mơ của Nguyễn Bính hướng về mộng ảo, tự phân đôi mình để có đối tượng tâm tình.

Hay như câu chuyện tình của tác giả đối với nàng Tú Uyên (có người cho rằng, Tú Uyên có thể chỉ là một cái tên, là người tình trong mộng tưởng của Nguyễn Bính). Cái tên Tú Uyên đã xuất hiện rất nhiều trong thơ ông, là nguồn cảm hứng để thi sỹ cho ra đời tập thơ “Người con gái ở lầu hoa”. Cuộc tình với Tú Uyên thực chất đó cũng chỉ là mối tình đơn phương từ phía Nguyễn Bính. Yêu tha thiết mà không thể ngỏ, nhớ nhung mà không được gần gũi, gặp gỡ. Nguyễn Bính đã dệt lên câu chuyện yêu đương đầy lãng mạn, thấm đẫm nước mắt giữa hai con người yêu nhau tha thiết nhưng không đến được với nhau: Bính đau khổ vì mất người yêu, Tú Uyên thì bất hạnh đến với người đàn ông mình không có tình cảm. Chuyện tình yêu đôi bên thì không có thực, nhưng tình cảm và những rung động trong lòng Nguyễn Bính thì không thể phủ nhận. Nhà thơ đã tự phân thân mình, đưa mình vào ảo tưởng để tự an ủi, tự xoa dịu nỗi buồn của một kẻ tình si không được đáp trả. Và dù có lúc nhà thơ tự dặn lòng mình phải quên nàng, thì nỗi nhớ nhiều khi vẫn không chiến thắng được lý trí :

*“Tôi tưởng rồi tôi quên được người  
Nhưng mà nản lắm Tú Uyên ơi !  
Tôi vào sâu quá và xa quá,  
Đường lạt sương mờ lạt lá rơi...”*

(Diệu vợ)

Một con người yêu da diết, khát vọng đến cháy bỏng và ghen đến lạ kì. Đôi khi còn ghen tức vô lý, như ganh ghét với hoa, với bướm....và đó cũng là tâm trạng chung của những lòng trai khi mới biết yêu và họ tự thú:

*Cô nhân tình bé của tôi ơi  
 Tôi muốn môi cô chỉ mỉm cười  
 Những lúc có tôi và mắt chỉ  
 Nhìn tôi những lúc tôi xa xôi.  
 Tôi muốn cô đừng nghĩ đến ai  
 Đừng hôn dù thấy cánh hoa tươi  
 Đừng ôm gói chiếc đê hôm nay ngủ  
 Đừng tắm chiều nay biển lắm người  
 Tôi muốn mùi thơm của nước hoa  
 Mà cô thường xúc chẳng bay xa  
 Chẳng làm ngay ngất người qua lại  
 Dẫu chỉ qua đường khách lại qua.*

(Ghen)

Nguyễn Bình kể về câu chuyện tình yêu với rất nhiều trạng thái, cảm xúc đồng thời cũng thể hiện quan điểm của mình trong tình yêu. Đã yêu là muốn sở hữu, muốn chiếm lĩnh cả tâm hồn lẫn thể xác. Trong mỗi con người, không ít thì nhiều luôn có sự hiện diện của lòng đố kỵ và tính ghen tuông. Trong tình yêu điều này càng thể hiện rõ. Một khi đã yêu và đặt hết lòng tin vào người mình yêu ta không bao giờ muốn chia sẻ tình cảm ấy với ai khác. Bài thơ là một câu chuyện tình yêu, mà đã yêu thì phải ghen đó là trạng thái tâm lý mang tính quy luật của con người. Bài thơ **Ghen** nói tới kiêu ghen của một người thành thị, hay ít nhất là cũng đã hấp thụ văn hoá phố xá, với một người thị thành. Có người nói chàng trai trong Ghen có phần ích kỉ quá, nhưng không, nhà thơ hẳn không thể là kẻ ích kỉ trong tình yêu khi mà có thể hỏi, mời: “*Ai yêu như tôi yêu nàng/ Hẹn nhau lại hẹn thành làng cho xinh/ Chung nhau dựng một ngôi đình/ Thờ riêng một vị thần linh là nàng*” (Lòng yêu đương). Có lẽ **Ghen** chỉ là một phút bốc đồng vì quá yêu, yêu đến mức sùng

bái, tôn thờ người mình yêu. Yêu như thế mấy ai có thể. Ta cũng bắt gặp những câu chuyện tình yêu, những “sự” ghen của những cô gái trong ca dao:

*Ớt nào là ớt chẳng cay,  
Gái nào là gái chẳng hay ghen chồng.  
Vôi nào là vôi chẳng nồng,  
Gái nào là gái có chồng chẳng ghen.  
Ta rằng ta chẳng có ghen,  
Chồng ta, ta giữ, ta nghiền ta chơi.*

(Ca dao)

Cô gái lý giải rất đơn giản: ớt nào mà chẳng cay, đã là gái có chồng ghen là đương nhiên và cô thủng thẳng bộc lộ quan điểm của mình “*Chồng ta, ta giữ, ta nghiền ta chơi*”

Ta sẽ thấy câu danh ngôn " Một người đàn bà ghen tin vào tất cả những gì mà con phần nộ của nàng đưa tới ." là đúng. Nàng không ghen mà chỉ "ta nghiền ta chơi" thôi. Tình yêu nó ích kỷ như vậy đó.

Nguyễn Bính rất hay viết về *tương tư*, *tương tư* trở thành một hiện tượng đặc biệt. Nó đã được đồng nhất, trở thành thuộc tính bản chất của tình yêu: “*Gió mưa là bệnh của trời/ Tương tư là bệnh của tôi yêu nàng*”. Hầu như bài thơ tình nào của Nguyễn Bính cũng nói đến tương tư. Tương tư đối với nhà thơ cứ như là một thứ hương vị cho tình yêu, cho những mối tình phiêu lãng của người thi sĩ giang hồ. Và tương tư chỉ để tương tư mà thôi, Nguyễn Bính không có hướng giải quyết để thoát khỏi những mối tương tư ấy và ông cũng không thể giải quyết được. Do vậy , ta thường thấy trong thơ là những câu chuyện của những chàng trai, cô gái cứ khắc khoải nhớ mong, ngóng trông buồn tủi. Tình yêu tự đến rồi đi, các chàng trai trong thơ Nguyễn Bính giương như rất thu động trong tình yêu:

*Tôi ở thôn Đoài, cô thôn Đông  
Biết còn gặp gỡ được nhau không  
Cách hai bờ giếng như xa cách  
Như kẻ đầu sông , kẻ cuối sông*

(Nhật nắng)



Cái khoảng cách kia không phải là khoảng cách về vật lý mà là khoảng cách về tâm lý. Cái dậu mỏng toi hay bờ giếng thơi cũng chỉ là cái có, là vật ngăn cách vô hình giữa **hai tâm hồn vốn đã không có sự đồng cảm.**

### **2.3. Giá trị của tính tự sự trong thơ Nguyễn Bính**

#### **2.3.1. Tạo nên giá trị thẩm mỹ và nhân văn sâu sắc.**

\* *Giá trị thẩm mỹ.*

Giá trị thẩm mỹ là khả năng của văn học có thể phát hiện và miêu tả những vẻ đẹp của cuộc sống một cách sinh động, giúp con người cảm nhận được và biết rung động một cách tinh tế, sâu sắc trước những vẻ đẹp đó. Giá trị thẩm mỹ của văn học được thực hiện trong một phạm vi hết sức rộng lớn, phong phú, mang tới cho con người những vẻ đẹp muôn hình muôn vẻ của cuộc đời, của thiên nhiên và con người, từ những vẻ đẹp bình thường, nhỏ bé đến những vẻ đẹp lớn lao của dân tộc và nhân loại. Cái đẹp trong văn học là cái đẹp hài hòa giữa nội dung đẹp và hình thức đẹp. Chính vì thế, văn học cuốn hút, hấp dẫn người đọc bằng cái đẹp của nó và dùng cái đẹp đó để bồi dưỡng năng lực thẩm mỹ cho người đọc, hướng họ tới những gì là cao thượng, tốt lành.

Theo từ điển thuật ngữ văn học: *Giá trị thẩm mỹ* là một giá trị đặc thù, tồn tại song song với các lớp giá trị khác như giá trị thực dụng, giá trị đạo đức,... Tất cả các lớp giá trị này đều có bản chất giá trị học: mọi dạng giá trị đều biểu đạt giá trị của khách thể có được do vai trò của nó đối với hoạt động sống của một xã hội, một giai cấp, một tầng lớp xã hội hoặc của mỗi cá nhân. Tính đặc thù của giá trị thẩm mỹ bị quy định bởi tính đặc thù của quan hệ thẩm mỹ giữa con người với hiện thực- tức là bởi lối cảm thụ vô tư, trực tiếp, vừa tinh thần vừa cảm tính, nhằm nhận thức và đánh giá cái hình thức chứa nội dung, cấu trúc, mức độ tinh tổ chức và tính trật tự của những khách thể hiện thực.

Bàn về giá trị thẩm mỹ của nghệ thuật trong đó có thơ ca, nhà lí luận phê bình Nga Biêlinxki cho rằng: “Cái đẹp là điều kiện không thể thiếu được của nghệ thuật, nếu thiếu cái đẹp thì không có và không thể có nghệ thuật”. Nguyễn Bính là nhà thơ luôn đi tìm cái đẹp, chắt chiu cái đẹp và kết tinh cái đẹp, làm cho nó thật hoàn hảo để làm đẹp cho người, cho đời.

Nguyễn Bính có rất nhiều bài thơ “đề đời”- đạt độ hoàn mỹ, khiến người đọc say sưa, tâm đắc. Biết bao bài thơ đã được phổ nhạc thành bài hát ngân vang trong lòng người nhiều thế hệ. Nhiều nhà phê bình và người yêu thơ đã phân tích, bình giảng các tác phẩm cụ thể của Nguyễn Bính như: *Cô hái mơ*, *Mùa xuân*, *Tương tư*, *Lỡ bước sang ngang*, *Chân quê*, *Có lái đò*, *Mùa xuân xanh*... Đặc sắc nhất là các bài viết của Chu Văn Sơn, Lê Quang Hưng (về bài *Mùa xuân*); của Vũ Quần Phương (bài *Cô hái mơ*); Hà Minh Đức, Văn Tâm (bài *Chân quê*); Hoàng Như Mai (bài *Lỡ bước sang ngang*); Lê Bảo (bài *Mùa xuân xanh*); v.v.

Thơ Nguyễn Bính với những hình ảnh rất đẹp.

*Em là con gái trong khung cửi*

*Dệt lụa quanh năm với mẹ già*

(Mùa xuân)

Đề rồi:

*Dệt lụa xong may áo*

*Áo anh và áo em*

(Thoi tơ)

Trang phục không đơn thuần mang giá trị sử dụng, mà còn mang giá trị thẩm mỹ và toát lên sự đầm thắm, nghĩa tình của tính cách, tâm hồn. Trang phục người làng quê cứ theo mãi gót thi nhân trên bước đường giang hồ, chất chứa nỗi cô đơn xa xứ:

Đọc thơ Nguyễn Bính, chúng ta cảm nhận được cái chất “trữ tình” của con người Việt Nam, cảm nhận rõ cái bản sắc, cái nét na của tâm hồn Việt Nam: trong trẻo, êm ái nhưng tràn đầy sức sống, ít lời nhưng sâu sắc và hàm chứa đức hạnh, kín đáo nhưng hết sức đầm thắm và bền bỉ. Đối với Nguyễn Bính, không gì trên đời tốt đẹp cho bằng một bản sắc như thế

*Bữa ấy mưa xuân phơi phới bay*

*Hoa xoan lớp lớp rụng rơi đây.*

(Mùa xuân)

Mùa xuân với hoa xoan “phơi phới bay” ở một vùng quê là một chuyện hết sức bình thường. Nhưng trong bài thơ này hình như lại ẩn chứa một câu chuyện khác. Từ không khí đến màu sắc, tất cả gợi lên một cái gì đó không còn bình lặng nữa. Hơn thế nữa, tiếng trống chèo làng Đặng đi ngang qua ngõ càng khơi gợi không khí vui chơi hội hè của làng quê. Từ ngoại cảnh đã tác động đến tâm hồn người con gái đang yêu. Khởi đầu, là những rung động nhẹ nhàng như tơ vương. Những rung động đó lớn dần lên. Dấu hiệu rõ nhất là hình ảnh con thoi không còn tuân theo ý thức của cô gái nữa mà thay vào đó là em “*ngừng thoi lại*” và “*hai má em bừng đỏ*” và cô gái thừa nhận là “*em nghĩ đến anh*”: Từ đó, người con trai xuất hiện trong ý nghĩ của cô gái. Từ ý nghĩ, tâm tình đã chuyển sang hành động, cô gái nghĩ đến chàng trai và những lời hò hẹn.

Tác giả mượn câu chuyện xưa Trác Thị và Trương Như để mơ ước hạnh phúc vợ chồng, tràn đầy, viên mãn “*Đưa nhau về ở đất Lâm Cùng*”, sống lại ngày xưa với *hoa* với *rượu*:

*Vườn xuân trắng xóa hoa cam rụng*

*Tôi với em Nhi kết vợ chồng*

*Rượu cất kỳ ngon men ủ khéo*

*Say người thiên hạ lại say nhau*

*Chiều chiều hai đứa sang thăm chị*

*Chồng hái hoa cho vợ dặt đầu*

( Hoa với rượu)

*Rượu- hoa* ở đây cũng được đề cập đến nhưng giờ đây nó chỉ là ảo mộng. Hình ảnh “*Chồng hái hoa cho vợ dặt đầu*” là một biểu tượng đẹp, lãng mạn, bay bổng, yên bình.

Cũng từ những câu chuyện trong những bài thơ trên, người ta nhận thấy cái Đẹp và tính nhân văn trong thơ trữ tình của Nguyễn Bính có một mối quan hệ gắn kết như hai mặt của tờ giấy, không thể nói mặt này mà lại không tương tác đến mặt kia. Bởi trong cái Đẹp mà Nguyễn Bính thể hiện trong thơ bao giờ cũng chứa

đựng một thái độ nhân văn và nhân đạo. Có thể nói hai mặt ấy đã “hòa giọng, hòa điệu” với nhau. Trong mỗi dòng tự sự thường được nhà thơ cấu trúc trong dòng chảy suy cảm trữ tình. Ông đã làm cho cái đơn sơ mà kì diệu và ngược lại Trong thơ Nguyễn Bính, người ta dễ nhận thấy giàu sang đồng nghĩa với việc có hạnh phúc, có tình yêu, trái lại nghèo túng thì chỉ ôm vào mắt mát và đổ vỡ. Nhưng đáng quý thay, cho dù phải sống trong cảnh nghèo và ý thức được về cảnh nghèo của mình, Nguyễn Bính cũng không bao giờ nao núng, hối hận. Cách ứng xử của Nguyễn Bính trước cảnh nghèo so với các nhà Thơ mới, có lẽ gần gũi với cốt cách hiên ngang của các bậc nho sĩ xưa hơn cả:

*“Từ độ về đây sống rất nghèo*

*Bạn bè chỉ có gió trăng theo*

*Những phường bát nghĩa xin đừng đến*

*Hãy để thêm ta xanh sắc rêu”*

(Từ độ về đây)

Trong những câu thơ trên ta thấy phảng phất bóng dáng của một bậc trượng phu, quân tử thuở trước: *“Nhàn trung tận nhật bế thư trai,/ Môn ngoại toàn vô tục khách lai”* (Suốt ngày nhàn nhã khép phòng văn/ Khách tục không ai bén mảng gần), (*Mộ xuân tức sự* - Nguyễn Trãi). Ở vào thời đại của Nguyễn Bính, một lối ứng xử như thế càng thêm đáng trọng.

Ngôn ngữ bình dân, nhịp thơ lục bát thân quen của lối thơ dân tộc được sử dụng trong sáng tác của Nguyễn Bính không gây cảm giác nhàm chán, đơn điệu ngược lại đầy sáng tạo đến bất ngờ:

*Hôm nay dưới bến xuôi đò*

*Thương nhau qua cửa tò vò nhìn nhau*

*Anh đi đây, anh về đâu*

*Cánh buồm nâu, cánh buồm nâu cánh buồm*

(Không đề)

Tiết tấu thay đổi, âm vận được mở ra như cảm xúc miên man không bao giờ dứt. Tính truyền thống và tính hiện đại trong hình ảnh thơ ở đây được kết hợp khá đặc biệt. Bến đò, cửa tò vò là ngôn ngữ, hình ảnh của dân gian nhưng đến khi cánh buồm nâu xuất hiện thì không gian truyền thống bị phá vỡ. Như vậy, với sự sáng tạo độc đáo trong thi pháp, Nguyễn Bính đã mang đến thơ hiện đại Việt Nam một dáng vẻ mới, một sinh lực mới nhưng vẫn đậm đà “hương đồng gió nội”. Nguyễn Bính là nhà thơ của đồng quê, nên ngôn ngữ thơ Nguyễn Bính như xưa nay người ta vẫn nhận xét, đó là thứ ngôn ngữ mang hơi thơ của “hương đồng gió nội”. Ngay khi bộc lộ cảm thức về thân phận xót xa, đau khổ và lênh đênh, giang hồ của mình, ngôn từ giọng điệu của Nguyễn Bính cũng vẫn mang sắc thái của ngôn ngữ dân gian

Đặc sắc riêng của lục bát Nguyễn Bính, cũng là đặc trưng của thơ ông, là cách kết cấu như một câu chuyện trọn vẹn. Có lẽ Nguyễn Bính đã thừa hưởng ở hồn quê cả cái cách kể lẻ thành sự. Với nhiều bài chúng ta có thể dễ dàng kể lại với một cốt truyện đầy cảm động, có đầy đủ nhân vật, không - thời gian, sự kiện,...

Đó chính là nét bao trùm trong thế giới nghệ thuật của Nguyễn Bính. Nhà thơ đã làm thỏa mãn nhu cầu thẩm mỹ của người đọc bằng việc phác họa những những sự vật, sự việc gần gũi với đời sống; những thứ vốn có trong thiên nhiên. Ông đã làm giàu có hơn lên cái thế giới thẩm mỹ để người đọc thưởng thức cái đẹp; để người đọc được thấm nhuần trong tư tưởng tình cảm của mình những dưỡng chất nhân văn nhằm nâng cao sức sống và mơ ước của những tâm hồn.

Ông trữ tình bằng lời kể, bằng lời tả rất tự nhiên. Ông muốn làm cho sự vật, sự việc tự chúng chọn cho mình mỗi cách được hiển hiện ra trước thế giới trần tục và nhà thơ cũng không phi thường hóa chúng, chỉ cần cho chúng một hoạt động, một linh hồn thì mỗi câu chuyện kể, sự việc, sự vật đủ có được hơi thở trong cõi người. Mỗi thứ đều có tiếng nói, cách nói, cách suy nghĩ riêng, không phụ thuộc hoàn toàn vào ý muốn của người sáng tạo. Do đó, mỗi hình ảnh đã tạo dựng thành mỗi thế giới nghệ thuật khác nhau, nhưng lại thống nhất với nhau trong một chỉnh thể tác phẩm.

Sức sống lâu bền và sự lan tỏa của thơ Nguyễn Bính trong đời thường là ở chỗ, thơ Nguyễn Bính được dân gian hoá thành lời quê, vần điệu nơi cửa miệng và

trầm lắng trong cõi lòng. Những biểu tượng độc đáo về đời sống văn hoá và tình yêu đã hình thành phong cách thơ Nguyễn Bính và tiếng Việt cũng từ đây mà lấp lánh muôn vàn ý nghĩa sâu xa. Sợi dây bản sắc văn hoá dân tộc xuyên suốt các biểu tượng trong thơ Nguyễn Bính, qua nhiều chặng biên thiên của lịch sử vẫn không hề đứt mà dai dẳng, bền bỉ nối tiếp đến các thi sĩ đời sau

Từ góc nhìn của Thơ mới, Tiên sĩ Đoàn Hương nhận ra nhà thơ này khác người và cũng hơn người ở chỗ *“là nhà thơ đầu tiên trên thi đàn thơ hiện đại của thế kỉ này đã dùng hình thức của thơ ca dân gian (đặc biệt của ca dao dân ca) để chuyển tải nội dung thẩm mỹ của Thơ mới”*[15,194]

*\*Giá trị nhân văn*

Trong văn học không thể thiếu yếu tố nhân văn. Giá trị nhân văn của một tác phẩm văn học ca ngợi vẻ đẹp của con người, bao gồm cả vẻ đẹp ngoại hình, tính cách và tâm hồn. Nhân văn ở đây có thể hiểu là tình yêu thương con người. Nếu không có những giá trị ấy, tác phẩm văn học dù mang tính nghệ thuật đến đâu cũng không có giá trị lâu bền. Giá trị nhân văn được biểu hiện ở 4 nội dung: miêu tả thực cuộc sống của con người, phản ánh chân thực mọi khía cạnh của đời sống, tâm hồn tình cảm của con người; Ca ngợi những phẩm chất tốt đẹp của con người; Đề cao khát vọng hạnh phúc; Lên án những thế lực tàn ác chà đạp lên quyền sống của con người, phá vỡ hạnh phúc tự do vốn có của con người

Nguyễn Bính trước hết là một thôn dân. Con người quê mùa ấy sinh ra ở nông thôn, từ tấm bé đã quá quen thuộc với những công việc của chốn quê: nhà gianh, mảnh vườn, bờ ao, con đê, lũy tre; với những thú điền viên của vùng đất Sơn Nam: *“Ăn gỏi cá, đánh cờ người”*. Chàng trai quê lớn lên trong lũy tre làng cũng từng bao lần hồi hộp dặt cho mình những giấc mơ tình ái. Người trong mộng của chàng là những cô thôn nữ sống trong nề nếp chân quê, tần tảo, đắm đuối trong công việc, và bao giờ cũng rất dịu dàng, kín đáo trong tình yêu. Nhưng Nguyễn Bính trước hết là một Nho sinh, thi nhân cũng đã có bao năm đèn sách theo truyền thống gia phong: *“Nhà ta coi chữ hơn vàng / Coi tài hơn cả giàu sang ở đời”*. Trong

tư cách một nho sinh, giấc mơ triền miên của Nguyễn Bính là giấc mơ Quan Trạng. Tiền thân của nó là hình ảnh gã thư sinh :

*“Từng gã thư sinh biếng chải đầu  
 Một mình mơ ước chuyện xưa sau  
 Lên kinh thi đỗ làm quan trạng  
 Công chúa cài trâm thả tú cầu”*

(Thơ xuân)

Những câu chuyện lều chõng đi thi, những khó khăn vất vả để rồi được đền đáp bằng hình ảnh đẹp nhất, mãn nguyện, hân hoan nhất là hình ảnh Quan Trạng. Xã hội Việt Nam từ xưa đã rất coi trọng người có học. Sinh ra trong một gia đình khoa bảng lâu đời, GS Phan Ngọc đã miêu tả lại cảnh đỗ đạt này khá cụ thể :*" Ai đỗ thi hương hay thi hội thì được hưởng một sự trọng vọng đặc biệt đến mức ngày nay ta khó hình dung được. Đỗ cử nhân về làng, lập tức làng mổ bò ra khao cả làng. Nếu anh nhà nghèo, làng làm ngay cho anh ta một cái nhà tuom tất. Anh ta vinh qui về làng, ngồi trên cáng, cả làng rước xách tự nguyện, sung sướng vô cùng, nhất là những làng hiếm người thi đỗ. Anh ta lập tức trở thành danh nhân của làng. Còn đỗ thi hội thì trâm bào đạo phớ, cờ biển vinh qui, tên khắc ở bia Văn Miếu lưu truyền đời đời...Đọc các truyện nô, các tuồng, các chèo, đẩu đẩu cũng thấy hình ảnh này, một thứ ám ảnh đã từng đè nặng lên tâm thức dân tộc ngót ngàn năm nay".* Người lớn khuyến khích việc học hành của con trẻ bằng hình ảnh ông Tiến sĩ giấy như một thứ đồ chơi không thể thiếu mỗi dịp Tết Trung Thu. Các cô thiếu nữ thời xưa không mơ gì hơn là cái cảnh*" Vỡng anh đi trước vỡng nàng theo sau".* Thành danh và thành duyên, vinh quy và vu quy là những giấc mộng đẹp nhất trên đời, cũng thoả nguyện trong hình ảnh Quan Trạng. Là con nhà nho cũ, Nguyễn Bính hẳn đã mang trong máu mình ước vọng ngàn đời của những nho sinh. Sách Thánh hiền, cảnh tượng quen thuộc trên sân khấu chèo, nét tâm thức bao đời của dân tộc đã dội vào thơ Nguyễn Bính âm hưởng da diết của giấc mơ Quan Trạng. Quả là: *"Thơ Nguyễn Bính chất chứa một không gian đầy mong ước và một thời gian của sự chờ đợi"* [15,15].

Đợi chờ khắc khoải triền miên thậm chí hy sinh để đến ngày chàng thành quan trạng: "*Anh chưa thi đỗ thì chưa động phòng*" hay chối từ gặp gỡ: "*Tôi chưa đỗ trạng, thôi cô lại nhà*".

Niềm kiêu hãnh, tự hào của người vợ thôn quê tảo tần khuya sớm trồng dâu chăn tằm nuôi chồng ăn học, thấy mình có chút công lao trong sự vinh hiển của chồng đêm nay mới thật là đêm thi vị, ngất ngây, hạnh phúc tràn đầy, bỏ công những ngày "ép xác", "*Anh chưa thi đỗ thì chưa động phòng*" và : "*Đêm nay mới thật là đêm/ Ai đem giăng giãi lên trên vườn chè*"

Khi ở đỉnh cao danh vọng cũng là khi hạnh phúc mỉm cười bất ngờ:

*Trong triều thi cử vừa xong*

*Trạng nguyên tôi đỗ, kiêu hồng tôi sang*

*Quả kim cầu ở tay nàng*

*Làm sao lại ở giữa bàn tay tôi...*

(Lạy trời cấm cửa rừng mai)

Quả là "song hỷ lâm môn", quan trạng song hành cùng nhân duyên đôi lứa, trai tài gái sắc, hạnh phúc viên mãn. Đó là lý tưởng nho sinh ao ước, khát khao nhân sinh của một con người và nhu cầu thẩm mỹ của một nghệ sĩ:

*Cành dâu xanh, lá dâu xanh*

*Một mình em hái một mình em thương*

*Mới rồi mẫn khóa thi hương*

*Ngựa điều vồng tía qua đường những ai*

(Bóng bướm)

Vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật trữ tình càng trở nên thiêng liêng và cao cả khi tác giả mượn chuyện xưa, tích cũ để thể hiện. Vợ chèo *Lưu Bình - Dương Lễ* được Nguyễn Bính sử dụng ở đây rất độc đáo. Xưa, vì nghĩa bằng hữu mà Dương Lễ đã nhờ vợ là nàng Châu Long thay mình chăm sóc bạn là Lưu Bình. Vì chồng, Châu Long đã hy sinh ba năm để nuôi bạn của chồng ăn học. Câu nói: "*Anh chưa thi đỗ*



*thì chưa động phòng*” thể hiện đức hy sinh cao cả của nhân vật trữ tình. Tín hiệu thẩm mỹ này, cho ta nhận thấy nhân vật trữ tình bộc lộ đầy đủ những phẩm hạnh tốt đẹp. Không chỉ hy sinh về vật chất mà cả về tinh thần. Đó là sự động viên, an ủi của người vợ đối với chồng, là chỗ dựa vững chắc nhất về mặt tinh thần đó cũng chính là giá trị nhân văn của tác phẩm.

Qua đó, thể hiện đức hy sinh cao quý của người con gái: nuôi chồng ăn học, thi cử, đỗ đạt:

*Chồng tôi thi đỗ khoa này  
Bõ công đèn sách từ ngày lấy tôi  
Kẻo không rồi chúng bạn cười  
Rằng tôi nhan sắc cho người say sưa.  
Tôi hằng khuyên sớm khuyên trưa  
Anh chưa thi đỗ thì chưa động phòng*

( Thời trước)

Cùng với thể hệ thi nhân đương thời, ông đã cất lên tiếng nói khao khát được sống có ý nghĩa, được cống hiến với đời nhưng đành cúi đầu bất lực trước hoàn cảnh. Nguyễn Bính đã bộc lộ trong thơ mình những ước ao về tình yêu đôi lứa, về công danh sự nghiệp, nhưng cuộc đời phũ phàng đã khiến ông trở thành những kẻ thất bại trong ái tình, đổ vỡ trong lý tưởng....

Nguyễn Bính đã rất thành công khi sáng tạo ra những cấu trúc mới cho thơ hiện đại trên nền cấu trúc thơ ca truyền thống. Như một số nhà nghiên cứu đã nhận xét ông là nhà thơ đầu tiên trên thi đàn thơ ca hiện đại dùng hình thức của thơ ca dân gian để chuyển tải nội dung thẩm mỹ của Thơ mới. Thành công của thi sĩ không phải là việc sử dụng nhuần nhuyễn ca dao, dân ca đến mức đọc thơ ông ta cứ thấy thân thuộc như cuộc sống và tâm tư dân tộc mà hơn thế ở đó còn thể hiện sự hòa nhập không thể nhận thấy giữa nghệ thuật và cuộc đời. Tình quê – hồn quê đi vào thơ Nguyễn Bính tự nhiên như chính con người nơi ấy, không trau chuốt, không dàn dựng, nguyên sơ, mộc mạc nhưng cũng sâu sắc đến lạ kì.

Tuy nhiên để làm nên thành công ấy, nhà thơ đã không chỉ biết lắng sâu trong mạch ngầm văn hóa dân tộc mà còn không ngừng sáng tạo để chuyển tải trọn vẹn nguồn xúc cảm trù tượng và phức tạp của đời sống tâm hồn con người. Một thôn quê không chỉ thi vị với hoa xoan đua nở, với mưa xuân rơi nhẹ, với hội làng nao nức mà còn có cả nỗi đau thân phận của cô gái sang ngang trong ghen ngào tủi cực, giấc mơ thật buồn của chàng trai lái đò nghèo không bao giờ có ngày “vinh qui bái tổ”, tâm trạng cô đơn của mối tình bướm trắng v.v.. Có lẽ không có nhà thơ nào liên tục sử dụng những hình ảnh thực tế ao bèo, giàn trầu, giếng khơi... để diễn tả nỗi mất mát, đau thương của tình yêu đôi lứa thành công như Nguyễn Bính:

*Lợn không nuôi đặc ao bèo*

*Giàu không dây chẳng buồn leo vào giàn*

*Giếng khơi mưa ngập nước tràn*

*Ba gian đầy cả ba gian nắng chiều*

(Qua nhà)

Có thể thấy tiếng nói trong thơ Nguyễn Bính là tiếng hồn dân tộc, gần gũi với tư duy của lòng người Việt. Bởi vậy những tâm tư, ước vọng của người lao động, những bức tranh làng quê thể hiện rất đa dạng, sống động trong thơ Nguyễn Bính, chúng gắn liền với nhiều góc độ khác nhau của ngôn ngữ. Từ đó chất chân quê thể hiện với những nét đặc sắc và dáng điệu riêng của phong cách thơ ca Nguyễn Bính.

Trong lịch sử văn học, nghệ thuật nhân loại hàng ngàn năm, giá trị của một tác phẩm văn học thường được đánh giá bằng chiều cao của lý tưởng xã hội thẩm mỹ và chất lượng của sự phản ánh nghệ thuật được nhà nghệ sĩ thể hiện. Tác phẩm nghệ thuật chỉ có ý nghĩa là thông điệp khi nó chuyển tải tư tưởng nghệ thuật cao quý nhân văn của tác giả nói riêng, của thời đại nói chung. Ta đã thấy được sự hòa quyện và hòa phối của hai giá trị đó trong tác phẩm của Nguyễn Bính. Giá trị nhân văn và giá trị thẩm mỹ không tách rời, chúng có mối quan hệ khăng khít, cùng song hành để làm nên tầm giá trị nghệ thuật của các tác phẩm và tô đậm thêm phong cách của người nghệ sĩ “chân quê”.

Văn chương luôn đi tìm giá trị thẩm mỹ và luôn phản chiếu giá trị nhân văn. Văn chương sẽ còn mãi miết đi tìm diện mạo cho riêng mình. Không ngại phải gánh trên vai những nhiệm vụ của thời đại là những giáo lí, tư tưởng, văn chương tiếp tục biến những giá trị nhân học ấy thành những hình tượng, biểu tượng và tình huống buộc con người phải suy nghĩ. Hay nói cách khác, những giá trị nhân học sẽ còn sống mãi chừng nào những giá trị nghệ thuật ấy vẫn còn xanh tươi trong cuộc đời này.

### ***2.3.2. Mang đậm sắc thái văn hoá dân gian***

Nếu cho rằng: “Không gian nghệ thuật là mô hình nghệ thuật về cái thế giới mà con người đang sống, đang cảm thấy vị trí, số phận của mình ở trong đó” [48,143] thì rõ ràng không gian văn hóa trong thơ Nguyễn Bính trước hết là không gian của cuộc sống làng quê với những phong tục, tập quán, những sinh hoạt văn hóa gắn bó thiêng liêng với đời sống tâm linh của người Việt. Đó là hình ảnh những cô gái, những cụ già đi trẩy hội chùa ngày xuân cầu phước lộc đã trở thành một sinh hoạt văn hóa tâm linh thấm sâu trong tâm thức người Việt:

*Trên đường cát mịn một đôi cô*

*Yếm đỏ khăn thâm trẩy hội chùa*

*Gậy trúc dắt bà già tóc bạc*

*Tay lần tràng hạt miệng nam mô*

(Xuân về)

Trong thơ Nguyễn Bính những câu chuyện hội hè, đình đám được nói tới rất nhiều. Hội làng được thi sĩ định vị trong một không gian cụ thể, thời gian nhất định. Không gian lớn và bao trùm lên tất cả đó chính là làng quê Việt Nam, cụ thể hơn là quê hương Hà Nam – nơi sinh thành và đồng thời là cảm hứng bất tận của đời thơ Nguyễn Bính. Ở tại nơi đây, vào những ngày lễ quan trọng của dân tộc, của quê hương hay sau vụ mùa lao động vất vả, hội làng lại được mở ra. Điều đó đã trở thành một thói quen sinh hoạt, thành tín ngưỡng văn hoá của một vùng quê. Thường thì Nguyễn Bính chọn mùa xuân làm phong nền cho ngày hội. Mùa xuân đồng nghĩa với mùa vui, với sự hồi sinh đoàn tụ. Ý niệm đó tồn tại vĩnh hằng trong tâm

linh người Việt và trở thành nỗi chờ đợi thiêng liêng. Chờ đợi hội làng là tâm lí chung của người dân quê hương này. Những cô gái chất chiu, vất vả để có đôi khuyên bạc làm duyên trong ngày hội: “*Làng bên vào đám tôi nay chèo,/Nàng thấy bà đi tát tưới theo./Tầm tơ kéo được đôi khuyên bạc,/Giấu giếm nay nàng mới dám đeo.*” (Đôi khuyên bạc).

Những cô gái đã từ giã những chiếc áo nhuộm bùn để rạng rỡ trong “**yếm đồ khăn thâm trảy hội chùa**” và để trở thành trung tâm của mọi lời khen: “*Khen ai tóc thẳng đường ngôi/Ám hương trầu quế, thơm mùi hương nhu./ Khen ai áo kép quần hồ,/ **Hội làng** mê mãi sớm trưa đi về.*

Trong quan niệm của người bình dân, linh khí của hội làng gửi vào tiếng trống và thi sĩ ra đi từ đồng quê không quên được tín ngưỡng tinh thần này. Để rồi từ trong thơ ông, tiếng trống không hện mà cứ gióng lên, giục giã lòng người vào những ngày, những mùa hội làng: “**Hội xuân** gió loạn đuôi cò/Làng xa đêm vắng nhật thừa **trống chèo/Hội làng** đèn đuốc như sao/ **Đêm chèo tiếng trống** giáo đầu nổi lên.” (Tiếng trống đêm xuân). Tiếng trống ấy là khởi nguồn của mọi sinh hoạt, cho mọi niềm vui và cũng đi theo ngày đầu xuân để duy trì sinh khí của hội làng. Khi tiếng trống thôi giục giã hoặc thừa thớt đi thì là dấu hiệu của cuộc vui đã tàn. Chính sự thật đó mà người bình dân đã lấy tiếng trống làm tín hiệu cho những thăng trầm của cuộc đời và cả tình duyên. Ở bài thơ “**Hết bướm vàng**”, ta bắt gặp một hình ảnh thật tội nghiệp: “*Năm nay vườn cải nở hoa vàng/Bướm lại sang mà em chẳng sang/Thui thủi mình anh bắt bướm/**Trống chèo** thừa thớt đám làng Ngang.*”

Hội xuân trong thơ Nguyễn Bính đã in dấu biết bao nhiêu sinh hoạt văn hoá dân gian. Những cái hồn quê sâu đậm nhất làm nên khuôn mặt văn hoá của vùng đồng bằng Bắc Bộ mà Nguyễn Bính đặc biệt nâng niu đó chính là nghệ thuật chèo. Mỗi vở chèo đã mở ra bao nhiêu cảnh bấy nhiêu tình. Và điều thú vị là nghệ thuật chèo trong thời gian ngắn đã tái hiện nhiều cảnh đời, nhiều tâm trạng:

*Mười lăm năm của cô Kiều*

*Xảy ra trong một buổi chiều mà thôi*

(Tiếng trống đêm xuân).

Điều mà Nguyễn Bính chất lọc được từ hội làng là giá trị thanh lọc và bồi đắp tâm hồn người bình dân từ chính những vở chèo: “ *Vào đám làng tôi mở hội chèo/ Bay cờ, lộng gió đở đuôi nheo/ Lốp mà thị Kính nuôi con mọn/Tôi biết người xem chấy lệ nhiều.*”(Trở về quê cũ).

Giữa không khí của hội hè ấy, tâm trạng con người thật nhiều cung bậc. Từ trong “Tiếng trống đêm xuân”, ta dậy lên niềm náo nức của bao trai gái và cả khoảng lặng của những tâm hồn lặng lẽ, tha thiết yêu thương:

*Hội đông, đông chập đình làng*

*Đêm càng khuya khoắt, tình càng thiết tha.*

(Tiếng trống đêm xuân).

Những câu chuyện về tình yêu là mối tâm tình nặng nhất mà Nguyễn Bính đã cu rư mang đã lênh đênh mười hai bến nước đời thơ. Vì thế, hội làng với Nguyễn Bính không chỉ là sinh hoạt văn hoá dân gian mà còn đóng vai trò là nhịp cầu duyên. Đêm hội xuân là “diễn đàn” để người dân quê bày tỏ tình cảm, cách ứng xử của mình với cộng đồng, với thiên nhiên và cả cội nguồn văn hoá dân tộc. Đó cũng là cơ hội để trai gái đến với nhau, làm quen và hò hẹn. Ngay lập tức hội làng trở thành chứng nhân của họ, chứng nhân cho lời hò hẹn ngọt ngào, cho nỗi buồn lổ lổ hẹn, nỗi đắng cay vì lỡ làng. Cô gái trong “Mưa xuân” đã đến với tiếng trống bằng cả niềm tin, bằng cả nhiệt tình của trái tim thiếu nữ. Vậy mà: “*Đợi mãi anh sang anh chẳng sang/Thế mà hôm nọ hát bên làng/Năm tao bảy tuyết anh hò hẹn/Để cả mùa xuân cũng lỡ làng* (Mưa xuân).

Câu chuyện về tình yêu, chàng trai vì một lý do nào đó mà không đến nơi hẹn. Cô gái đau khổ bẽ bàng, nỗi đắng cay bẽ bàng ấy đã tự lòng người chảy vào đất trời, loang ra thành cơn mưa xuân nặng hạt trong buồn tủi. Thế mới biết cảm ứng và tương thông giữa con người và thiên nhiên kì diệu đến chừng nào. Và đây cũng là một nét văn hoá đặc trưng của con người Việt Nam ta trong cách ứng xử với tự nhiên. Hội làng đã in dấu trong thơ Nguyễn Bính như một ám ảnh nghệ thuật thi vị. Từ một sinh hoạt dân gian mang tính chất truyền thống, chúng ta đã nhận diện được những mảng văn hoá còn nguyên giá trị thẩm mỹ trong đời sống tinh thần của

những người bình dị sau lũy tre làng. Hội làng là nhịp cầu vô hình nhưng bền chặt giữa hoài niệm và tấm lòng thi nhân với chính những phong tục thuần hậu, những nét đẹp văn hoá dân gian. Xét cho cùng hành trình về với hội làng mà Nguyễn Bính mãi miết theo đuổi suốt cuộc đời thơ là minh chứng cho một tình yêu nước thâm kín, sự ngưỡng vọng về hồn quê, về với cội nguồn văn hoá dân tộc....Tất cả đã làm nên một thi sĩ đồng quê Việt Nam, một người có khả năng “*đánh thức người nhà quê ẩn náu trong lòng ta*”.

Nguyễn Bính đưa ta trở về hồn quê với những câu chuyện về tập tục ăn trầu của người Việt. Không chỉ ở hình ảnh buồng cau trong tục cưới hỏi của những chàng trai cô gái chốn thôn quê trong Giấc mơ anh lái đò “*Nhà gái ăn chín nghìn cau*” mà chúng ta còn thấy trầu cau còn mang bóng dáng của con người, mang hồn người, lòng người. Trong thơ ông hình ảnh miếng trầu- một biểu tượng cho tình yêu đôi lứa, một phong tục gần gũi thân quen đối với mỗi người dân Việt Nam xưa và nay. Ngay từ miếng trầu mà Nguyễn Bính đã cho ta thấy khám phá của mình về tâm hồn Việt Nam: “*Láng giềng đã đổ đèn đầu,/Chờ em chùng giập miếng trầu em sang./Đôi ta cùng ở một làng,/Cùng chung một ngõ vội vàng chi anh.*”(Chờ nhau). Cô gái trách chàng trai sao vội vàng vậy? Nhưng chính cô, cô còn vội vàng hơn. Các cụ ngày xưa thường nói “Vừa giập miếng trầu mà đã...” ý nói đến sự nhanh chóng thế mà cô gái của chúng ta “Chùng” **giập miếng trầu**. Phải hiểu chữ “Chùng” ấy như thế nào đây? Có thể **miếng trầu** chưa kịp giập mà cũng có thể miếng trầu đã giập lâu rồi. Nhà thơ không nói, cô gái không nói nhưng tất cả chúng ta đều hiểu. Với cô, thời gian để giập miếng trầu là đã quá lâu rồi. Như thế tục ăn trầu lúc này lại là cách đo thời thời gian của người con gái đang yêu. Nó thể hiện tâm trạng chờ đợi, hồi hộp, của cô gái quê trong những đêm hẹn hò với người yêu, Thế mà cô vẫn bảo với chàng trai “*Vội vàng chi anh*”. Cái hồn Việt trong cô gái Việt là thế đấy. Mãnh liệt mà tinh tế.

Nguyễn Bính viết nhiều về văn hóa ngày tết cổ truyền. Đọc thơ Nguyễn Bính với những câu chuyện ngày xuân đón tết chúng ta lại có dịp trở về với vẻ đẹp của mùa xuân đón Tết với biết bao thi vị mà đậm đà bản sắc văn hoá Việt Nam. Nguyễn Bính đưa ta đến với không khí đón Tết, đón xuân rộn ràng trên khắp miền quê đất Việt Với pháo nổ đẹt đùng, nồi bánh chưng đã trở thành những hình ảnh

quen thuộc của nhân dân ta trong dịp Tết. Đến với thơ Nguyễn Bính, khuôn mặt quê hương, không gian làng quê ngày Tết với biết bao phong tục quen thuộc hiện lên thật nồng nàn và thắm thiết:

*Pháo nổ đâu đây khói ngợp trời*

*Nhà nhà đoàn tụ dưới hoa tươi*

*Lòng tôi như cánh hoa tươi ấy*

*Một áng thơ đề nét chẳng phai*

(Thơ xuân)

Văn hoá Tết trong nông thôn Việt Nam xưa gắn liền với lễ hội truyền thống. Nguyễn Bính đã dắt ta trở về cái thời những cô thôn nữ với tâm trạng khắp khởi chờ đợi Tết đến xuân về và được đi lễ hội cùng người thương chuẩn bị áo mới đi lễ chùa: “*Em muốn anh cười đi!/Mẹ em may áo đẹp/Cho em xong rồi kia./Lạy trời Tết này trời tạnh,/Mặc, em đi lễ chùa/Khỏi lấm và khỏi lạnh.*” (Áo đẹp)

Nguyễn Bính khơi dậy truyền thống văn hoá dân tộc trong lòng độc giả với nét đẹp ngàn đời của người nông dân. Vẻ đẹp của con người không chỉ dừng lại ở cái đẹp hình thức mà còn là nét đẹp của yếu tố tinh thần được toát ra từ tâm hồn, vẻ đẹp của sự giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc. Trang phục cũng là điều Nguyễn Bính luôn trăn trở, ăn mặc sao để thể hiện những nét đẹp văn hoá truyền thống dân tộc mà theo ông cần được giữ gìn.

Chỉ riêng “cái yếm lụa sồi” đã gợi nhiều phong vị trong cách ăn mặc giản dị mà thi vị của “gái quê”:

*Năm thương cổ yếm đeo bùa*

*Sáu thương nón thượng quai tua dịu dàng.*

(Ca dao)

Và rồi Nguyễn Bính lại đề cho chàng trai kể tiếp:

*Nào đâu cái áo tứ thân?*

*Cái khăn mỏ quạ, cái quần nái đen?*

(Chân quê)

Câu chuyện về những chiếc áo tứ thân thực sự đã tạo cho những cô gái quê những nét dịu dàng, duyên dáng. Những thân áo được may bằng nhiều màu giản dị thích hợp, bó lấy thân hình cô gái làm tôn lên vẻ đẹp của tuổi thanh xuân... Thực ra khi đi tỉnh cô gái quê đã mặc đẹp theo đúng chuẩn mực của vẻ đẹp truyền thống. Những câu hỏi “Nào đâu cái yếm...? Nào đâu...?” càng nói lên nỗi khổ tâm của người trong cuộc. Sự thay đổi về hình thức ấy có ngọn nguồn từ đâu? Đã có gì thay đổi trong nội dung tâm tình? Và bây giờ là lúc phải có đôi lời nhắc nhở: “*Nói ra sợ mất lòng em,/Van em em hãy giữ nguyên quê mùa./Như hôm em đi lễ chùa,/Cứ ăn mặc thế cho vừa lòng anh.*” (Chân quê).

Cứ ăn mặc thế phải chăng là cách ăn mặc giản dị của: ***yếm lụa sồi, áo tứ thân, khăn mỏ quạ*** giống như:

*Trên đường cát mịn, một đôi cô,*

*Yếm đỏ, khăn thâm, trảy hội chùa*

(Xuân về)

Và không chỉ nhắc nhở những cô gái quê gìn giữ những thuần phong mỹ tục mà trong những bài thơ khác hình ảnh những ***chiếc khăn thâm, quần nái, áo chàm, áo the...*** cũng được nhắc đến nhiều với trang phục quen thuộc của những người mẹ giản dị thân quen: “*Mẹ tôi thất lại chiếc khăn sồi,/Rón rén lên bàn thờ ông tôi.* (Tết của mẹ tôi), của những trai làng: *Mong sao tầm tốt tơ già/May đôi áo nái làm quà cho anh.*” (Tầm tơ), của những thầy khoá: “*Áo the thầy khoá buông chùng,/ Ráp danh tên chiếm bảng vàng nay mai.*” (Con nhà nho cũ) rồi nét đẹp duyên dáng của những cô gái Mán với trang phục của dân tộc mình: “*Áo chàm cô Mán thanh thanh,/ Mắt xanh biêng biếc một mình tương tư.*” (Xanh). Điều đó càng thể hiện sự đặc sắc trong nét đẹp về văn hoá trang phục trong thơ Nguyễn Bính.

Chất văn hóa dân gian còn được thể hiện ở việc kể thừa và phát huy thể thơ lục bát. Các bài thơ lục bát của Nguyễn Bính có cách kể lể về việc quê, người quê song với sự giải bày cảm xúc, tạo sự đồng cảm thấm thía giữa việc và người, nhân vật trữ tình và người làm thơ, giữa người kể và người nghe... Tất cả sự quyện hoà, sự mộc mạc chân thành bình dị đã được truyền tải nhờ những vần điệu lục bát quán



quýt, êm đềm, uyển chuyển. Lục bát thể hiện điệu than một cái tôi lơ lửng. Trong ca dao, điệu than cũng phổ biến bên cạnh tiếng hát yêu thương tình nghĩa. Những đôi khát, áp bức nô lệ, dang dở.. của ca dao đã tìm đến điệu than để giải bày: *“Thân em như hạt mưa sa/Hạt vào đài các, hạt ra ruộng cày.”*

Nguyễn Bính mang điệu hồn chốn thôn quê nên theo dòng ca dao để tìm về cội nguồn của mình. Trong **Thi Nhân Việt Nam**, Hoài Thanh, khi phê bình về Nguyễn Bính, có viết: "Giá Nguyễn Bính sinh ra thời trước tôi chắc người đã làm những câu ca dao mà dân quê vẫn hát quanh năm và những tác phẩm của người, bây giờ đã có vô số những nhà thông thái nghiên cứu". Thật vậy! Nhiều bài thơ của Nguyễn Bính mang vần điệu ca dao và rất dễ nhớ. Nguyễn Bính không dùng chữ trừu tượng hay cầu kỳ để viết nên những vần thơ để đời. Ông cũng không dùng những triết lý cao siêu để nói lên những điều hiển nhiên trong cuộc sống. Người ta dễ lẫn thơ Nguyễn Bính với ca dao. Thực ra Nguyễn Bính chỉ mượn hình thức của thơ ca dân gian để biểu đạt cái Tôi Thơ mới. Trong thơ Nguyễn Bính, bóng dáng của ca dao rất rõ. Từ một ngọn mùng toi bắc cầu tình yêu của ca dao: *“Gần đây mà chẳng sang chơi / Để anh ngắt ngọn mùng toi bắc cầu”*, thi nhân nghĩ đến một chậu mùng toi ngăn cách hai bờ thương nhớ: *“Nhà nàng ở cạnh nhà tôi / Cách nhau cái chậu mùng toi xanh rờn”*. Từ một buổi trời mưa âm áp của một đôi lứa hạnh phúc: *“Trời mưa cho ướt lá cà / Đôi ta be bé làm nhà ở chung”*, thi nhân lại chạnh lòng nghĩ đến một ngày mưa nồm nê của đời người con gái: *“Trời mưa ướt áo làm gì / Năm mươi bảy tuổi chị đi lấy chồng / Người ta phao đổ rượu hồng / Mà trên hồn chị một vòng hoa tang”*. Những câu chuyện về trầu cau, thuyền bến, bướm hoa đi về thường xuyên trong thơ Nguyễn Bính phần lớn thoát thai từ ca dao, dân ca. Nguyễn Bính hay dùng cách nói bằng so sánh tương tự như thể tỉ trong ca dao. Đó phần lớn là những so sánh nổi, có đầy đủ hai vế: *“Vị chẳng nhớ có như tơ nhĩ”;* *“Vị chẳng nhớ có như vừng nhĩ”;* *“Giăng non một cánh diều”;* *“Chị thương chị kiếp con chim lià đàn”;* *“Chị bây giờ ... nói thế nào? Bướm tiên khi đã lạc vào vườn hoang”;* *“Mẹ em như bóng nắng về chiều”;* *“Rì rào những buổi gieo mưa/ Lòng đơn ngộ tiếng quay tơ dầm dẫm”;* *“Yêu, yêu, yêu mãi thế này / Tôi như một kẻ sa lầy trong yêu”;* *“Hồn tôi như vũng nước đầy/ Em như cữ nắng bảy ngày chưa thôi”;* *“Đời em xuống dốc tôi lên dốc”;* *“Lối đi như son tới xóm Dừa”;* *“Hồn anh như hoa cỏ may”...*

Nguyễn Bính là nhà thơ của đồng quê, nên ngôn ngữ thơ Nguyễn Bính như xưa nay người ta vẫn nhận xét, đó là thứ ngôn ngữ mang hơi thở của “hương đồng gió nội”. Ngay khi kể những câu chuyện về thân phận xót xa, đau khổ và lênh đênh, giang hồ của mình, ngôn từ giọng điệu của Nguyễn Bính cũng vẫn mang sắc thái của ngôn ngữ dân gian. Khi viết mấy dòng *Thư gửi thầy mẹ*, nhà thơ đã dùng một thứ ngôn từ rất “quê kiềng”, ví như các từ “thầy mẹ”, “bé bỏng”, “đồng kềm” và “đẽ”, “hu”...trong khổ thơ này:

*Con đi mười mấy năm trời  
 Một thân bé bỏng, nửa đời gió sương  
 Thầy đừng nhớ, mẹ đừng thương  
 Cầm như đồng kềm ngang đường bỏ rơi!  
 Thầy mẹ ơi, thầy mẹ ơi  
 Tiếc công thầy mẹ đẽ người con hu!*

(Thư gửi thầy mẹ)

Lại có những câu thơ mà ngôn từ giản dị và gần với lời nói thường đến mức chỉ có...Nguyễn Bính mới làm được:

*Con đi quanh cửa quanh nhà  
 Cha già đập lúa mẹ già giữ rom  
 Cha dậm gạo, mẹ thổi cơm  
 Có con con vắng ai làm thay cho*

(Thư gửi thầy mẹ)

Đồng thời bản chất tâm hồn thơ Nguyễn Bính lại là một cái tôi lãng mạn hiện đại, mà cái tôi cá nhân đó vừa thức tỉnh thì đồng thời đã nhận ra ngay tình trạng thê thảm của thân phận con người. Nên nó đã phải tìm đúng điệu than của ca dao mới thật về được đến nơi trú ngụ cho cái tôi tràn đầy cảm xúc buồn thương lãng mạn của chàng trai quê mùa ấy. Điệu than trở thành một phương tiện đặc dụng trong thơ lục bát Nguyễn Bính, nhất là khi bị sa lầy trong tình yêu và lỡ làng giữa hai bờ quê -

tình: “*Chuyến này chị bước sang ngang/Là tan vỡ hết mộng vàng từ đây.*” (Lỡ bước sang ngang) và rồi: “*Không! từ ân ái nhờ nhàn/Tình tôi tro lạnh than tàn làm sao.*”(Người hàng xóm)

Đời sống văn hóa làng quê, từ trang phục đến không khí lễ hội và không gian trong thơ Nguyễn Bính bây giờ đã thành "cổ vật" dù rằng đâu đó trên các miền quê ta vẫn gặp, nhưng hồn cốt thực sự của cảnh ấy đã phai pha đi nhiều.

Nếp sống, phong tục tập quán, sinh hoạt văn hóa ở làng quê từ ngàn đời nay luôn được chọn lọc giữ gìn trước làn sóng đô thị hóa và âm mưu "đồng hóa" của kẻ thù. Tiếp thu văn hóa dân tộc, tìm tòi cách thể hiện gần gũi thơ ca dân gian truyền thống và có nhiều cách tân sáng tạo, những biểu tượng đời sống văn hóa làng quê đã đưa ta tìm về nguồn cội. Cách sống, cách yêu đời ý tứ, dung dị rất Việt Nam - "nếp thăm mĩ đậm màu dân tộc". Tình quê trong thơ Nguyễn Bính không chỉ là tình yêu thương, niềm đồng cảm với những con người quê hương, đó còn là sự trân trọng bản sắc quê hương, hồn dân tộc lưu giữ sau những lũy tre làng. Quê trong thơ Nguyễn Bính là quê hương Việt Nam – quê của truyền thống văn hoá ngàn đời

Trong tất cả các nhà thơ hiện đại, Nguyễn Bính là người chịu ảnh hưởng sâu sắc nhất của thi ca bình dân về mọi mặt: từ ngôn ngữ, mô típ đến giọng điệu. Những đặc trưng của ca dao đã để lại nhiều dấu ấn trong thơ Nguyễn Bính.

## Tiểu kết chương 2

Cốt truyện trong các tác phẩm truyện thơ của Nguyễn Bính đã có sự kế thừa và sáng tạo. Chu Văn Sơn trong *Ba đỉnh cao Thơ mới Xuân Diệu-Nguyễn Bính-Hàn Mặc Tử* đã nhận thấy "hạt nhân của mỗi bài thơ Nguyễn Bính bao giờ cũng là một cái sự nào đó, được diễn ra thành một cái cốt truyện ở một mức nào đó"[39].

Trong thơ Nguyễn Bính, những bài thơ có "chuyện" chiếm một tỷ lệ lớn. Thơ Nguyễn Bính là một thứ thơ đầy chuyện. Người đọc có thể kể lại rất nhiều chuyện sau khi đọc thơ của ông. Trong khi khảo sát những câu chuyện ở thơ Nguyễn Bính, chúng ta đã phần nào thấy được thế giới nghệ thuật nhân vật trong thơ ông. Đó là một thế giới nhân vật phong phú, đa dạng. Ngoài hình tượng cái tôi, nhân vật của Nguyễn Bính có thể chia làm hai loại: Tình nhân lỡ dở và những thân phận lỡ dở. Những bài thơ có chuyện trong thơ Nguyễn Bính có xu hướng chuyển từ những bài thơ trữ tình thành truyện thơ theo kiểu kéo giãn dung lượng phản ánh, mở rộng số lượng câu (dòng) thơ, đưa vào nhiều chi tiết đời sống. Văn bản tự sự thường được tổ chức theo nguyên tắc kể cận, tức là theo trình tự thời gian trước sau, tiếp nối. Thời gian trong thơ Nguyễn Bính trôi trong cảm xúc cá nhân cho nên thời gian nhanh hay chậm đều do cá nhân con người cảm thấy. Dòng chảy thời gian trong thơ Nguyễn Bính có sự đan xen giữa quá khứ với hiện tại.

Thời gian trong thơ Nguyễn Bính luôn có sự vận động rõ rệt. Sự vận động theo dòng chảy thời gian trong thơ Nguyễn Bính không tuân theo một vòng khép kín. Mà có lúc ta bắt gặp sự đứt gãy, sự biến suy đột ngột của thời gian, đó cũng là sự đứt gãy, sự gấp khúc, tan vỡ của một tiếng lòng nhiều mộng tưởng. Có thể nói: dòng chảy thời gian trong thơ Nguyễn Bính là thời gian được cảm nhận qua một sinh mệnh cụ thể, một cá nhân, một con người. Cách cảm nhận về thời gian của Nguyễn Bính gắn liền với ý thức cá nhân. Đó cũng là điểm chung trong phong trào thơ mới. Nhưng ở Nguyễn Bính vẫn có những nét riêng. Thời gian quá khứ và hiện tại đan xen qua những bài thơ đậm chất tự sự. Một dòng chảy gấp khúc đậm chất dân gian.

### Chương 3

## MỘT VÀI MÔ TÍP ĐIỂN HÌNH MANG TÍNH TỰ SỰ TRONG THƠ NGUYỄN BÌNH

*Mô típ*, tiếng Hán Việt gọi là "mẫu đề", có thể chuyển thành các từ "khuôn", "dạng" hoặc "kiểu" trong tiếng Việt, nhằm chỉ những thành tố, những bộ phận lớn hoặc nhỏ đã được hình thành bền vững và được sử dụng nhiều lần trong sáng tác văn học nghệ thuật, nhất là trong văn học nghệ thuật dân gian.

Ở các câu chuyện trong thơ Nguyễn Bình, người đọc thấy nổi lên một số mô típ nghệ thuật: mô típ tha hương, mô típ tan vỡ, mô típ tàn phai.

### 3.1. Mô típ tha hương

Tha hương là hiện tượng phổ biến của thân phận người. Thậm chí, có thể nói phần lớn loài người mang thân phận tha hương. Đơn giản vì, con người ta ai cũng sinh ra ở một vùng quê. Nhưng có mấy ai cả đời được gắn bó duy nhất với mảnh đất nơi chôn nhau cắt rốn. Không ít thì nhiều, không gần thì xa, phần lớn nhân loại là những người phải rời bỏ mảnh đất chôn rau đẻ đi lập thân, lập nghiệp, an cư ở vùng đất khác. Bỏ xứ mình đến xứ người là hiện tượng có tính nhân loại. Người bỏ làng này đi làng khác, người bỏ quê ra tỉnh, người bỏ tỉnh nhỏ ra trung tâm, người rời trung tâm về thôn dã, người bỏ tổ quốc định cư nơi hải ngoại v.v ... Cứ đời này sang đời khác, thế hệ này sang thế hệ khác, tha hương đã thực sự thành một tâm-sự-người trong đời sống hữu thức và vô thức của nhân loại. Khi phải rời bỏ chốn quê, tinh thần con người như bị bật gốc khỏi quê. Bấy giờ quê hương thành cố hương. Cố hương chính là quê hương trong lòng kẻ tha hương. Phải lìa bỏ cái môi trường sinh trưởng của mình để di dời đi chốn khác, là một sự đứt gãy trong tâm lí, là cuộc chia phôi với cả một thế giới hiện thực ruột rà máu thịt. Vì vậy, con người ta thường nhớ về chốn cũ, nhớ về cội nguồn. Nó là niềm hoài hương. Hoài hương/nhớ quê không phải là một trạng thái tình cảm siêu hình. Mà đó chính là lúc cái thế giới biểu tượng (vốn là những sự vật ở chốn quê đã nhập sâu vào tâm thức kẻ li hương) trong cõi tinh thần của con người thiếu đi bầu dưỡng khí của nó. Thế giới biểu tượng ấy khao khát trở về thủy thổ của nó. Càng đến những xứ lạ, thủy thổ trái nhau, thì khao khát hồi hương càng canh cánh.

Do tha hương là một hiện tượng có tính nhân loại như vậy, mà nó cũng trở thành tiếng nói trữ tình phổ biến trong thi ca của nhân loại. Có thể nói, không ít thì nhiều, không đậm thì nhạt, không trực tiếp cũng gián tiếp, thi sĩ nào cũng đã từng gửi gắm cái tác lòng quê vào sáng tạo của mình. Nói cách khác, thi sĩ nào cũng đều đã cất lên cái tiếng lòng của kẻ tha hương. Chính vì lẽ này mà mạch thơ tha hương không chỉ là truyền thống của riêng nền thơ ca nào, mà là truyền thống chung của thơ ca nhân loại. “*Đời sống giang hồ đòi hỏi kẻ lãng tử phải quăng thân vào phong trần cát bụi, lẩy lênh đênh làm đời sống, làm hạnh phúc. Muốn thế phải có máu phiêu lưu. Trong khi đó, phiêu lưu lại không có sẵn trong gen tiểu nông của gã giang hồ bất đắc chí này, nên tình trạng tinh thần của gã là sợ phiêu lưu mà lại dần bước giang hồ. Chàng thi sĩ này không tìm thấy chất thơ thông thường của tiêu dao tang bồng, không thấy cái thú siêu thoát lãng mạn của ngao du sơn thủy. Trái lại, mỗi bước lênh đênh là một bước long đong*” [39, 139]

“Máu giang hồ” khiến dấu chân Nguyễn Bính in khắp các nẻo đường Nam – Bắc. Nhưng càng dan díu với kinh thành, nhà thơ càng thấm thía nỗi cô đơn, chỉ khi về với vườn cũ quê hương mới được sưởi ấm tâm hồn. Cuộc đời đã khiến nhà thơ phải: “*Bỏ lại vườn cam bỏ mái tranh / Tôi đi dan díu với kinh thành / Hoa thom mơ mãi vườn tiên giới / Chuốc mãi men say rượu ái tình*” (Hoa với rượu). Một giọng điệu tiếc nuối pha chút ngậm ngùi xót xa. Lần theo dấu giày của một người “giày cỏ gươm cùn ta đi đây”, ta thấy in bóng trong thơ ông bao miền đất, gặp bao nhiêu cảnh ngộ, từ đồng quê xứ Bắc đến tận miền đất phương Nam. Chân tha hương, cũng như rất nhiều thi nhân khác, Nguyễn Bính đối mặt với hiện thực phũ phàng của cơm áo. Nhưng thiếu thốn, đói khổ, vẫn không ngăn nổi khát vọng chu du:

*Chùa Hương xa lắm em ơi*

*Đò giang cách trở chịu thôi cô mình*

*Câu này anh nói thật tình*

*Muốn đi thì phải cho anh mượn tiền...*

( Chùa Hương xa lắm )

Đó là một sự thật trần trụi nhưng đã được bao phủ bởi những trăng vàng, sầu mộng, bến mơ. Điều đặc biệt ở Nguyễn Bính là dường như mỗi chặng dừng chân làm một câu chuyện tình. Một chặng “đường tình”, một hình bóng giai nhân và những kiệt tác thơ hình thành. Những “Xóm Ngự Viên”, “Hương cố nhân”, “Dòng dư lệ”, “Thôi nàng ở lại”, “Gửi người Hà Nội”... cũng vang vọng từ đây:

*Chiều nay còn ở Ninh Bình*

*Sáng mai đôi ngả xuôi mình ngược ta*

*Chiều nay chung một mái nhà*

*Sáng mai ngã bảy ngã ba đường đời...*

(Nửa đêm nghe tiếng còi tàu)

Nguyễn Bính với hành trang: bộ quần áo nhàu nát, mấy vản thơ và một bầu nhiệt huyết đã đi trên con đường mịt mù chông gai, và, gặp phải rất nhiều nỗi thất vọng. Mỗi khi gặp nỗi bất đắc chí, thi sĩ lại da diết nhớ cố hương, nhớ những ngày tháng êm đềm nơi quê nghèo thơ mộng với tiếng trống chèo hội xuân, bến nước, con đò, cánh bướm, vườn hoa: “*Mai ngày tôi bỏ quê tôi / Bỏ giếng, bỏ gió, chao ôi! bỏ chùa / Dem thân đi với giang hồ / Sân ga phẳng lặng, bến đò lênh đênh / Quê hương chẳng nhớ cũng đành / Cũng xin dâng cả chân tình cho ai*” (Gửi người Hà Nội).

Sống nơi đất khách kinh thành gió bụi, Nguyễn Bính vẫn giữ cốt cách mộc mạc. Hồn quê, tình quê, cứ đầm đằm, âm âm, day dứt khôn nguôi. Dù có đi đâu về đâu cũng vẫn đau đáu một thôn Vân quê mẹ, một làng Thiện Vịnh quê cha quanh năm đồng trắng nước trong với khát vọng cháy bỏng về hạnh phúc nhỏ nhoi, mong manh... Giấc mơ quan trạng của anh lái đò hay mấy cô yếm thắm trẩy hội chèo, những hẹn hò đôi lứa, những mối tình quê ngọt ngào hay cay đắng cũng rung lên từ đây: “*Oi thôn Vân hỡi thôn Vân / Nơi nao kết dải mây Tần cho ta / ở đây tưởng nhớ quê nhà / Thấy mây Tần đó ngỡ là thôn Vân*”

*“Lẽo đẽo đi trong gió bụi đời,*

*Gian nan vất vả quá anh ơi,*

*Lắm khi thấy thiếu lời an ủi*

*Nhưng kiếm đâu ra ? Dẫu một lời !”*

(Lá thư về Bắc)

Dù là giang hồ thì kẻ giang hồ vẫn luôn chỉ thấy mình bị vây khốn giữa bao bất trắc, chỉ thấy cảm cảnh cho cái phận nổi trôi giời đày của mình, chỉ cảm thấy thật chua chát, giang hồ là một cuộc đày ải:

*“Cúi mặt soi gương chén rượu đày*

*Bốn mắt nhuộm chung màu lũ thứ...*

*Không hiểu vì đâu hai đũa lại*

*Chung lưng làm một chuyến đi đày ?”.*

(Giời mưa ở Huế)

Nỗi cô đơn, sự lẻ loi thân phận "bơ vơ trong xứ người xa lạ" đã mang đến một mùa "xuân tha hương" sao mà tê tái đến đau lòng. “Các chuyến giang hồ của thi sĩ như là chuyến “đi để mà đi”. Nó như được dẫn dắt bởi một định mệnh khác bạc nào đó. Giang hồ của Nguyễn Bính là sự trôi dạt vô định, thiếu vắng cả niềm tự hào của một lãng tử [30, 119].

Dấn bước làm kẻ giang hồ, nhưng “*máu phiêu lưu*” lại không có sẵn trong “*cái gen tiểu nông*” của chàng trai Nguyễn Bính. Đời sống giang hồ đòi hỏi kẻ lãng tử phải quăng thân vào phong trần cát bụi, lấy lênh đênh làm đời sống, làm hạnh phúc. Thế nên, “*dù chỉ là giang hồ vật, thì kẻ giang hồ vẫn thấy mình bị vây khốn giữa bao bất trắc, chỉ thấy cảm cảnh cho cái số phận nổi trôi giời đày của mình...*”(Chu Văn Sơn). Càng đi, tiếng gọi của quê hương, của quá khứ càng thiết tha hơn trong Nguyễn Bính, thi nhân càng cảm thấy bơ vơ. Những tháng năm lưu lạc nơi xứ người, ám ảnh với Nguyễn Bính nhiều nhất là những đêm mưa. Mưa là lúc dễ khiến con người ta chạnh lòng:

*Một thân lặn độn nơi trời xa*

*Nằm nghe mưa rơi trên mái nhà*

*Gió bắt vào thu đầy tiếng lá*

*Đời tàn, mộng đẹp, tiếc xuân qua.*

(Đêm mưa đất khách)



Nằm nơi gác trọ, giữa không gian đêm tối tĩnh mịch, từng giọt mưa nhỏ xuống mái gianh càng như khơi gợi nỗi cô đơn trong lòng kẻ tha hương. Ấy là lúc Nguyễn Bính tự đối mặt với chính mình, buồn chán cho số kiếp long đong. Tiếng mưa như dài ra theo nỗi buồn của lòng người. Thời gian qua đã biết mấy mùa xuân, mộng đẹp ngày một tàn phai theo năm tháng, nhà thơ thấy cuộc đời mình “tàn tạ”. Đêm càng sâu, tiếng mưa càng lạnh lẽo, nỗi cô đơn trải rộng theo màn đêm còn con người càng thu mình lại, bé nhỏ, bơ vơ như bị bỏ rơi giữa dòng đời, không biết đâu là chốn nương thân. Thi nhân khóc bằng những lời thơ đau khổ, bi phẫn:

*Hỡi ơi! Trời đất vô cùng rộng*

*Nào biết tìm đâu một mái nhà?*

(Đêm mưa đất khách)

“Sự cô đơn, lòng sầu xứ, tâm trạng lưu đày, nỗi bế tắc, cảm giác không hòa nhập được với cuộc sống phồn hoa đã mang tới cho cái tối trữ tình Nguyễn Bính hơi thở chua chát, thê lương và đốt cháy lên ngọn lửa khao khát ngày về, nhất là khi tết đến”. [15, 268].

Năm hết tết đến là thời gian sum họp, nỗi nhớ quê trong Nguyễn Bính càng cồn lên da diết. Khung cảnh quê người rộn ràng, ấm áp mà lòng chàng thi sỹ thêm đắng cay, trống lạnh. Một thân một mình lang thang đất khách, không một niềm an ủi, không chốn nương thân, cuộc sống kia hời hợt diễn ra nhưng dường như quay lưng lại với nhà thơ. Thi nhân mang nặng tâm trạng lạc loài của kẻ xa lạ giữa dòng đời tấp nập: Một buổi chợ phiên, với gạo nếp, cảnh bán mua náo nhiệt của người dân vào dịp tết là những câu chuyện ta thường gặp trong thơ Nguyễn Bính.

*Gạo nếp nơi đây sao trắng quá,*

*Mỗi ngày phiên chợ lại thêm đông*

*Thiên hạ đua nhau mà sắm tết,*

*Một mình em vẫn cứ tay không.*

(Xuân tha hương)

Khao khát lắm được trở về nhưng không thể, thi nhân chìm mình trong men rượu. Nhưng Nguyễn Bính cũng ý thức được rằng, nỗi buồn kia chẳng thể men say nào rửa được, uống rượu chẳng thể tiêu sầu, uống chỉ để lòng thêm tê tái:

*Chị ơi tết đến em mua rượu*

*Em uống cho say đến não lòng.*

(Xuân tha hương)

Câu chuyện về một con người tha hương xuất hiện khá phổ biến trong thơ Nguyễn Bính. Trong thực tế, Nguyễn Bính cũng đã nhiều lần thực hiện những chuyến "giang hồ vất". Nhưng mô típ tha hương còn mang ý nghĩa tượng trưng, nói lên tình trạng bị cắt lìa khỏi truyền thống. Dù không tha hương thật thì trong tâm trạng vẫn thấy mình là một kẻ tha hương. Với mô típ này, nó thể hiện cái mặc cảm lạc loài của nhà thơ lãng mạn.

Có thể nói Nguyễn Bính giống như "kiếp con chim lìa đàn" (chữ dùng của Chu Văn Sơn) đã rời bỏ làng quê - tổ ấm của mình, dững cảm bay vào những biển trời đầy giông bão để thể nghiệm. Những gió mưa, giá lạnh cuộc đời tuy làm nhà thơ chán nản, hoài nghi, đau khổ nhưng chưa khi nào nhà thơ tuyệt vọng, bởi trong lòng nhà thơ luôn có một nơi để hướng về. Những âm áp tình người, những kỉ niệm êm đẹp cùng thiên nhiên chan hoà, thơ mộng là đức tin cứu rỗi linh hồn nhà thơ. Trước sau Nguyễn Bính vẫn mãi là nhà thơ của hồn quê, tình quê sâu lắng, đậm đà.

### **3.2. Mô típ tan vỡ**

Tình yêu vốn là đề tài muôn thuở của thơ ca, là nơi suối nguồn cảm xúc của con người dào dạt nhất. Đặc biệt đối với những chàng thi sỹ lãng mạn đầu thế kỷ XX, đang sống giữa thời đại lên ngôi của cái tôi cá nhân, thì tình yêu trở thành một đề tài tất yếu. Nhưng càng đi sâu vào cái tôi, con người càng trở nên đơn lẻ và trống lạnh, sống giữa cuộc đời muôn vạn nỗi đau khổ, tình yêu cũng không đủ sức cứu cánh cho những tâm hồn ấy. Hay như lời Hoài Thanh: "...động tiên đã khép, tình yêu không bền, diên rồi lại tỉnh, say đắm vẫn bơ vơ...", họ trở thành con người thất bại, lỡ làng, mất mát trong tình ái.

Dẫu biết rằng bước vào yêu là sẽ khổ, như Xuân Diệu từng nói:

*Yêu là chết ở trong lòng một ít  
 Vì mấy khi yêu mà chắc được yêu  
 Cho rất nhiều nhưng nhận chẳng bao nhiêu  
 Người ta phụ hoặc thờ ơ chẳng biết.*

( Yêu- Xuân Diệu)

Nhưng như cái lẽ tự nhiên nhất của tình cảm con người “Làm sao sống mà không yêu/ Không nhớ không thương một kẻ nào”. Cảm xúc yêu đương được rất nhiều thi sĩ Thơ mới giải bày. Xuân Diệu mặc dù đau đớn nhiều trong trường tình, đã biết “ *Yêu là chết ở trong lòng một ít*”, nhưng vẫn coi tình yêu là lẽ sống:

*“Làm sao sống được mà không yêu”*

Còn Hàn Mặc Tử - nhà thơ bất hạnh nhất trong các nhà thơ mới thì mãnh liệt, cuồng si tới mức:

*“Dẫu đau đớn vì lời phụ rẫy  
 Nhưng mà ta không lấy làm điều  
 Trăm năm vẫn một lòng yêu  
 Và còn yêu mãi rất nhiều em ơi ”*

( Muôn năm sầu thảm - Hàn Mặc Tử)

Nguyễn Bính bản chất vốn tài hoa, đa tình. Và, cái tạng phong tình ấy luôn dẫn dắt những mạch liên tưởng trong thơ. Là một thi sĩ “*suốt đời mắc bệnh tương tư*” (Vũ Bằng), Nguyễn Bính tự nhận: “*Tôi là thi sĩ của thương yêu*”. Nguyễn Bính biết rung động, biết nhớ nhung từ khi còn rất trẻ, ấy vẫn thường là cái máu của nghệ sỹ, nhất là đối với Nguyễn Bính – một tâm hồn nhạy cảm luôn khát khao tình yêu thương. Và có lẽ chính nỗi ám ảnh thiếu thốn tình cảm từ nhỏ đã phần nào tạo nên tính cách ấy trong nhà thơ.

Nguyễn Bính đã từng yêu rất nhiều người, và cũng rất nhiều người phụ nữ đem lòng yêu Nguyễn Bính, nhưng tình yêu không thuận buồm xuôi gió đi tới bến bờ của hạnh phúc. Phần lớn những cuộc tình ấy đều trở thành dang dở, dù người ta yêu Bính, hay mình Bính đơn phương, hoặc có khi đó là cuộc tình đầy mộng đẹp của cả hai người, thì cuối cùng chỉ là kỷ niệm. Kỷ niệm bao giờ cũng đẹp, ngay cả khi đó là kỉ niệm buồn. Nguyễn Bính đến với tình yêu lần nào cũng đầy rung động và rạo rực, như mỗi tình buổi đầu biết yêu, thế nên mỗi sự đổ vỡ đều để lại trong nhà thơ nỗi đau khổ, day dứt. Sự tan vỡ ấy đã trở thành mô típ – mô típ tình lỡ trong thơ Nguyễn Bính.

Đứng trước một người con gái đẹp, nhưng Nguyễn Bính không đủ tự tin để đến với nàng. Người đó chỉ để chàng ngắm nhìn trong ngưỡng mộ và khao khát, mái tóc đen, đôi môi mỉm cười không phải dành cho Bính. Bởi một phần nàng quá kiêu sa, và phần hơn vì thi nhân biết sự “nghèo khổ” của mình không đủ để đánh đổi trái tim người đẹp. Đã mấy lần yêu nhưng “*lửa giàu sang đốt cháy cầu tơ duyên*”, nên Nguyễn Bính ý thức được cái bạc của kẻ không “*lắm bạc nhiều vàng*”. Nếu như tình yêu đơn phương làm con người đau khổ bởi những lạnh nhạt, hững hờ, thì mối tình song phương khi đổ vỡ có thể đẩy con người vào nỗi tuyệt vọng không cùng. Bởi khi đã trọn lời yêu nhau, là khi đã tin tưởng trao đặt trái tim mình, sống cho mình và sống hơn cho người ấy. Tình yêu tan vỡ, không chỉ trái tim đau đớn mà còn đổ vỡ cả niềm tin và hi vọng. Vậy mà đời Nguyễn Bính phải mấy lần chứng kiến cảnh trái ngang:

*“Tháng chạp cho cải hoa vàng*

*Cho cam da đỏ, cho nàng vu quy...”*

( Vu quy)

*“Mùa xuân ấy nàng xe duyên,*

*Có đình đôi kiệu, có thuyền giãng hoa.*

*Tóc tôi để bạc cho già,*

*Đời tôi để rụng cho già đời tôi.”*

( Tôi còn nhớ lắm)

Đau khổ trong ái tình đã lấy đi những giọt nước mắt của chàng thi sỹ: “Giờ đây em đã phụ tôi rồi/ Cho tôi được khóc vì tôi thấy/ Tôi đã tan hoang cả kiếp người”, và đó cũng là lý do đưa đẩy bước chân giang hồ của Nguyễn Bính đi ngày một xa hơn. Chính nhà thơ cũng ý thức được rằng, đối với mình, tình yêu dường như là ngọn nguồn đau khổ. Như một kẻ sa lầy trong yêu, muốn thoát khỏi mà không thể làm chủ lòng mình:

*Tôi biết là tôi yêu mất rồi!*

*Tôi biết từ nay tôi khổ lắm!*

....

*Oán đã bao la hận đã nhiều,*

*Cớ sao tôi vẫn chả thôi yêu?*

(Vân vợ)

Câu chuyện về tình yêu, người con trai đã tự thổ lộ lòng mình: tôi yêu nàng và tôi biết từ nay tôi sẽ khổ vì nàng đây. Yêu thương và oán hận, Nguyễn Bính yêu say mê, đắm đuối để rồi khi người ta phụ bạc, bao nhiêu yêu thương ấy uất nghẹn thành nỗi căm hận, có khi bật ra thành tiếng chửi cay đắng, thái độ bất cần. Thi nhân viết những câu thơ đầy mỉa mai gửi đến người đã cùng chung mộng ước ương một thời.

*Vâng, chính là cô chưa yêu ai*

*Lần đầu đan áo kiểu con trai*

*Tôi về thu cả ba đồng lại*

*Đốt hết cho cô khỏi thẹn lời....*

(Vâng)

*Khốn nạn, tưởng yêu thì khó chứ,*

*Không yêu thì thực dễ như không...*

(Xuân tha hương).

Những câu thơ chát chúa, khiến người thương xưa phải sượng sùng. Tưởng như Nguyễn Bính căm giận lắm, lạnh lùng trút được cả yêu thương, đốt bỏ hết những vẩn vương còn sót lại. Nhưng trong sâu thẳm lòng thi sỹ, vẫn nhiều đêm dâng lên nỗi niềm chua chát. Đằng sau những lạnh nhạt, mai mĩa bên ngoài, là cả nỗi niềm suy tư, sầu muộn, cả thế giới niềm tin đổ vỡ. Dù có đôi khi Nguyễn Bính viết những lời thơ gay gắt, nhưng nhìn lại, cái buồn đau trong thơ ông phần nhiều là sâu lắng, ngậm ngùi, tủi khổ. Nó cũng giống như cái lạnh sâu thẳm dần của những buổi mưa phùn sang xuân.

Ở bài thơ “Qua nhà” là câu chuyện buồn thương của chàng quê khi người con gái mình yêu đi lấy chồng: *Từ ngày cô đi lấy chồng/ Góm sao có một quăng đồng mà xa/ Bờ rào cây bưởi không hoa/ Qua bên nhà thấy bên nhà vắng teo.* Một câu chuyện tình buồn: từ ngày cô đi lấy chồng, tất cả mọi thứ đều thay đổi: Một quăng đồng: *mà xa*; cây bưởi: *không hoa*; Qua bên nhà thấy: *bên nhà vắng teo*; Lợn không nuôi: *đặc ao bèo*; Giếng thơi : *mưa ngập nước tràn*, Ba gian: *đầy cả ba gian nắng chiều*. Và đặc biệt là khi cô đi lấy chồng thì “*Giàu không dây chẳng buồn leo vào giàn*”. Tâm trạng cô đơn, trống vắng của chàng trai như thấm vào cảnh vật. Tất cả mọi thứ xung quanh đều trở nên vô nghĩa. Niềm ao ước “*Trầu xanh, cau trắng, khay hồng*” không còn nữa, thay vào đó là nỗi niềm buồn thương vô hạn.

Những câu chuyện tình buồn, đổ vỡ trong tình yêu trở đi trở lại trong thơ Nguyễn Bính xoáy sâu vào lòng người đọc, ám ảnh, day dứt mãi không thôi. Câu chuyện về cánh bướm, tơ vàng cứ trở đi trở lại một điệp khúc tình duyên bẽ bàng cay đắng:

*Hỡi ơi bướm trắng tơ vàng*

*Mau về mà chịu tang nàng đi thôi*

(Cô hàng xóm)

Câu chuyện bướm trắng tơ vàng của hai người hàng xóm sống giữa cô đơn cứ chùng chình mãi không tỏ lòng yêu để rồi nuốt nước mắt vào trong, ôm hận ngàn thu, tơ duyên vĩnh viễn không thành chỉ còn lại tang tóc buồn thương. Bướm trắng tơ vàng đẹp đẽ thơ mộng là thế mà bao nhiêu áp ủ hạnh phúc đều tan nát cả. Tình

yêu ấy xôn xao, rạo rực, gần gũi mà xa cách, bồng bềnh trong cõi mơ rồi trở về thực tại đón đau, tiếc nuối. Vẫn còn đây bướm trắng tơ vàng rập rờn chao liệng trong cuộc đời và trong những vần thơ Nguyễn Bính. Cuộc đời đổi thay, người ta vẫn cứ hối hả sống, hối hả yêu nhưng không thể quên cánh bướm tình yêu trong thơ Nguyễn Bính.

Nguyễn Bính thường than khúc sầu bi cho một tình yêu của chàng lãng tử, một khách đa tình với cô thôn nữ ngây thơ hay cô lái đò vụng dại:

*Xuân đã đem mong nhớ trở về*

*Lòng cô gái ở bến sông kia*

*Cô hồi tưởng lại ba xuân trước*

*Trên bến cùng ai đã nặng thề*

*Nhưng rồi người khách tình xuân ấy*

*Đi biệt không về với bến sông*

(Cô lái đò)

Câu chuyện tình yêu ngọt ngào say đắm. Chàng trai xuất hiện, thấp lên ngọn lửa tình say đắm rồi biến mất, mang theo mối tình thơ của cô lái đò, để lại hy vọng đợi chờ, thất vọng khổ đau. Người khách tình xuân ấy nặng thề bên bến sông nhưng thời gian trôi như nước chảy xuôi dòng, mùa xuân trôi mãi ai dám bảo tuổi xuân thì không trôi theo mà kẻ lãng du vẫn đi biệt không về. Thơ Nguyễn Bính là tiếng đồng vọng của một tâm hồn khao khát yêu đương mà cứ ngần ngại đợi chờ, bầu vịu vu vơ. Nhiều khi chàng thi sĩ lãng du phong tình coi tình yêu là bến neo đậu chốc lát rồi nổi hứng giang hồ ra đi. Tình nồng thắm của mấy cô thôn nữ bên mái gianh nghèo, bên bến đò sông quê không đủ sức níu giữ. Cô lái đò đành sang ngang cùng người khác:

*Xuân này đến nữa đã ba xuân*

*Đóm lửa tình duyên tắt nguội dần*

*Chẳng lẽ ôm lòng chờ đợi mãi*

*Cô đành lổi ước với tình quân*

(Cô lái đò)

Giọng điệu cứ dàu dàu, bâng khuâng, da diết như tiếng lòng thầm thì của cô gái lúc canh khuya bên vắng. Chuyện thuyền bên không bắc nhịp tơ duyên nên trở thành vô nghĩa. Nỗi buồn của cô gái đã có sức lan toả vương vấn cả khách sang sông. Câu chuyện tình duyên trái ngang không còn của riêng cô lái đò nữa mà trở thành một phần trong đời sống của bao người. Dòng sông bên nước con đò không đơn thuần là không gian làng quê để lừa đôi tình tự mà còn biểu trưng cho tình duyên trắc trở. Trên mười hai bên nước, gió cả sóng to, tai ương rình rập đổ xuống bất cứ khi nào, nếu lỡ bước sang ngang là lo sợ không đến được bờ bình yên:

*Lần đầu chị bước sang ngang*

*Tuổi son sông nước đò giang chưa từng*

(Lỡ bước sang ngang)

Chị đã dự cảm “*Chuyến này chị bước sang ngang/ Là tan vỡ giấc mộng vàng từ đây*”. Chị ra đi trên con thuyền hận và trước mắt chị “*Cách mấy mươi con sông sâu, trăm ngàn vạn nhịp cầu chênh vênh*” mà không hề thấy đâu là bờ hạnh phúc. Cách miêu tả tăng tiến và sử dụng số đếm của người xưa: mấy mươi, trăm ngàn vạn càng gợi một không gian xa cách nghìn trùng đầy trắc trở, gọi nỗi lo âu, hãi hùng. Ca dao đã từng than rằng “*Sông sâu còn có kẻ dò, lòng người trong đục ai dò được đâu*”. Người con gái trong thơ Nguyễn Bính không phải chỉ vượt qua sông sâu, thác ghềnh mà còn phải “ôm hận” theo người sang ngang, bất hạnh bùa vây mịt mù. Các mô típ dân gian của câu hát than thân trở lại qua những mảnh đời lận đận tình duyên lỡ làng trong thơ Nguyễn Bính.

Những nhân vật trữ tình trong thơ Nguyễn Bính vì cách này hay cách khác đều như chiếc bách bơ vơ giữa dòng khiến con người xót xa cảm cảnh:

*Em vốn đường dài thân **ngựa lẻ***

*Chị thì sông cái **chiếc đò nan***

*Quê người đứng ngóng **mây lưu lạc***

*Bến cũ nằm nghe **sóng lỡ làng***

(Xuân lại tha hương)



Những câu chuyện trong cùng hệ thống: lưu lạc, đơn cô: “thân ngựa lẻ, chiếc đò nan, mây lưu lạc, sóng lờ làng”. Cả không gian bao la bốn phương tám hướng đều ngút ngàn, “biết lạc về đâu lòng hời lòng”:

*Năm ấy sang sông lờ chuyén đò*

*Đò đầy gió lớn sóng sông to*

*Mười hai bến nước xa lăng lăc*

*Làm tự ngày xưa lờ đến giờ*

(Mười hai bến nước)

Nhan đề bài thơ đã đắg chát, thương tâm. Cách ngắt từ làm lờ chia đôi: **l**àm tự ngày xưa, **l**ờ đến giờ càng nhân lên khổ đau dằng dặc. Biết bao thi sĩ xưa nay đã trải lòng mình trước sông nước mênh mang, tìm đến bến đò để giải bày, kí thác những giai điệu trầm bổng của tâm hồn. Câu chuyện Ngưu Lang, Chức Nữ bên bờ sông Ngân huyền thoại đã đi vào thơ Nguyễn Bính như chuyện tình lăng mạn, đẹp mà buồn của con người hiện đại:

*Sông Ngân nước chảy hững hờ*

*Ngưu Lang ngồi khóc bên bờ sông Ngân*

*Một năm gặp được mấy lần*

*Anh khổ không ngân, Chức Nữ em ơi*

*Duyên ta chẳng đẹp lòng giờ*

*Một dòng nước bạc ngăn đôi chung tình*

(Chức nữ Ngưu Lang)

Lời nguyện xưa cùng dòng nước bạc đã ngăn cách tình yêu đắm say thành éo le lờ dờ. Một năm chỉ đợi một ngày tháng bảy gặp nhau thổn thức khóc như mưa. Cảnh xưa phổ vào tình nay, bên dòng sông hiện tại cũng có biết bao mối tình thơ mộng:

*Bờ sông bên ấy gieo thoi  
Sao em chẳng dệt một lời cho anh  
Tơ trời mấy sợi mong manh  
Biết anh có dệt nên hình gì không?...*

(Chức nữ Ngưu Lang)

Chàng trai khao khát mãnh liệt:

*Một bờ sông, hai bờ sông  
Một lòng! Anh dám hai lòng ở đâu!  
Bao giờ cho hợp duyên nhau  
Anh bắc nghìn cầu, Chức Nữ em ơi!*

(Chức nữ Ngưu Lang)

Vẫn chỉ là ao ước “bao giờ” con đò nhịp cầu nối liền đôi bờ xa cách để hai trái tim yêu hoà chung một nhịp ái ân hạnh phúc, không phải hát khúc ly tao buồn bã nhưng ngang trái, vẫn chằng đầy mọi nẻo:

*Mới nửa đời thôi em phải khóc  
Hai lần hai chuyện bước sang ngang*

(Khăn hồng)

Câu chuyện về cuộc đời, số phận của người đàn bà. Điều họ sợ nhất là phải trải qua hai lần đò nghĩa là đời dở dang chẳng ra gì. Mới nửa đời thôi đã hai lần khóc thương thân phận bẽ bàng như cảnh đời trong “Lỡ bước sang ngang”:

*Chị từ lỡ bước sang ngang  
Trời đông bão giữa tràng giang lật thuyền  
Chị giờ sống cũng bằng không  
Coi như chị đã **ngang sông đấm đò**  
Äy thế mà rồi cách biệt nhau*

*Nhà Nhi không biết dọn đi đâu*

*Mình tôi giờ bắt làm thi sĩ*

*Mẹ mất khi chưa kịp bạc đầu.*

(Lỡ bước sang ngang)

Nhà Nhi không biết dọn đi đâu? Cuộc chia li không báo trước, diễn ra một cách bất ngờ khiến cho đôi bạn trẻ không kịp chào nhau. Họ bắt đầu bước vào cuộc đời dẫu bé. Tôi thì trời bắt làm thi sĩ, cách nói thể hiện gánh nặng của thiên chức, kiếp thi sĩ long đong, lận đận, thương mọn, khóc vầy.

Ở Nguyễn Bính giấc mộng công danh, ước mơ tình yêu luôn đi đôi với nhau, và là hai nỗi ám ảnh lớn của hồn thơ Nguyễn Bính trước Cách mạng Tháng tám. Nguyễn Bính giang hồ bốn phương cũng là với một mục đích có tính chất kép đó, vì công danh: “*Con đi đan dít nợ giang hồ/ Một hai những tưởng cơ đồ làm nên*” (*Thư cho thầy mẹ*), vì tình yêu: “*Em đi đeo đuổi mãi tơ duyên/ Dò mãi lòng sông sấm mãi thuyền*”, “*Đi để chôn vùi hận ái ân*” (*Khăn hồng*). Nhà thơ trách mình hay cười đời? Có lẽ là cả hai. Trong thâm tâm nhà thơ, trong thâm tâm mọi người đều biết căn nguyên chính dẫn đến bi kịch công danh của nhà thơ là do đâu. Nhà thơ chỉ ra cái lí do chung khiến thực tại đô thị đảo điên chính là đồng tiền. Trong xã hội tư sản hoá, tiền được thiên hạ đem ra “độ” với thơ, tiền cũng có thể mua được tình yêu, công danh, sự nghiệp. Thiên hạ xem tiền là mục đích tối thượng, vì tiền mà thay đổi “*giàu sang một bước*”, bằng tiền mà thay đổi “*công danh một giờ*”. Nhà thơ lại là người “*mình không bán được*” nên phải chấp nhận bi kịch “*vẫn là tay không*”, không công danh, không tình yêu. Nguyễn Bính có thể bị ám ảnh bởi giàu sang, giàu sang làm con người bội bạc, làm các giá trị lộn đảo, nhưng không bao giờ xem giàu sang là mục đích sống của đời mình. Không chỉ lỡ dở trong tình duyên, giấc mộng vàng công danh cũng tan vỡ. Trong đời thực, gia tài của Nguyễn Bính chỉ có đôi bàn tay trắng, túi thơ, bầu rượu. Chàng bước vào cuộc đời giang hồ với hành trang giàu có về tinh thần nhưng nghèo nàn về vật chất, trong ước mơ Quan Trạng có vương vấn chút choáng ngợp của sự giàu sang. Nhưng rồi tất cả theo nhau đổ vỡ. Cái nghèo đã không thể làm cho chàng thi sĩ trở thành có duyên,

Nguyễn Bính đi từ thất bại này đến đau khổ khác trong chuyện tình đôi lứa. Cả ba con đường lý tưởng, công danh, tình yêu đều đi vào ngõ tối, nhà thơ ngậm ngùi, cay đắng mang kiếp đời bất hạnh.

Nguyễn Bính “sa lầy” trong giấc mộng yêu đương của mình: mơ theo bóng bướm, cánh chim nhưng cũng tan vào hư không, mơ về quan trạng với khát khao công tư vẹn tròn thì cũng lỗi thời, mơ con thuyền qua sông chờ đến bến bờ hạnh phúc nhưng rồi thuyền cũng sang sông đắm đò. Những câu chuyện tình lỡ dở ấy cứ thủ thủ bên lòng ta những lời ngọt ngào pha lẫn chua xót về tình yêu đẹp, tình yêu buồn. Nguyễn Bính như người nghệ sĩ kể chuyện dân gian bằng thơ, hoá thân tài tình vào các nhân vật trữ tình mà giàu chất tự sự. Nguyễn Bính đã đi vào vườn văn hoá dân gian để hút nhụy mật ngọt dâng cho đời. Các biểu tượng trong thơ Nguyễn Bính đều nhất quán với nhau trong việc thể hiện cái tôi - tác giả: cô đơn, sầu muộn nhưng vẫn thiết tha một niềm yêu người, yêu đời. Nguyễn Bính giống các thi nhân lãng mạn ưa tìm đến éo le trắc trở, lỡ làng của tình yêu nhưng lại khát khao duyên ái đồng nhất với hạnh phúc gia đình giống ca dao xưa.

### **3.3. Mô típ tàn phai**

Thời đại của Nguyễn Bính là thời cái Tôi cá nhân mới được giải phóng. Bất gặp môi trường đô thị đang có sự chuyển mình từ nền văn minh nông nghiệp lạc hậu sang nền văn minh công nghiệp hiện đại có bao điều mới mẻ, cái Tôi cá nhân không khỏi hăm hở nhập cuộc để kiếm tìm công danh, hạnh phúc. Trong thế đối nghịch giữa nông thôn và thành thị, thì nông thôn - yếu tố xưa, truyền thống trở nên bị động trước sự xâm lấn, áp đảo yếu tố nay, hiện đại.

Câu chuyện: chàng trai quê ra con đê đầu làng ngóng đợi người yêu đi tỉnh về. Mong đứng mong ngồi...kia rồi bóng nàng thấp thoáng từ xa với “ Khăn nhung quần lĩnh rộn ràng”. Nhưng dường như trong cái rộn ràng của những bước chân son đi tỉnh về kia bỗng có cái gì đó là lạ... khiến người con trai nheo nhói nơi trái tim. Cuộc sống nơi thành thị, làm cho “ Hương đồng gió nội bay đi ít nhiều”. Chàng trai chỉ mong “Hoa chanh nở giữavườnchanh/Thầy u mình với chúng mình chân quê”

*Hôm qua em đi tỉnh về  
 Đợi em ở mãi con đê đầu làng  
 Khăn nhung quần lĩnh rộn ràng  
 Áo cài khuy bấm, em làm khổ tôi!*

*Hoa chanh nở giữa vườn chanh  
 Thày u mình với chúng mình chân quê  
 Hôm qua em đi tỉnh về  
 Hương đồng gió nội bay đi ít nhiều .*

(Chân quê)

Gặp gỡ, chia ly, nuối tiếc là những hiện tượng phổ biến trong các cuộc tình duyên. Và nó đã trở thành một đề tài muôn thuở của thi ca xưa - nay. Không phải cuộc tình nào gặp gỡ rồi cũng trọn vẹn đi đến hạnh phúc lứa đôi. Tình yêu đẹp nhưng buồn là một mô típ trở đi trở lại trong thơ Nguyễn Bính. Tác phẩm *Cô lái đò* là một trong những thi phẩm tiêu biểu viết về đề tài này của *thi sĩ thương yêu*. Không gian của *bến sông* đã trở thành nhân chứng của một cuộc tình. Ở đây, tác giả đã chọn không gian đó để làm nơi điểm tựa khởi đầu của một mối tình và cũng tại nơi này là nhân chứng của cuộc chia ly. Ở đó, hai người đã gặp gỡ nhau, nảy nở một mối tình cách nay đã ba năm về trước vào một ngày *xuân*. Nhưng nay chỉ là kỉ niệm:

*Xuân đã đem mong nhớ trở về  
 Lòng cô gái ở bến sông kia  
 Cô hồi tưởng lại ba xuân trước  
 Trên bến cùng ai đã nặng thề.*

(Cô lái đò)

Câu chuyện kể về tình yêu của cô gái: Khi mùa xuân đến, cô nhớ về những kỉ niệm tình yêu của mình. Cách đây ba năm cô đã từng yêu, đã hò hẹn và thề nguyện ở nơi bến sông kia. Nhưng rồi chàng trai ấy ra đi, bỏ lại cô với nỗi nhớ khôn nguôi. Cảnh cũ, người đâu, tình dần tàn phai theo năm tháng, cô bồi hồi nhớ

lại. Cũng chính vào *mùa xuân* hiện tại mà Cô lái đò nhớ lại ba năm về trước (ba xuân), để nhớ, hoài niệm “Lòng cô gái ở bên sông kia”

*Nhưng rồi người khách tình xuân ấy*

*Đi biệt không về với bến sông*

*Đã mấy lần xuân trôi chảy mãi*

*Mấy lần cô gái mới mồn trông...*

(Cô lái đò)

Chuyện tình duyên của Nguyễn Bính toàn là chuyện bâng khuâng vì “Lỡ bước sang ngang”. Đây là những chuyện tình ngày xuân nơi thôn quê gắn bó với bến đò, hoa bưởi, hoa chanh... Thơ tình ngày xuân của ông không ồn ào mà dịu dàng, không mạnh mẽ mà bâng khuâng, nuối tiếc.

Cái tôi lãng mạn của Nguyễn Bính chìm trong hồi tưởng như bao nhà Thơ mới khác: người tìm về quá khứ vàng son thời oanh liệt, người da diết với dư âm ảo ảnh sót lại một thời, người trôi vào cõi bồng lai, cõi ma, cõi đạo hay tiền kiếp, người nương náu chốn quê mùa. Nguyễn Bính chỉ mơ về ngày trước, thiên đường của một thôn dân là vợ “vì tầm chạy dâu”, chồng vì mơ quan trạng mà miệt mài đèn sách. Thực chất thi sĩ lãng mạn chán ghét, bất hoà với thực tại bấy giờ nên vẽ ra một thực tại trong mơ ước để thay thế thực tại bên ngoài tầm tối phủ phàng. Và cuộc đời càng nhiều nổi truan chuyên đắng cay càng phải bầu vào điểm tựa tinh thần nào đó, sống với giấc mơ cũng là cách giải thoát bi kịch. Một nho sĩ và một thi sĩ, một người yêu quê và một khách giang hồ cùng hòa lẫn trong cái tôi trữ tình: Nguyễn Bính. Các thi sĩ lãng mạn đã từng thốt lên: "*Tôi chỉ là người mơ ước hảo thân ôi!*", còn Nguyễn Bính thì than:

*Nhưng mộng mà thôi mộng mất thôi*

*Hoa tàn rượu ế ấy tình tôi*

*Chiều nay tôi chấp đôi tay lại:*

*“Đừng gặp người xưa nữa lạy giờ”.*

(Hoa với rượu)

Câu chuyện về cuộc đòi dâu bể, đổi thay: hoa tàn, rượu ế: chuyển tải một sự thật phũ phàng ở hiện tại. Hoa đã tàn, rượu không thơm nữa thay vào đó là sự tàn phai, nhạt nhẽo. Nhà thơ đã thể hiện một hành động hết sức cảm động: “*chấp đôi tay lại*” và xin trời “*đừng gặp người xưa nữa*”. Thi nhân đã thức tỉnh và hiểu được *Hoa - rượu* không còn như xưa nữa mà bây giờ đã nhạt, phai, tàn, úa theo thời gian. Hạnh phúc đã vỡ vụn, tất cả đã lùi về dĩ vãng và xem nó như một kỷ niệm đẹp trong cuộc đời. “Bạn đồng hành” với thi sĩ thường là một mối thất tình:

*Tú Uyên ơi!*

*Cả một mùa mai rụng trắng rồi.*

*Cả một mùa sen đương độ nở*

*Bốn mùa trơ lại cái thân tôi.*

(Nàng Tú Uyên)

Và cuối cùng, đây là đoạn kết thúc buồn thảm của cuộc đời “nhà nghệ sĩ” :

*Mợ để tôi đi, mợ nín đi!*

*Còn sao được nữa, khóc mà chi!*

*Bao nhiêu đau khổ, ngần ấy tuổi,*

*Chết cũng không non yếu nổi gì!*

(Giới giảng)

Nguyễn Bính kêu khổ như vậy với vợ, nhưng trong thâm tâm, rất có thể thi sĩ vô cùng thích thú được ném cái mùi đau khổ đó, giống như Lưu Trọng Lư thích thú được “đắm mình trong thú đau thương”! Những bài thơ *Lỡ bước sang ngang*, *Viếng hồn trinh nữ*, *Những bóng người trên sân ga...* hình như mang cả nỗi sầu nhân thế.

Từ chỗ bị xô đẩy, đày đoạ bởi số phận, Nguyễn Bính đã đi đến chỗ chủ động ném cuộc đời của mình vào một cuộc phiêu lưu vô định, đầy rẫy bất trắc để tìm kiếm những ấn tượng lạ và thật. Rồi ông khai thác cái thế giới nội tâm đầy ấn tượng ấy, cường điệu chúng, “ép nốt dòng dư lệ” của mình để làm tư liệu sống động sáng tạo nên những bài thơ có ma lực “hớp hồn” người đọc, nhất là các chàng trai và các cô tiểu thư thành thị thời bấy giờ. Với sự đánh đổi bằng một giá rất đắt ấy, cộng với

chân tài và nghệ thuật điêu luyện, Nguyễn Bính trở thành nhà thơ trữ tình kiệt xuất của thời đại.

*Chỉ một vài năm nữa, thế rồi  
(Người ta thương nhớ có ngàn ấy thôi)  
Người ta nhắc đến tên nàng để  
Kể chuyện nàng như kể chuyện vui*

(Viếng hồn trinh nữ)

Với tâm hồn nhạy cảm tinh tế, Nguyễn Bính đã thấy những sự thay đổi trong con người, đặc biệt là người nhà quê trước làn gió thị thành. Ông lo lắng cho những giá trị văn hoá truyền thống đang ngày càng bị mai một.

Trong thơ tình Nguyễn Bính nhiều nỗi buồn mà ít niềm vui. Nhà thơ như lạc lõng giữa xứ người trong những tháng ngày lênh đênh. Nghèo, nhưng lại đa mang chuyện ái tình, và chính điều này đã tạo nên một giọng điệu than vãn, rầu rĩ, thờ than trong thơ Nguyễn Bính:

*Bỏ lại vườn cam, bỏ mái gianh  
Tôi đi đan dúi với kinh thành  
Hoa thơm mơ mãi vườn tiên giới  
Chuồn mãi men say rượu ái tình.*

(Hoa với rượu)

Thơ Nguyễn Bính viết nhiều về tình yêu, nhưng không mấy khi người ta bắt gặp ở đó nụ cười mãn nguyện mà chỉ thấy nhiều buồn đau và nước mắt. Bởi phần lớn những cuộc tình là đơn phương thầm lặng, hoặc người ta bỏ nhà thơ mà đi, cho nên cái ấn tượng về sự khổ đau nó hằn in trong tâm trí, đi vào thơ một cách tự phát. Con tim đa tình kia đã bao lần trao gửi, nhưng không nơi nào cho nó một bến đỗ bình yên.

Thơ Nguyễn Bính giàu chất tự sự. Mỗi bài thơ là một câu chuyện, nhất là chuyện tình yêu, một mảnh đời, thân phận trăm đắng nghìn cay. Nguyễn Bính nhìn vào sông nước, đò trôi thấy tràn cảm xúc ly tán, xót thương, dẫu bề, tang tóc.



### Tiểu kết chương 3

Ở các câu chuyện trong thơ Nguyễn Bính, người đọc thấy nổi lên một số mô típ nghệ thuật: mô típ tha hương, mô típ tan vỡ, mô típ tàn phai.

Câu chuyện về con người tha hương xuất hiện khá phổ biến trong thơ Nguyễn Bính và trở thành mô típ. Với mô típ này, đã thể hiện cái mặc cảm lạc loài của nhà thơ lãng mạn. Nhưng điều đặc biệt ở Nguyễn Bính là dường như mỗi chặng đường chân là một câu chuyện tình. Nguyễn Bính đã từng yêu rất nhiều người nhưng phần lớn những cuộc tình ấy đều trở thành dang dở, thế nên mỗi sự đổ vỡ đều để lại trong nhà thơ nỗi đau khổ, day dứt. Sự tan vỡ ấy đã trở thành mô típ – mô típ tình lỡ, mô típ tàn phai trong thơ Nguyễn Bính.

Những mô típ trong thơ Nguyễn Bính vừa cho ta thấy nguyên tắc tổ chức hình tượng của loại thơ trữ tình giàu yếu tố tự sự vừa giúp chúng ta nhận thấy được tâm tư tình cảm của nhà thơ. Trong các mô típ này, Nguyễn Bính thường dùng hình thức tu từ ẩn dụ. Với hồn thơ của mình, ông đã đem lại những quan niệm mới mẻ cho các ẩn dụ ấy.

## KẾT LUẬN

1. Tự sự là phương thức tái hiện đời sống trong toàn bộ tính khách quan của nó. Tác phẩm tự sự bao giờ cũng có cốt truyện. Gắn với cốt truyện là hệ thống nhân vật được khắc họa đầy đủ nhiều mặt hơn hẳn so với nhân vật trong thơ trữ tình và nhân vật kịch. Nếu như tác phẩm tự sự phản ánh đời sống thông qua các chi tiết, sự kiện, câu chuyện thì tác phẩm trữ tình tái hiện hiện thực thông qua cảm xúc, tâm trạng, ý nghĩ của con người. Trong tác phẩm trữ tình, nhà thơ trực tiếp bộc lộ những cảm xúc của mình trước hiện thực cuộc đời. Ở đây, tình cảm riêng tư của nhà thơ bao giờ cũng giữ vai trò quan trọng tạo nên giá trị của tác phẩm. Những tác phẩm trữ tình có giá trị được người đọc yêu mến xưa nay bao giờ cũng thấm đẫm suy tư và dẫn vật của cá nhân nhưng đồng thời cũng đánh động tình cảm, tâm trạng... của cả một lớp người, một thời đại nhất định.

Trong tác phẩm văn học có sự xuất hiện của yếu tố giao thoa thể loại, yếu tố tự sự xâm nhập vào thơ trữ tình và ngược lại. Tự sự trong thơ có nghĩa là trong thơ có yếu tố truyện, có nhân vật kể chuyện, có cốt truyện, có đối thoại, có sự kiện. Và, thơ Nguyễn Bính là một trường hợp điển hình.

2. Nguyễn Bính là một nhà thơ tiêu biểu của phong trào Thơ mới đã biết kết hợp một cách sáng tạo truyền thống văn hoá dân tộc với tinh hoa văn hoá nhân loại để tạo nên một thể loại thơ trữ tình độc đáo có sự pha trộn của yếu tố tự sự. Chu Văn Sơn trong *Ba đỉnh cao Thơ mới Xuân Diệu-Nguyễn Bính-Hàn Mặc Tử* đã nhận thấy "hạt nhân của mỗi bài thơ Nguyễn Bính bao giờ cũng là một cái sự nào đó, được diễn ra thành một cái cốt truyện ở một mức nào đó"

Văn bản tự sự thường được tổ chức theo nguyên tắc kể cận, tức là theo trình tự thời gian trước sau, tiếp nối. Thời gian trong thơ Nguyễn Bính trôi trong cảm xúc cá nhân cho nên thời gian nhanh hay chậm đều do cá nhân con người cảm thấy. Dòng chảy thời gian trong thơ Nguyễn Bính có sự đan xen giữa quá khứ với hiện tại và luôn có sự vận động rõ rệt. Sự vận động theo dòng chảy thời gian trong thơ Nguyễn Bính không tuân theo một vòng khép kín. Mà có lúc ta bắt gặp sự đứt gãy, sự biến suy đột ngột của thời gian, đó cũng là sự đứt gãy, sự gấp khúc, tan vỡ của một tiếng lòng nhiều mộng tưởng.

Trong thơ Nguyễn Bính còn mang đậm sắc thái văn hoá dân gian. Đó là không gian của cuộc sống làng quê với những phong tục, tập quán, những sinh hoạt văn hóa gắn bó thiêng liêng với đời sống tâm linh của người Việt. Những câu chuyện hội hè, đình đám, phong tục ăn trầu, trang phục, văn hóa ngày tết cổ truyền.... Chất văn hóa dân gian còn được thể hiện ở việc kể thừa và phát huy thể thơ lục bát. Trong tất cả các nhà thơ hiện đại, Nguyễn Bính là nhà thơ của đồng quê, là người chịu ảnh hưởng sâu sắc nhất của thi ca bình dân về mọi mặt. Khi phải dứt bỏ chốn quê, “dan díu với kinh thành” để thực hiện khát vọng giang hồ của mình, thôn quê trong thơ Nguyễn Bính được hiện lên qua cái nhìn tâm tưởng, của cõi mơ, cõi nhớ. Những câu chuyện trong thơ ông có chút gì đó phiêu diêu, có chút gì đó như ca dao, cổ tích cũng vì lẽ đó. Các yếu tố tự sự trong thơ Nguyễn Bính đã tạo nên giá trị thẩm mỹ và nhân văn sâu sắc. Nguyễn Bính có rất nhiều bài thơ “đề đời”- đạt độ hoàn mỹ, khiến người đọc say sưa, tâm đắc.

3. Nguyễn Bính như người nghệ sĩ kể chuyện dân gian bằng thơ, hoá thân tài tình vào các nhân vật trữ tình mà giàu chất tự sự. Yếu tố tự sự trong thơ Nguyễn Bính thể hiện mỗi bài thơ là một câu chuyện kể. Nhất là những câu chuyện về tình yêu, về những mảnh đời, thân phận đáng cay. Trong thơ Nguyễn Bính những bài thơ có "chuyện" chiếm một tỷ lệ lớn.

Ở các câu chuyện trong thơ Nguyễn Bính, người đọc thấy nổi lên một số mô típ nghệ thuật: mô típ tha hương, mô típ tan vỡ, mô típ tàn phai. Đó là những câu chuyện về con người tha hương xuất hiện khá phổ biến trong thơ Nguyễn Bính và trở thành mô típ. Với mô típ này, đã thể hiện cái mặc cảm lạc loài của nhà thơ lãng mạn. Nhưng điều đặc biệt ở Nguyễn Bính là dường như mỗi chặng đường chân là một câu chuyện tình. Nguyễn Bính đã từng yêu rất nhiều người nhưng phần lớn những cuộc tình ấy đều trở thành dang dở, thế nên mỗi sự đổ vỡ đều để lại trong nhà thơ nỗi đau khổ, day dứt. Sự tan vỡ ấy đã trở thành mô típ – mô típ tình lỡ, mô típ tàn phai trong thơ Nguyễn Bính.

Những mô típ trong thơ Nguyễn Bính vừa cho ta thấy nguyên tắc tổ chức hình tượng của loại thơ trữ tình giàu yếu tố tự sự vừa giúp chúng ta nhận thấy được tâm tư tình cảm của nhà thơ. Trong các mô típ này, Nguyễn Bính thường dùng hình

thức tu từ ẩn dụ. Với hồn thơ của mình, ông đã đem lại những quan niệm mới mẻ cho các ẩn dụ ấy.

4. Có thể nói, nghiên cứu tính tự sự trong thơ Nguyễn Bính là một hướng tiếp cận đòi hỏi một trực cảm tinh tế và một tư duy lô gic, biết xâu chuỗi các vấn đề. Thơ Nguyễn Bính là mảnh đất phù sa màu mỡ đã nhiều lần được “cày xới”, nhiều nhà nghiên cứu đã đi sâu tìm hiểu. Chúng tôi, với tất cả sự cố gắng của mình đã cố gắng chạm được đến sự kì diệu của những câu thơ mang đậm chất tự sự trong thơ Nguyễn Bính.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Vũ Quốc Ái - Quang Huy - Đỗ Đình Thọ - Kim Ngọc Diệu** (sưu tầm, tuyển chọn) - *Tuyển tập Nguyễn Bính*, NXB Văn học, Hà Nội, 1986.
2. **Henri Benac** (Nguyễn Thế Công dịch) (2005), *Dẫn giải ý tưởng văn chương*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
3. **Nguyễn Bính** - *Mây Tần*, NXB Hương Sơn.
4. **Nguyễn Bính** (1995), *Tâm hồn tôi, Lỡ bước sang ngang, Mười hai bến nước*, NXB Hội nhà văn, Hà Nội.
5. **Huy Cận- Hà Minh Đức** (chủ biên) (1995), *Nhìn lại một cuộc cách mạng trong thi ca*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
6. **Nguyễn Huệ Chi**, *Từ điển văn học* (bộ mới).
7. **Phan Cự Đệ - Trần Đình Hượu – Nguyễn Trác – Nguyễn Hoàn Khung – Lê Chí Dũng – Hà Văn Đức** (2005), *Văn học Việt Nam (1900 – 1945)*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
8. **Phan Cự Đệ** (1999), *Văn học lãng mạn Việt Nam (1930 - 1945)*, NXB Giáo Dục.
9. **Đoàn Thị Điểm** (2007), *Chinh phụ ngâm diễn ca*, NXB Văn học, Hà Nội.
10. **Nguyễn Đăng Điệp – Văn Giá – Lê Quang Hưng – Nguyễn Phượng – Chu Văn Sơn** (2005), *Chân dung các nhà văn Việt Nam hiện đại (Tập 1)*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
11. **Nguyễn Đăng Điệp**(1994), *Khối tình lỡ của người chân quê*, Tạp chí Văn học số 5.
12. **Nguyễn Đăng Điệp** (2002), *Giọng điệu trong thơ trữ tình*, NXB Văn học, Hà Nội.
13. **Hà Minh Đức** (chủ biên) (2007), *Lý luận văn học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
14. **Hà Minh Đức** (1998): *Thơ và mấy vấn đề trong thơ Việt Nam hiện đại*,

NXB Giáo dục.

15. **Hà Minh Đức - Đoàn Đức Phương** ( tuyển chọn và giới thiệu ) - *Nguyễn Bính về tác gia và tác phẩm*, NXB Giáo dục, 2003.
16. **Hà Minh Đức** (1994), *Nguyễn Bính thi sỹ của đồng quê*, NXB Giáo dục.
17. **Genette**, *Biên giới của tự sự*. Trong sách *Những vấn đề lí luận văn học phương Tây hiện đại - Tự sự học kinh điển*, NXB Văn học, Hà Nội, 2010.
18. **Nhiều tác giả** (2007), *Nguyễn Bính – Tác giả trong nhà trường*, NXB Văn học, Hà Nội.
19. **Nhiều tác giả** (2005), *Giảng văn văn học Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
20. **Nhiều tác giả** (1984), *Từ điển văn học*, NXB Khoa học xã hội, H.
21. **Nhiều tác giả** (1992), *Từ điển thuật ngữ văn học*, Giáo dục, H.
22. **Nhiều tác giả** (1999), *Nguyễn Bính – Thâm Tâm – Vũ Đình Liên*, NXB Giáo dục.
23. **Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi** (2007), *Từ điển thuật ngữ văn học*, NXB Giáo dục.
24. **Tô Hoài** (1984), *Một nét thơ Nguyễn Bính*, Văn nghệ Hà Nam Ninh, số 26.
25. **Tô Hoài** (1994), *Nhà thơ của tình quê, chân quê, hồn quê*, NXB Văn học, Hà Nội.
26. **Đoàn Hương** (2000), *Văn Luận*, NXB Văn học, Hà Nội.
27. **Đình Gia Khánh** (1998), *Văn học dân gian Việt Nam*, NXB Giáo dục 1998, Hà Nội.
28. **Phương Lưu** (chủ biên) (2006), *Lý luận văn học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
29. **Nguyễn Đức Mậu**, *Chất truyện trong thơ Nguyễn Bính*.
30. **Tôn Thảo Miên** (tuyển chọn) *Nguyễn Bính (Thơ trước 1945) Tác phẩm và dư luận*, NXB Văn học, Hà Nội, 2002.

31. **Phạm Duy Nghĩa**, *Cốt truyện trong văn xuôi dân tộc và miền núi*.
32. **Trương Thị Nhân** – *Sự biểu đạt bằng ngôn ngữ các THPT không gian trong ca dao*. Luận án phó tiến sĩ Ngữ văn, 1995.
33. *Những vấn đề lí luận văn học phương Tây hiện đại - Tự sự học kinh điển*, NXB Văn học, Hà Nội, 2010.
34. **Vũ Ngọc Phan** (1960), *Nhà văn hiện đại*, NXB Thăng Long, Sài Gòn.
35. **Đoàn Đức Phương** (2005), *Nguyễn Bính hành trình sáng tạo thi ca*, NXB Giáo dục
36. **Đoàn Đức Phương** (1996), *Hoài niệm quê hương trong thơ Nguyễn Bính*, Tạp chí khoa học, số 1.
37. **Vũ Quần Phương** (1986), *Đọc lại Nguyễn Bính*, Báo Văn nghệ số 29.
38. **Vũ Quần Phương** (2007), *Thơ với tuổi thơ Nguyễn Bính*, NXB Kim Đồng.
39. **Chu Văn Sơn** (2003): *Ba đỉnh cao Thơ mới Xuân Diệu - Nguyễn Bính - Hàn Mặc Tử*, NXB Giáo dục.
40. **Trần Đình Sử** (1993), *Thơ mới và sự đổi mới thi pháp thơ trữ tình*, Tạp chí văn học số 6.
41. **Trần Đình Sử** (2005), *Lý luận và phê bình văn học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
42. **Trần Đình Sử**, *Thi pháp truyện Kiều*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2002.
43. **Nguyễn Trọng Tạo** biên soạn (2008), *Lỡ bước sang ngang*, NXB Thanh niên, Hà Nội.
44. **Nguyễn Thị Minh Thái** (2005), *Phê bình tác phẩm văn học nghệ thuật trên báo chí*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.
45. **Hoài Thanh - Hoài Chân** (2000): *Thi nhân Việt Nam*, NXB Văn học.
46. **Trần Thị Thanh** (1997), *Một số phương diện trong thế giới nghệ thuật thơ Nguyễn Bính*, Đại học Sư Phạm Hà Nội.
47. **Nguyễn Huy Thiệp** - *Tôi chú ý đến trí tưởng tượng của nhà văn*, Báo Văn nghệ Trẻ, số 3 - 2007.

48. **Nguyễn Gia Thiều** (2007), *Cung oán ngâm khúc*, NXB Văn học, Hà Nội.
49. **Trần Nho Thìn** (2003), *Văn học trung đại Việt Nam dưới góc nhìn văn hóa*, nxb Giáo dục, Hà Nội.
50. **Trần Nho Thìn** (2012), *Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XIX*, NXB Giáo dục Việt Nam.
51. **Đỗ Đình Thọ** (1989), *Nguyễn Bính - Xuân tha hương*, Sở Văn hóa thông tin Hà Nam.
52. **Đỗ Đình Thọ** (1987), *Thơ tình Nguyễn Bính*, Sở Văn hóa thông tin Hà Nam
53. **Trần Đình Thu**, *Nguyễn Bính – Thi sĩ giang hồ*.
54. **Nguyễn Thị Thuý** (2004), *Ngôn từ nghệ thuật thơ Nguyễn Bính*, Luận văn thạc sĩ ngữ văn, Hà Nội.
55. **Tạ Ty** (1970), *Mười gương mặt văn nghệ*, NXB Kim Lai, Sài Gòn.